

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le N° 0708 G 88353
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication: Nguyễn Văn Huy

Revue mensuelle Thông Luận, imprimée en France par la SARL Point Concept - 51 avenue Paul-Vaillant Couturier - 94400 Vitry sur Seine.
Prix du numéro : 3,5 EUR - Abonnement un an (11 numéros) : 35 EUR

ISSN 1145-9557 - Số 211 - Năm thứ 20, tháng 02-2007

Mừng
Xuân
Đinh
Hợi



Kiểm điểm đầu năm Đinh Hợi

Trước thềm năm Đinh Hợi, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên và toàn ban biên tập Nguyệt San Thông Luận xin kính chúc quý độc giả và thân hữu sức khỏe, hạnh phúc và mọi điều như ý. Đồng thời cũng xin chúc đất nước một sức bật mới trong cuộc đấu tranh giành tự do và dân chủ.

Đây cũng là dịp để chúng ta kiểm điểm lại những vấn đề của đất nước.

Chúng ta có thể nói một cách chắc chắn : chính quyền cộng sản đang dẫn đất nước đi lạc hướng vào bế tắc. Kinh tế chưa tăng trưởng được bao nhiêu nhưng tham nhũng và bất công đã quá trầm trọng. Tệ hơn nữa, chúng ta đã tụt hậu rõ ràng đối với thế giới và các nước trong vùng. Việt Nam gần như đã bỏ cuộc trong cuộc chạy đua khoa học kỹ thuật và triệt thoái về những hoạt động kỹ thuật thấp với tương lai rất giới hạn như gia công quần áo và giày dép, bao bì, tôm cá đông lạnh, cà phê, hồ tiêu, cao su, v.v.

Hơn lúc nào hết, chúng ta cần một nhận định dứt khoát : Việt Nam phải đổi hướng đi, và để đổi hướng đi phải thay đổi cả chế độ lẫn chính quyền. Chênh lệch giàu nghèo và bất công xã hội đã quá bi đát, nhưng chúng ta có thể chờ đợi gì ở một chính quyền vừa lấy một quyết định không thể tưởng tượng được là sẽ bãi bỏ dần dần các nhà thương công miễn phí ?

Kinh nghiệm của mọi quốc gia trên thế giới đã chứng tỏ rõ ràng rằng chưa hề có trường hợp một chính quyền tham nhũng có thể tự cải tiến để trở thành một chính quyền không tham nhũng. Đó là điều không thể có. Người ta không thể cải tiến một chính quyền tham nhũng mà chỉ có một giải pháp là thay thế nó bằng một chính quyền khác.



Chúng ta đã quá tụt hậu trong cuộc cách mạng tri thức đang sôi nổi trên thế giới. Trong cuộc tranh đua này, kiến thức, ý kiến và sáng kiến là tất cả, nhưng ý kiến và sáng kiến chỉ có thể nảy sinh và phát triển nơi những con người tự do, trong các xã hội dân chủ. Chúng ta cần dân chủ một cách khẩn cấp.

Không được để cho mức tăng trưởng 7,5% che khuất một nguy cơ lớn là đất nước đang đi vào ngõ cụt. Mức tăng trưởng này chỉ có bởi vì chúng ta là một dân tộc có quá nhiều tiềm năng chỉ chờ đợi được khai thác ; nó đã chỉ phục vụ cho một thiểu số rất nhỏ và chỉ đào sâu hố ngăn cách trong xã hội.

Nhưng để phấn đấu cho một tương lai khác, chúng ta cũng không nên lằm về chính mình. Không nên quá hài lòng về khả năng học hỏi của người Việt mà quên đi nhược điểm cơ bản của dân tộc ta là thiếu sáng tạo và ý chí. Không được để cho số lượng đông đảo những người có bằng cấp cao, nhất là tại hải ngoại, che khuất sự kiện là chúng ta rất thiếu tư tưởng chính trị, và càng thiếu văn hóa tổ chức. Chúng ta có nhiều nhà khoa bảng nhưng lại thiếu một cách bi đát các cấp lãnh đạo. Cũng không nên quá tin vào lịch sử bốn nghìn năm văn hiến mà quên rằng chúng ta chưa bao giờ là một dân tộc tự do và do đó vẫn mang những tật nguyên của người nô lệ : chia rẽ, ghen tương và đố kỵ, những tật nguyên tâm lý này cho đến nay vẫn ngăn cản việc xây dựng một lực lượng dân chủ có tầm vóc.

Trong cuộc đấu tranh cam go này, để thắng chính mình trước khi có thể thắng các trở ngại và đánh bại một chính quyền đặt nền tảng trên bạo lực và lòng tham, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên chờ đợi sự hưởng ứng của mọi người tha thiết với tương lai đất nước. Tập Hợp xứng đáng được sự hưởng ứng này.

Thông Luận

Trung Quốc mất dần sức hấp dẫn về đầu tư

Nguyễn Minh

Trong hai thập niên qua, giới đầu tư Đông Á (Nhật, Nam Hàn, Đài Loan, Singapore) đã xem Trung Quốc như một địa điểm đầu tư lý tưởng. Từ 1992, họ đã xung phong đầu tư vào vùng châu thổ sông Chu Giang, sau đó là vùng châu thổ quanh Thượng Hải, rồi đến khu vực quanh thủ đô Bắc Kinh, từ Thiên Tân đến Đại Liên. Những nhà đầu tư phương Tây cũng không bỏ lỡ cơ hội, tất cả đều chọn Trung Quốc làm trọng điểm gia công và sản xuất hàng hóa cho các thị trường của họ.

Nhờ có một lực lượng nhân công vừa đông vừa rẻ, Trung Quốc đã biến thành công trường sản xuất hàng hóa rẻ tiền lớn nhất thế giới. Điều không nhà đầu tư nào ngờ là người Trung Quốc có khả năng học nghề rất nhanh nên đã học luôn cách tổ chức và quản lý sản xuất. Nhưng thay vì cạnh tranh hợp pháp, phần lớn các xí nghiệp Trung Quốc chọn đường lối bất chính: sao chép (copy) lại những hàng hóa nhận gia công để sản xuất trên qui mô lớn và chào bán ồ ạt trên các thị trường quốc tế với giá nhiều lần rẻ hơn. Lượng hàng rẻ tiền này đè bẹp hẳn khả năng sản xuất và chiếm lĩnh luôn thị trường các quốc gia nghèo khó (châu Phi, châu Mỹ la-tinh và châu Á).

Từ chỗ học lóm, các công ty và xí nghiệp lớn của Trung Quốc đã đủ tự tin để yêu cầu chuyển giao công nghệ hay mua bằng sáng chế và tự đầu tư sản xuất các mặt hàng cao cấp và phức tạp khác như cơ khí và công nghiệp nặng (đóng tàu, xe hơi, lọc dầu), điện tử và tin học (điện tử gia dụng, máy tính, điện thoại cầm tay, các máy tính thị số). Giới lãnh đạo Bắc Kinh đang nhắm ngôi vị cường quốc số hai, sau Mỹ và trước Liên Hiệp Châu Âu và Nga trong vài thập niên tới. Thấy gì sau viễn ảnh lạc quan này?

5 năm sau khi gia nhập WTO

Tháng 12-2001, Trung Quốc được Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO) tuyên bố chính thức là hội viên. Trong suốt 5 năm qua, Trung Quốc đã thỏa mãn gần hết những yêu cầu của WTO như chỉnh đốn lại luật lệ để thực hiện chính sách mở cửa trọn vẹn ra nước ngoài, nới lỏng sự kiểm soát trong các ngành giao thông, vận tải, thương mại và tiền tệ. Đặc biệt là về thuế quan: thuế đối với hàng nước ngoài đã giảm từ 13,6% năm 2001 xuống còn 9,9% năm 2006. Nhờ những ưu đãi về thuế khóa đối với đầu tư nước ngoài và các hoạt động tích cực mời gọi khác đã đem đến hiệu quả tốt khiến nhiều xí nghiệp của Nhật, Âu, Mỹ lần lượt đổ xô vào Trung Quốc. Ngạch trao đổi với nước ngoài từ khoảng 500 tỷ USD năm 2000 đã tăng vọt lên 1.700 tỷ USD vào năm 2006. Tổng thu nhập quốc nội (GDP) trong 5 năm qua đã tăng gấp đôi, đứng thứ 4 trên thế giới. Tăng trưởng kinh tế từ 9 đến 10%.

Nhưng đối với giới đầu tư nước ngoài, sự lạc quan không ở ngang tầm mức đó. Họ phàn nàn rằng các xí nghiệp nước ngoài không được tự do kinh doanh trên lãnh

thổ như Trung Quốc đã cam kết khi gia nhập WTO, họ vẫn tiếp tục bị làm khó dễ bởi các thủ tục hành chính rườm rà như quyền cấp giấy phép, cách vận dụng luật pháp còn rất tùy tiện và tùy thuộc từng chính quyền địa phương.

Các chính phủ và giới đầu tư phương Tây đã nhiều lần bày tỏ sự bất mãn đối với chính quyền Bắc Kinh về sự không tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ. Trước sự lan tràn các mặt hàng giả về nhu liệu tin học, phim hình và âm nhạc, mặc dù Bắc Kinh đã ban hành rất nhiều luật bảo vệ những nhà sản xuất băng đĩa CD và DVD nước ngoài, các chính quyền địa phương đã không những không tuân hành mà còn bao che những người vi phạm. Nếu chính quyền Trung Quốc không có một hành động cụ thể nào để thay đổi tình trạng mua bán hàng lậu và hàng giả này, trong những ngày sắp tới giới sản xuất băng đĩa phương Tây sẽ kiện chính quyền Trung Quốc trước ủy ban trọng tài WTO.

Về việc mở cửa toàn bộ các sinh hoạt kinh tế cho cạnh tranh, đến nay Bắc Kinh vẫn chưa chấp nhận cho các công ty và xí nghiệp nước ngoài đầu tư vào các ngành điện lực, thông tin, hàng không, xuất bản. Thêm vào đó họ còn lập thêm phòng trắc nghiệm để bảo vệ ngầm những ngành kỹ nghệ trong nước, chẳng hạn như trong tháng 9-2006 cho phép bộ thương nghiệp đình chỉ việc các công ty hay xí nghiệp nước ngoài mua lại các xí nghiệp Trung Quốc và không giải thích rõ mua đến mức độ nào thì bị đình chỉ.

Hiện nay Trung Quốc đang khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các ngành kỹ thuật cao cấp, môi trường, dịch vụ, nhưng đầu tư nước ngoài đang khựng lại. Người ta sợ khả năng học lóm và cạnh tranh bất chính của người Trung Quốc, nhất đang chờ xem đồng nhân dân tệ (CNY) biến chuyển như thế nào trong năm 2007 để có quyết định thích hợp.

Thời kỳ sau Trung Quốc

Trước những bất rắc vừa nêu trên, giới đầu tư quốc tế đang có khuynh hướng rút khỏi địa bàn Trung Quốc để đầu tư sang các nước khác. Giới đầu tư Đông Á đang hướng về Việt Nam, giới đầu tư châu Âu nhắm vào Thổ Nhĩ Kỳ. Sự kiện này đang thấy rõ dần từ những tháng cuối năm 2006, các nhà sản xuất của Nhật, Đài Loan, Singapore bắt đầu tìm cách rút chân từ từ khỏi Trung Quốc để dời cơ sở hay đầu tư vào Việt Nam và Miến Điện.

Cụ thể là vào tháng 11-2006, công ty Nhân Bảo của Đài Loan, gồm hai công ty EMS chuyên lắp ráp hàng điện tử lớn thứ 2 của Đài Loan và công ty Compal Electronic chuyên sản xuất máy tính điện tử cầm tay lớn thứ 2 thế giới đã khởi công xây dựng nhà máy mới tại Việt Nam. Cũng nên biết công ty Nhân Bảo đã xây dựng một nhà máy lớn ở Côn Sơn tỉnh Giang Tô có thể lắp ráp 20 triệu máy vi tính cầm tay cá nhân mỗi năm. Đầu năm nay hãng Microsoft phát hành Windows Vista làm nhu cầu máy tính cá nhân

trên thế giới gia tăng, thay vì tiếp tục phát triển cơ sở có sẵn tại Trung Quốc, công ty Nhân Bảo đã chọn Việt Nam làm cứ điểm sản xuất mới nhất cho version Windows này.

Tại sao bỏ rơi những công trường sản xuất tại Trung Quốc ? Tại vì những ưu đãi lúc ban đầu dành cho giới đầu tư nước ngoài đang chấm dứt. Thêm vào đó thị trường lao động tại Trung Quốc không còn rẻ như trước : lương nhân công ngày càng cao và các phụ phí lao động ngày càng gia tăng. Đó là chưa nói đến các chi phí cố định không ngừng tăng lên : giá thuê sử dụng đất và mặt bằng, điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm... Phải nói thêm là, do hối suất đồng CNY vừa được điều chỉnh, giá thành của mọi sản phẩm đều tăng lên khiến hàng hóa sản xuất tại Trung Quốc mất dần sức cạnh tranh.

Vì những lý do đó, các xí nghiệp thuộc hệ lắp ráp điện tử của các quốc gia tiên tiến Đông Á, đặc biệt là Đài Loan, quanh vùng Thượng Hải và tỉnh Quảng Đông đang lôi kéo những xí nghiệp phương Tây rời khỏi Trung Quốc để tìm mặt bằng sản xuất hàng hóa tại những quốc gia khác.

Theo giới đầu tư Đài Loan, quốc gia có khả năng thay thế và hấp dẫn nhất hiện nay là Việt Nam. Lý do là Việt Nam tuy có ngôn ngữ khác biệt nhưng có nhiều điểm tương đồng về văn hóa nên dễ giao dịch hơn tại các quốc gia không cùng văn hóa như Thổ Nhĩ Kỳ hay Bắc Phi. Thêm vào đó, Việt Nam vừa chính thức gia nhập WTO và đang áp dụng một chính sách đổi mới có phần thoáng hơn Trung Quốc. Hơn nữa chi phí lao động của Việt Nam rẻ hơn Trung Quốc, chỉ bằng 1/3 hoặc 1/2, và không nên quên rằng dân số Việt Nam hiện nay trên 83 triệu người, do đó không sợ thiếu nhân công. Đó là chưa kể người Việt Nam làm việc chăm chỉ và ít bỏ việc hơn người Trung Quốc.

Trọng lượng đầu tư vào Việt Nam của các xí nghiệp nước ngoài cho đến cuối tháng 11-2006 đã đạt 9,78 tỷ USD, cao hơn những năm trước. Nếu so sánh mức đầu tư vào Trung Quốc trong năm qua với gần 60 tỷ USD thì khối lượng đầu tư của quốc tế vào Việt Nam đã gần bằng 1/6 của Trung Quốc ; nếu lấy khối lượng này so với tỷ trọng dân số thì tỷ lệ đầu tư quốc tế vào Việt Nam cao hơn nhiều.

Đối với Nhật Bản, hiện nay đã có hơn 260 công ty, xí nghiệp lớn nhỏ đang hoạt động tại Việt Nam. Điều này cho thấy Việt Nam là một trong những thị trường đầu tư lớn của Nhật. Trong hội nghị thượng đỉnh APEC 13 vừa qua, thủ tướng Shinzo Abe của Nhật hứa sẽ viện trợ đặc biệt thêm cho Việt Nam 700 triệu USD, nâng tổng số viện trợ ODA của Nhật cho Việt Nam từ năm 2001 đến nay lên đến 6,9 tỷ USD. Số tiền 700 triệu này được dùng để tài trợ cho hai kế hoạch xây dựng hạ tầng quan trọng là : nhà máy phát điện nguyên tử do hai công ty Toshiba và Westinghouse thực hiện ; trùng tu và mở rộng hai quốc lộ số 1 (Liên Việt) và số 9 (qua Nam Lào) do các công ty Nihokoei (xây đập Đa Nhim), Hazama (xây bệnh viện Chợ Rẫy) và RMK (xây các quốc lộ lớn ở miền Nam trước 1975). Cả hai kế hoạch sẽ bắt tay thực hiện trong năm nay.

Về viện trợ ODA của Nhật, Việt Nam đứng hàng thứ ba sau Trung Quốc và Ấn Độ, nhưng trong thực tế, đặc biệt là trong tài khóa 2006-2007, Việt Nam đứng đầu ba nước

Đông Á (Singapore, Đài Loan và Việt Nam) hưởng viện trợ ODA của Nhật. Cũng nhờ viện trợ này, Đài Loan vừa hoàn thành đường xe điện cao tốc Đài Bắc-Cao Hùng theo dạng Shinkansen và Singapore vừa hoàn tất xây dựng phi cảng Chang Gi lớn nhất Đông Nam Á.

Sau các nước BRIC (Brazil, Russia, India, China), các nhà đầu tư quốc tế đa xem ba nước TVT (Taiwan, Vietnam, Turkey) là nơi đầu tư lý tưởng. Hàng hóa sản xuất tại ba quốc gia này đủ khả năng cạnh tranh với Trung Quốc và Ấn Độ, thêm vào đó do vị trí địa lý thuận lợi hàng hóa sản xuất tại các quốc gia này có thể vận chuyển dễ dàng vào Trung Đông, Liên Hiệp Châu Âu và Hoa Kỳ.

Đe dọa thế giới để che giấu một tương lai bấp bênh

Trong cố gắng duy trì nguồn cung cấp nguyên nhiên vật liệu của mình, Bắc Kinh đã tận tình giúp đỡ các quốc gia nghèo khó nhưng có nhiều tài nguyên tại châu Phi và châu Mỹ la-tinh để đổi lại những gì mình thiếu. Hiện nay Trung Quốc là quốc gia cung cấp vũ khí chính tại châu Phi, đặc biệt là những quốc gia đang có xung đột như Sudan và Somalia.

Ngày 11-1-2007, Bắc Kinh đã bắn thử nghiệm một vệ tinh khí tượng của họ đang bay trên không gian bằng một hỏa tiễn từ mặt đất. Trung Quốc là một trong ba quốc gia (Hoa Kỳ, Nga, Trung Quốc) trên thế giới đã thử nghiệm bắn phá một vệ tinh đang bay trên quỹ đạo địa cầu. Tuy nhiên đối với dư luận quốc tế, sự phô trương khả năng quân sự này là một mối nguy vì người ta lo rằng cuộc chạy đua vũ trang đang tiến ra không gian, một khu vực nghiên cứu khoa học và hòa bình. Trong những năm qua hải quân Trung Quốc đã tung hoành khắp vùng Đông Nam Á và tuyên bố chủ quyền trên những khu vực có nhiều tiềm năng khoáng sản, bất chấp những phản đối của các quốc gia địa phương. Với lý do bảo vệ đường tiếp tế nguyên nhiên liệu của mình, tham vọng bành trướng ra biển của Bắc Kinh không che giấu được ai. Nhu cầu nhập nguyên nhiên vật liệu của Nhật Bản và Nam Hàn cao hơn Trung Quốc rất nhiều lần nhưng hải quân của hai nước này không đe dọa quốc gia nào trong vùng.

Khi cho bắn thử nghiệm một vệ tinh đang bay trên quỹ đạo trái đất, Trung Quốc có nhiều chủ ý. Thứ nhất là để phô trương với các quốc gia kém phát triển, nhưng có nhiều nguyên, rằng Trung Quốc là một chỗ dựa mà họ có thể trông cậy để vươn lên. Thứ hai là muốn được dư luận trong nước tự hào về khả năng quốc phòng của nước mình và quên đi những bất mãn trước bất công ngày càng trầm trọng đe dọa sự thống nhất của Trung Quốc. Thứ ba là muốn có một tiếng nói mạnh hơn trên các diễn đàn quốc tế, nhất là được ngang hàng với Hoa Kỳ trong các hội nghị quốc tế để phân chia lại quyền lực và quyền lợi trên thế giới. Thứ tư là muốn cảnh cáo những quốc gia trong khu vực Đông Nam Á rằng Trung Quốc là một cường quốc kinh tế và quân sự trong vùng không nên khinh thường. Bắc Kinh tin rằng với thử nghiệm mới này, các quốc gia phát triển sẽ quan tâm và giúp đỡ Trung Quốc nhiều hơn.

Nguyễn Minh (Tokyo)

Davos 2007 : vô tư trước mọi nguy cơ

Nguyễn Văn Huy

Hàng năm, cứ đến tháng Giêng các nhân vật lớn trên thế giới hẹn gặp nhau tại Davos - một thành phố nhỏ nằm trên sông Lanwasser và là một trạm thể thao mùa đông phía đông Thụy Sĩ - trong một hội nghị gọi là Diễn Đàn Kinh Tế Thế Giới (World Economic Forum-WEF). Đây là cuộc hội ngộ của những người giàu sang nhất, danh giá nhất hay có tiếng tăm nhất thế giới. Được mời tham dự hội nghị Davos tương đương với được nhìn nhận như một người xuất sắc nhất.

Trong hội nghị lần này, từ 24 đến 28-1-2007, có khoảng 2.400 khách mời đến từ 90 quốc gia, chủ yếu là những người lãnh đạo các công ty đa quốc lớn, bên cạnh đó là các cấp lãnh đạo quốc gia có mối quan hệ với các công ty đa quốc, sau cùng là một vài nhân vật được coi là đặc sắc nhất của năm trước trong giới báo chí, văn học, nghệ thuật. Nói chung đó là hội nghị của những người có địa vị cao nhất để bàn về tương lai của một thế giới do họ làm chủ.

Không có gì ngạc nhiên khi một hội nghị như vậy được coi là biểu tượng của xuynh hướng toàn cầu hóa. Không thể khác vì thành phần tham dự là những phần tử siêu đẳng đến từ nhiều nước. Từ hơn một thập niên qua, chủ đề của diễn đàn này luôn luôn xoay quanh phong trào toàn cầu hóa, dưới cái nhìn của những nhà kinh doanh lớn. Năm nay chủ đề của Davos 2007 là *"Sắp đặt chương trình toàn cầu : Vấn đề quyền lợi đối tay"* (*Shaping the Global Agenda : The Shifting Power Equation*).

Tuy nhiên, như Nguyễn Gia Kiểng đã nhận định trong bài diễn văn khai mạc hội nghị trung ương Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tháng 10-2005 (*Thông Luận số 197*, tháng 11-2005), Davos dần dần mất sự chú ý của dư luận mặc dù những phương tiện khổng lồ và những khách mời rất nổi tiếng của nó. Bởi vì đó là một trường hợp điển hình của sự nhìn sai vấn đề ngay từ đầu : toàn cầu hóa không phải là một vấn đề kinh tế, không chỉ là buôn bán trong khuôn khổ Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO) để các doanh nhân có thể dự liệu và hướng dẫn. Toàn cầu hóa phải được xây dựng trên những giá trị khác : dân chủ, nhân quyền, đạo đức, quốc tế, môi trường, liên đới, thông qua một Liên Hiệp Quốc được tăng cường và lành mạnh hóa.

Nói cách khác, Davos không có thẩm quyền bàn về toàn cầu hóa. Đó là lý do khiến nó không còn được chú ý nữa. Mặt khác, tuy miệng kẻ sang có gang có thép, tuy có tiền mua tiền cũng được, sự giàu có chưa bao giờ là một biểu tượng của trí tuệ. Một diễn đàn đòi hỏi những ý kiến đặc sắc và không có gì bảo đảm rằng những người thành công trong kinh doanh cũng đồng thời là những nhà tư tưởng lớn. Hội nghị Davos 2007 một lần nữa xác định sự thật này.

Các diễn giả Davos nói chung đã tỏ ra rất lạc quan và vô tư đến mức độ vô ý thức. Tại sao vậy ? Đó là vì sự vui buồn của các doanh nhân tùy thuộc vào lợi nhuận của các công ty, nói chung là của các công ty phát đạt, mà họ làm chủ. Năm vừa rồi cổ phần của các công ty tăng đều trên các thị trường chứng khoán, hầu hết đã xóa bỏ hậu quả của cái bong bóng "kinh tế mới" năm 2000 và cuộc khủng hoảng World Trade Center ngày 11-9-2001, lợi nhuận của các công ty tăng cao hơn bao giờ hết, kinh tế thế giới tăng trưởng mạnh trong hơn ba năm qua. Các doanh nhân không đòi hỏi gì hơn. Các tài sản lớn thường được

xây dựng trên những trực giác đúng và những may mắn hơn là trên những suy nghĩ và tiên liệu đúng. Họ vui mừng với những thành quả đó nên không nhìn thấy những nguy cơ đang rình rập thế giới.

Một vài thí dụ. Phần thu nhập của công nhân trong tổng sản lượng thế giới, thay vì tăng lên theo sự tiến triển của nền văn minh, đã giảm sút từ 56% xuống 54%, trong khi phần lợi tức của các xí nghiệp tăng vọt từ 10% lên 16%. Các chủ xí nghiệp dĩ nhiên là hân hoan, nhưng còn hân hoan được bao lâu khi quan hệ xã hội trên thế giới trở nên căng thẳng vì bất mãn. Tình trạng này đã đưa đến hiện tượng nhiều đảng cánh tả mị dân lên cầm quyền và sự bành trướng của các xuynh hướng cực đoan tại châu Âu. Phong trào toàn cầu hóa đang được giới công nhân tại các nước phát triển nhìn như một đe dọa. Đã bắt đầu có những tiên đoán rằng sớm muộn gì sự căng thẳng xã hội tại các nước phát triển sẽ làm các thị trường chứng khoán sụt giá. Trên những vấn đề này hội nghị Davos 2007 không đưa ra được một hướng giải quyết nào.

Vấn đề được bàn cãi nhiều nhất là môi trường, đặc biệt là sự gia tăng nhiệt độ của trái đất. Vấn đề càng nổi bật vì Davos 2007 diễn ra vào giữa lúc một hội nghị thế giới về môi trường đang được tổ chức tại Paris (Pháp). Nhưng Davos đã không đưa ra được một định hướng nào. Khối lượng CO2 của Trung Quốc và Ấn Độ, bị coi là đang thải mạnh chất độc này trong khí quyển, vẫn còn rất thấp so với Tây Âu và Hoa Kỳ. Nhưng nếu một người Ấn Độ và Trung Quốc cũng gây ô nhiễm bằng một người Mỹ hay Tây Âu thì trái đất sẽ trở thành lò lửa. Vấn đề tài trợ nông phẩm tại các nước phát triển gây nhức nhối cho các nước kém phát triển tại châu Phi và châu Á cũng được nêu ra nhưng không đạt tới một đồng thuận nào. Pháp vẫn khăng khăng giữ nguyên mức trợ cấp của họ cho nông dân mặc dù Hoa Kỳ đã nhượng khá nhiều.

Sau cùng sự kiện nổi bật nhất trong hội nghị Davos 2007 lần này là sự vắng mặt của Hoa Kỳ. Trước đây các chính khách Hoa Kỳ luôn luôn được coi là những tài tử chính của sân khấu Davos, những phát biểu của họ gây được chú ý nhất vì Hoa Kỳ được coi là có vai trò lãnh đạo thế giới một cách tự nhiên. Năm nay không có những chính khách lớn của Hoa Kỳ và điều này không làm ai ngạc nhiên. Chủ đề của hội nghị là *"Sự đối tay của quyền lực thế giới"*. Đối tay được hiểu là quyền lực đang chuyển dần về châu Á, ý muốn nói là sự xuống cấp về trọng lượng của Mỹ và Tây Âu.

Thế giới sẽ ra sao nếu không có lãnh đạo ? Hình như mọi người đều quên rằng một thế giới không có lãnh đạo, nghĩa là vô trật tự như trong thập niên 1920, sẽ đưa đến suy thoái và khủng hoảng ; tình trạng này đã giúp các chế độ cộng sản, phát-xít và quốc xã phát triển và dẫn đến thế chiến 2.

Sự sút giảm vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ và Liên Hiệp Châu Âu là một đe dọa lớn cho trào lưu dân chủ. Không ai tỏ ra lo ngại trước những thoái bộ về dân chủ tại Thái Lan, Bangladesh và châu Mỹ la-tinh ; Davos vẫn hân hoan trong không khí kinh tế tăng trưởng. Tương lai của thế giới đã quá quan trọng để có thể phó thác cho những nhà kinh tế và những doanh nhân.

Nguyễn Văn Huy

TÂM NIỆM TRƯỚC MỘT HIỆP ĐẤU MỚI

Nguyễn Gia Kiểng

Từ mùa hè 2004 với sự chuẩn bị đại hội 10, kế tiếp là những thay đổi nhân sự trong ban lãnh đạo cộng sản, rồi hội nghị APEC và việc Việt Nam gia nhập WTO, không khí chính trị Việt Nam đã thay đổi lớn. Hậu quả của những thay đổi này là từ nay những người dân chủ Việt Nam có thể hoạt động tương đối công khai, dù là một cách không chính thức và với nhiều khó khăn.

Bước tiến này đặt những người dân chủ Việt Nam trước một vận hội mới và những trách nhiệm mới. Cụ thể là không còn có thể viện dẫn chính sách đàn áp của đảng cộng sản như là lý do duy nhất của sự thiếu vắng một lực lượng dân chủ có tầm vóc. Làm được hay không được từ nay cũng tùy thuộc một phần đáng kể ở bản lĩnh của chính những người dân chủ.

Đây là lúc mà những người dân chủ cần nhận định rõ bản chất của cuộc đấu tranh này, ta mạnh và yếu ở những điểm nào, có thể và phải làm gì.

Người Mỹ thường bị chê là quá thực dụng nhưng họ cũng có một câu nói : *"Sự hiểu biết là một nửa của cuộc đấu"* (Knowledge is half of the fight). Một nửa, và cũng là nửa đầu.

Thực lực của hai bên, đảng cộng sản và đối lập dân chủ, đã thay đổi ; nhiều vũ khí đã hết hiệu lực. Trước đây một trong những vũ khí thường được sử dụng là phơi bày sự ngu dốt quê mùa của các cán bộ cộng sản. Ngày nay họ là những người giàu có, sang trọng. Đảng Cộng Sản Việt Nam là chính đảng giàu nhất thế giới, sau Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Guồng máy đảng và nhà nước có nhiều chuyên gia trình độ cao và có đầy đủ thông tin. Hơn ba thập niên cầm quyền cũng đã khiến họ hiểu biết nhiều về kỹ thuật quản trị, về tình hình quốc gia và thế giới. Phương tiện và sự hiểu biết, ít nhất hiểu biết thực dụng, đã lệch hẳn về phía đảng cộng sản. Vấn đề là họ đã trở thành một đảng gian. Vũ khí của những người dân chủ là đại diện cho lương tâm, lẽ phải, sự lương thiện, lòng bao dung và lòng yêu nước, tóm lại là chính nghĩa. Nếu thể hiện được những giá trị này, những người dân chủ không những có thể chinh phục được quần chúng mà còn lôi kéo được cả khối lượng to lớn những người có tâm huyết ngay trong guồng máy đảng và nhà nước. Ngược lại, nếu bị ngờ vực trên điểm này họ không có hy vọng nào cả. Điều này phải được nhận định thật rõ rệt, hệ luận của nó là phe dân chủ phải rất khe khắt về đạo đức và trí tuệ.

Vấn đề của đảng cộng sản cũng là, dù đã tiến bộ nhiều về kiến thức, họ vẫn chưa thay đổi văn hóa chính quyền. Chính họ nói là họ đã *"cướp"* được chính quyền năm 1945 và từ đó vẫn giữ một văn hóa chính quyền cổ điển, nghĩa

là cướp bóc. Nói như vậy không phải là thóa mạ đảng cộng sản mà chỉ để nhận xét là họ chưa đổi mới về tư tưởng. Trước khi dân chủ và nhân quyền xuất hiện mọi chính quyền trên thế giới về bản chất khác khác những đảng cướp. Các vua chúa bắt dân nộp thuế và xây lâu đài cho họ nhưng ngược lại không cảm thấy có bốn phận nào với người dân cả. Những câu tục ngữ dân gian như *"cướp đêm là giặc cướp ngày là quan"*, *"được làm vua thua làm giặc"* chứng tỏ người Việt Nam đã hiểu rõ điều này từ rất lâu rồi.

Năm 1945, ông Hồ Chí Minh nói là đã cướp được chính quyền. Năm 1969 ông để lại di chúc yêu cầu đảng miễn thuế cho dân hai năm. Nếu hiểu thuế là những đóng góp bắt buộc để làm những việc cần thiết cho xã hội thì không thể hiểu di chúc này. Rõ ràng ông Hồ Chí Minh thuộc văn hóa chính quyền cũ.

Sau khi làm chủ miền Bắc, đảng cộng sản cướp ruộng đất và tàn sát địa chủ trong Cải Cách Ruộng Đất. Năm 1975, chiếm được miền Nam, họ tịch thu các ngân hàng, cướp tiền của dân qua hai đợt đổi tiền, tịch thu tài sản của các quân nhân công chức chế độ Việt Nam Cộng Hòa, tổ chức cho dân nộp vàng chuộc mạng để vượt biên bán công khai. Đảng cộng sản luôn luôn hành động như một đảng cướp. Cho tới nay họ vẫn giữ văn hóa chính quyền này ; hàng trăm ngàn dân oan đang mòn mỏi chờ được giải quyết đơn khiếu kiện vì bị cướp đất, cướp nhà. Việc họ ngoan cố duy trì chế độ độc đảng cũng nằm trong văn hóa cướp bóc, bởi vì chế độ độc đảng không gì khác hơn là sự cướp đoạt quyền quyết định của nhân dân.

Chống lại văn hóa chính quyền này, văn hóa dân chủ coi quốc gia trước hết là một dự án tương lai chung của những con người tự do và chính quyền chỉ là dụng cụ để thực hiện dự án này. Phải nắm vững văn hóa dân chủ để có thể giải thích và thuyết phục quần chúng, nếu không tự do, dân chủ chỉ là những từ ngữ trừu tượng và "chính quyền của dân, do dân và vì dân" chỉ là khẩu hiệu.

Đối lập dân chủ có thể và phải thắng dứt khoát trong cuộc tranh luận về các định hướng của đất nước. Rõ ràng là đảng cộng sản đang dẫn đất nước đi lạc hướng vào ngõ cụt. Trong cuộc cách mạng tri thức đang diễn ra sôi nổi trên thế giới, và sẽ quyết định chỗ đứng và sự vinh nhục của các dân tộc, Việt Nam không phải đã thua cuộc mà thực ra đã bỏ cuộc. Chúng ta chủ yếu chỉ có những xí nghiệp kỹ thuật thấp như gia công quần áo và giày dép, đóng bao bì, hải sản đông lạnh và nông phẩm. Những ngành này chỉ có một tương lai rất giới hạn ; phải gia công một tỷ áo sơ mi mới mua được một máy bay Airbus hay Boeing, một ngàn cái mới mua được một máy vi tính.

Đất nước phải gấp rút đổi hướng đi. Trên điểm này

đảng cộng sản không có lập luận nào cả. Họ đã nhìn nhận sai lầm dù không có biện pháp sửa sai. Điều mà đối lập dân chủ có thể và cần nhấn mạnh với tất cả sức thuyết phục bởi vì đây chỉ là một nhận xét thành thực - là không thể tranh đua trong cuộc cách mạng tri thức dưới chế độ cộng sản. Vũ khí chính của cuộc cách mạng tri thức này là ý kiến và sáng kiến, những yếu tố chỉ có thể nảy sinh và phát triển nơi những con người tự do, trong các xã hội dân chủ. Cuộc tranh luận về định hướng này cũng sẽ dẫn tới một cuộc tranh luận khác. Đấu trường của cuộc cách mạng tri thức là các trường học, nhưng hệ thống giáo dục và đào tạo của ta đã quá xuống cấp, đa số các bằng cấp của ta hầu như không còn giá trị nào theo tiêu chuẩn quốc tế, đã thế lại còn vô số bằng giả. Trên điểm này chính quyền cộng sản cũng không có lập luận nào để chống đỡ ; trách nhiệm của họ đã quá lớn, quá nghiêm trọng.

Chính quyền cộng sản cũng đã nhìn nhận rằng tham nhũng đang tàn phá đất nước ở mức độ nguy kịch, chống tham nhũng là cuộc chiến đấu sống còn. Nhưng kinh nghiệm của mọi quốc gia trên thế giới đều cho thấy rằng không thể có trường hợp một chính quyền tham nhũng tự cải tiến để biến thành một chính quyền không tham nhũng ; giải pháp duy nhất là phải thay thế nó bằng một chính quyền khác. Và chỉ có dân chủ, qua các cuộc bầu cử tự do, mới cho phép thay đổi chính quyền trong hòa bình và trật tự. Vậy thì nếu chống tham nhũng là cuộc chiến đấu sống còn thì hệ luận tất nhiên là đất nước phải có dân chủ và đảng cộng sản phải bị sa thải. Đây là một lập luận quyết định.

Nhưng dù lập luận vững tới đâu thuyết phục quần chúng đứng dậy đấu tranh đòi dân chủ vẫn là một vấn đề rất khó khăn. Quần chúng có thể có cảm tình với phe dân chủ và bỏ phiếu cho những người dân chủ nếu có bầu cử tự do nhưng lại không sẵn sàng chấp nhận những hy sinh để tranh đấu đòi bầu cử tự do. Họ chỉ chấp nhận hy sinh nếu sự hy sinh đó hứa hẹn những quyền lợi cụ thể. Đây là một điểm bối rối lớn cho đối lập dân chủ.

Đảng cộng sản trước đây đã được hưởng ứng vì, khác với các đối thủ của họ, họ hứa hẹn một điều rất cụ thể : đó là nếu cách mạng thành công họ sẽ lấy đất và tài sản của người giàu chia cho người nghèo, một lập luận cướp bóc nhưng có trọng lượng. Ngày nay nếu chúng ta chỉ hứa hẹn tự do và dân chủ thì vẫn chỉ là những hứa hẹn trừu tượng đối với đại đa số quần chúng chưa đủ lý luận để nhìn thấy những phúc lợi của dân chủ. Chúng ta cần một lý luận cụ thể hơn. Và chúng ta có thể có một lập luận giản dị và cụ thể nhưng đầy sức thuyết phục. Đó là giải quyết tệ bất công quá thối đốn hiện nay do sự tập trung những đặc quyền đặc lợi vào tay một thiểu số cường hào, các cán bộ trung, cao cấp cộng sản và một số tư sản đỏ. Một cách giản dị, tổng sản lượng quốc gia (GDP) của Việt Nam hiện nay vào khoảng 45 tỷ USD mỗi năm, trung bình 550 USD cho mỗi đầu người, nhưng một công nhân hay một nông dân, tiêu biểu cho hơn 70 triệu người, chỉ được 600 USD mỗi

năm (50 USD/tháng) để nuôi một vợ và hai con, trung bình mỗi người là 150 USD mỗi năm. Như vậy trong số 45 tỷ USD có tới 35 tỷ lọt vào tay những người được ưu đãi và gia đình họ, trên dưới 10 triệu người. Hơn 70 triệu người Việt Nam còn lại chỉ chia nhau khoảng 10 tỷ USD.

Kinh tế hiện nay đang tăng trưởng ở mức trên 7% mỗi năm, một tổ chức xã hội hợp lý hơn chắc chắn sẽ còn đem lại một mức tăng trưởng cao hơn nữa. Nhưng cứ giả thử kinh tế không tăng trưởng và chính quyền mới dù không "cướp của người giàu chia cho người nghèo" và cũng không truy tố ai cả, dù chỉ giải quyết được một phần tệ bất công xã hội thôi, thì cũng đủ tăng gấp đôi phần của đại khối dân tộc, nghĩa là sẽ đem lại cho đa số quần chúng mức sống gấp đôi. Chúng ta có thể hứa hẹn tăng gấp đôi mức sống của quần chúng trong vòng một năm và lời hứa này chắc chắn sẽ thực hiện được. Nhưng cũng cần phải nhấn mạnh rằng giảm bớt bất công là điều bắt buộc để bảo vệ tình tự dân tộc. Giữa những người có thể ăn xài hàng ngàn USD một buổi tối và những người chỉ có 50 USD một tháng để nuôi vợ và hai con không làm gì có tình đồng bào.

Trên đây chỉ là những thí dụ để cho thấy nhu cầu đem lại một nội dung cho thông điệp dân chủ. Chúng ta có thể thắng dễ dàng trong cuộc tranh luận ý kiến. Nhưng đó không phải là tất cả.

Vấn đề cốt lõi là động viên quần chúng tham gia cuộc vận động dân chủ. Đây là điểm cần được khai thông vì vẫn còn quá nhiều ngộ nhận. Cho đến nay chúng ta đã chứng kiến những cố gắng, rất may là không thành, như vận động cô lập Việt Nam, trừng phạt Việt Nam về kinh tế. Nền tảng của lập trường này là Việt Nam có khủng hoảng, đời sống có khó khăn, nhân dân mới căm thù chế độ cộng sản và đứng lên tranh đấu lật đổ chế độ. Lập trường này vừa tàn nhẫn với đồng bào trong nước vừa rất sai.

Mọi nghiên cứu và kinh nghiệm lịch sử đều đưa đến một kết luận rất rõ rệt : một khối người dù đông đảo đến đâu và bị bóc lột đến đâu đi nữa cũng không đứng dậy trong một cuộc đấu tranh chung nếu không có những điều kiện cần thiết. Mặt khác không phải những người bị thua thiệt nhất là những người đứng dậy tranh đấu, họ chỉ có thể hưởng ứng một cuộc đấu tranh đã gần như chắc chắn thắng lợi mà thôi. (Giai cấp bản cổ nông Việt Nam đã chỉ nhập cuộc ủng hộ đảng cộng sản sau khi họ đã cướp được chính quyền năm 1945 với một đội ngũ nhỏ). Những người đứng dậy tranh đấu là những người tương đối đã khá giả và nhận thức rằng họ không có được chỗ đứng phải có. Không phải là một sự tình cờ mà mọi cuộc cách mạng, kể cả các cuộc cách mạng cộng sản, đều xuất phát từ giới trí thức trung lưu.

Những điều kiện nào cần thiết để động viên quần chúng ?

Điều kiện thứ nhất là một ý thức rằng mình thuộc một thành phần bị một thành phần khác bóc lột và cuộc sống và chỗ đứng của mình chỉ có thể cải thiện trong một giải pháp chung chứ không thể có giải pháp cá nhân. Các đảng cộng sản đã thành công ở một số quốc gia, như Việt Nam,

vì họ đã tạo ra được ý thức một giai cấp bản cố nông bị giai cấp địa chủ bóc lột và phải đánh đổ giai cấp địa chủ để giải thoát toàn thể giai cấp mình. Điều này rất quan trọng và cũng rất khó đạt tới, nhất là đối với một phong trào dân chủ kêu gọi bao dung và đoàn kết dân tộc thay vì hận thù. Ý thức phải rất rõ rệt, nghĩa là mọi người phải cảm thấy đủ gắn bó với thành phần của mình cả về quyền lợi lẫn tình cảm để không có ý định xé lẻ tìm cách tự thăng tiến một mình. Ý thức này chỉ có thể là thành quả của một cố gắng thuyết phục nghiêm túc và kiên trì, bởi vì các tập đoàn cầm quyền không thiếu khả năng cám dỗ.

Hãy lấy thí dụ của chính nước ta, cũng là trường hợp của Trung Quốc. Chế độ thi cử để ra làm quan thực ra là một chế độ rất tệ hại, nó đưa những con người chỉ có những kiến thức từ chương cũ kỹ và rất sơ sài - một thanh niên ngày nay có thể học hết Tứ Thư và Ngũ Kinh trong một vài ngày - vào địa vị quyết định đời sống của dân chúng, nhưng nó tạo ra một ảo tưởng là có chuyển động trong xã hội cho phép thay đổi giai cấp. Nhưng trong thực tế có bao nhiêu người thay đổi được giai cấp? Ba năm một khoa thi, mỗi tỉnh được một vài người, nghĩa là hầu như không có gì, rốt cuộc con vua thì lại làm vua, con sãi chùa vẫn quét lá đa. Tuy nhiên cái ảo tưởng "linh động xã hội" (social mobility) này đã giúp các chế độ quân chủ Khổng giáo kéo dài hàng ngàn năm và chắc chắn còn kéo dài vô tận nếu không tiếp xúc với phương Tây.

Một cách tương tự, chế độ cộng sản ngày nay cũng đưa ra những mẫu người thành công xuất phát từ giai cấp nghèo khổ. Nhưng số người này là bao nhiêu? Chúng ta sẽ cần những thống kê xã hội và những lập luận chính xác để vạch trần sự bịp bợm này, và chúng ta cũng cần rất nhiều kiên trì bởi vì tâm lý thông thường của con người là luôn lách, tránh hiểm nguy, tìm lối thoát cho riêng mình, để mặc cho những kẻ đại dốt đem đầu húc đá; và lại nếu vạn nhất chúng có thành công thì cả xã hội, trong đó có mình, đều được hưởng. Chúng ta cần một cố gắng rất mãnh liệt và bền bỉ để chứng minh rằng chủ nghĩa luôn lách không phải chỉ là hèn nhát mà còn là đại dốt. Trong cố gắng này chúng ta cần lên án mạnh mẽ và dứt khoát chủ nghĩa nhân sĩ, nghĩa là làm chính trị cá nhân hay liên kết giữa một vài cá nhân. Về bản chất, đây chỉ là chủ nghĩa luôn lách trong sinh hoạt chính trị. Một người làm sao có thể kêu gọi quần chúng từ bỏ chủ nghĩa luôn lách nếu chính mình cũng luôn lách? Một tổ chức làm sao thuyết phục quần chúng kết hợp đấu tranh nếu vẫn tôn vinh những người xé lẻ?

Điều kiện kế tiếp là phải có một tổ chức động viên. Mọi nghiên cứu lý thuyết cũng như mọi kinh nghiệm trên thế giới đều quả quyết không hề có hiện tượng quần chúng tự nhiên đồng loạt đứng dậy tranh đấu đòi thay đổi xã hội. Mọi thay đổi chế độ và chính quyền đều cần một tổ chức làm động cơ. Không có ngoại lệ nào cho qui luật này.

Không phải tổ chức nào cũng có thể động viên quần chúng. Muốn động viên được quần chúng tổ chức phải hội đủ ít nhất ba điều kiện. Trước hết phải có một tư tưởng chính trị và một dự án chính trị đủ sức thuyết phục, và trên

thực tế đã thuyết phục được, một số đông đảo. Không phải là một sự tình cờ mà một phong trào chính trị luôn luôn phải có một phong trào tư tưởng đi trước. Dự án chính trị và nhất là tư tưởng chính trị không thể vay mượn, bởi vì tư tưởng phải được liên tục triển khai vào thực tại và người ta chỉ có thể thích nghi một dự án chính trị với thực tại mà không biến chất nó và bộc lộ sự mâu thuẫn trong hành động nếu là dự án của chính mình. Sau đó tổ chức phải rất gắn bó và đồng nhất. Mọi chọn lựa, dù chắc chắn phải có thảo luận trong một sinh hoạt dân chủ, cuối cùng phải là những quyết định đồng thanh trước mắt quần chúng. Điều trở trêu là một tổ chức tranh đấu cho dân chủ và đa nguyên lại phải rất đồng nhất trong nội bộ. Lý do là vì tổ chức được nhìn như một thực thể, nhìn từ bên ngoài một tổ chức chia rẽ về ý kiến không khác gì một người chưa biết mình muốn gì. Làm sao hy vọng thuyết phục được quần chúng theo một đường lối mà chính mình cũng chưa tin chắc? Cuối cùng, tổ chức phải đủ mạnh, đủ tầm vóc và phương tiện, hay ít nhất phải chứng tỏ tiềm năng trở thành lớn mạnh, để quần chúng tin tưởng vào thắng lợi. Không hội đủ ba điều kiện tối thiểu này thì mọi cố gắng động viên quần chúng chỉ là vô vọng.

Xây dựng một tổ chức thường được coi như là cuộc hành trình qua sa mạc, nó cô đơn, mệt mỏi và buồn nản. Nguyễn Trãi kể cuộc đấu tranh giải phóng của Lê Lợi bằng những lời thấm thía: "*Trông người người càng vắng ngắt [...] khi Linh Sơn lương hết mấy tuần, khi Khôi Huyện quân không một đội*". Nhưng đó là điều kiện tiên quyết, không có không được, khó đến đâu cũng không thể tránh né.

Những sự thực hiển nhiên này hình như nhiều người dân chủ Việt Nam vẫn chưa nắm vững mặc dù đó là kết luận của mọi nghiên cứu và kinh nghiệm. Việc thành lập hội và các tổ chức rồi kêu gọi quần chúng hưởng ứng thay vì tham gia vào những tổ chức đã có đủ thời gian để chứng tỏ bản lĩnh và sự lương thiện là một bằng chứng. Việc kêu gọi thành lập các liên minh lỏng lẻo, và phải nói thẳng là ô hợp, để tự cho mình cái ảo tưởng là có một kết hợp lớn là một bằng chứng khác. Tất cả những động vọng này, ngay cả nếu xuất phát từ thiện chí, cũng tố giác sự ngây thơ và cuối cùng làm phạm phạm thời giờ và sinh lực của cuộc đấu tranh dân chủ. Sở dĩ chúng cứ tái diễn bởi vì nhiều người vẫn chưa biết, hoặc đã bị tham vọng cá nhân làm tê liệt thần kinh và quên đi, những qui luật rất sơ đẳng của đấu tranh chính trị. Những người này cần được thức tỉnh thay vì khuyến khích. Nếu có một điều, mà chúng ta cần tâm niệm trước khi vào hiệp đấu mới này thì đó là: muốn giành thắng lợi cho dân chủ thì phải có một kết hợp dân chủ mạnh, kết hợp này phải bắt đầu từ một tổ chức, và tổ chức này chỉ có thể là kết quả của một chuẩn bị kiên trì và khó khăn về tư tưởng cũng như đội ngũ nòng cốt trong nhiều năm.

Lời cuối: Chỉ có một giống người. Mọi dân tộc đều như nhau về trí tuệ cũng như về sự dũng cảm. Khi một dân tộc tỏ ra bạc nhược thì đó chỉ là vì thành phần tinh nhuệ, nghĩa là thành phần trí thức, của nó chưa xứng đáng.

Nguyễn Gia Kiểng

Tham những quyền lực là tham những gốc

Bùi Tín

Hội nghị trung ương 4 đã bế mạc sau 10 ngày làm việc. Đây là cuộc họp trung ương đầu tiên sau khi Việt Nam vào WTO, một bước quyết định hòa nhập với thế giới. Nó quan trọng ở điều đó.

Trong và ngoài nước đã có những hy vọng lạc quan, dựa vào vài dấu hiệu đáng mừng : mười vụ án tham nhũng cỡ lớn nhất sẽ lần lượt được xét xử ; nghĩa trang quân đội Việt Nam Công hòa ở Biên hòa được giao cho ngành dân sự quản lý ; ông Võ Văn Kiệt thăm dò việc hòa giải với cộng đồng người Việt theo hướng bỏ qua quá khứ nhìn tới tương lai ; cuốn tiểu thuyết tả rõ cuộc cải cách ruộng đất của nhà văn Tô Hoài nằm chờ 12 năm vừa ra mắt bạn đọc ; thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đến Vatican gặp Giáo hoàng...

Phải chăng sau Đại hội 10, sau Thượng đỉnh APEC, những người lãnh đạo mới đã có một cách nhìn mới để tận dụng "thời cơ vàng", "biến thách thức thành động lực" để đưa đất nước tiến lên ?

Xin chờ vội lạc quan.

Hai ngày bàn về kinh tế biển, lẽ ra sôi nổi thì lại nhạt nhẽo nhất. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mất vào tay cho Trung Quốc, rồi sẽ ra sao ? Trong Vịnh Bắc Bộ ta mất đứt 11.000 km² so với trước ? Hiệp định đánh cá chung với anh Tàu, ta yếu sức, thiệt đơn thiệt kép ra sao, các đại biểu im như thóc. Chỉ toàn là phương hướng chung chung, từ nay đến tận năm 2020...

Nội dung chính của cuộc họp 4 là chuẩn bị cho cuộc bầu cử quốc hội thứ 12.

Sẽ không có gì thay đổi về cơ bản. Vẫn là bầu cử theo kiểu rất cũ "đảng chọn dân bầu", với vài nét cải lương chẳng mấy ý nghĩa : tăng thành phần đại biểu chuyên trách lên chừng 25% (100 vị), tăng chút ít số phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người ngoài đảng, nhà kinh doanh ; nhấn mạnh tiêu chuẩn kiên định với định hướng xã hội chủ nghĩa (!), không tham nhũng.

Hội nghị 4 hoàn toàn bỏ ngoài tai một loạt ý kiến của đảng viên, nhân sĩ, trí thức kiến nghị mạnh mẽ : phải đổi mới chính trị cùng với đổi mới kinh tế, phải bắt đầu thực hiện đa nguyên đa đảng trong trật tự và luật pháp, phải có bước đột phá theo hướng dân chủ hóa, phải thực thi quyền lập hội, quyền tự do ứng cử và bầu cử, thực hiện tranh cử với chương trình hành động để cử tri lựa chọn...

Đã vậy, hội nghị vẫn nhấn mạnh đến vai trò của Mặt Trận Tổ Quốc trong việc lựa chọn, giới thiệu người ứng cử. Ai chẳng biết đảng cộng sản đã tổ chức ra mặt trận để làm bình phong và công cụ của riêng đảng. Tôn chỉ mục đích cho đến nhân sự của mặt trận đều do đảng vạch ra và chọn lựa. Đảng cộng sản cử ủy viên bộ chính trị hay ủy viên trung ương đảng làm chủ tịch mặt trận, với một đảng đoàn lèo lái chặt chẽ tổ chức này.

Biết bao trí thức nhân sĩ trong các loại mặt trận - từ Việt Minh, Liên Việt, đến Giải Phóng và Tổ Quốc, đã ngán ngẩm và phẫn nộ nói lên thân phận làm bù nhìn, làm công cụ cho đảng để bị đảng thải loại khi trò hề chấm dứt, kiểu vắt chanh bỏ vỏ.

Tổ chức Mặt Trận Tổ Quốc có hình thù rất quái dị, đầu thì phình to (ở trung ương có 200 vị), thân teo quắt lại (Sài Gòn có vài chục, Hải Phòng 20 vị), các quận huyện thì nơi có nơi không, ở làng xã không có cơ sở nào ! Những đoàn thanh niên liên hiệp, liên hiệp phụ nữ, liên hiệp nông dân, tổng công đoàn ... thấp thoáng trong mặt trận như ma trời, thập thò, ẩn hiện thất thường, làm trang sức rẻ tiền khi cần cho chế độ độc đảng.

Chính các em sinh viên du học Nguyễn Tiến Trung và Nguyễn Hoàng Lan đã viết những bài tiểu luận sắc sảo yêu cầu chấm dứt kiểu "đảng chọn dân bầu", coi kiểu bầu cử hiện nay là vi hiến, là phạm pháp, là trò hề đáng xấu hổ. Các em chứng minh đầy đủ rằng kiểu bầu như thế chỉ là đảng cộng sản tự mình bầu cho chính mình, không cho ai quyền lựa chọn nào khác cả. Đã 11 lần như thế là quá thể, quá quắt lắm rồi. Một kiểu ăn gian chính trị lộ liễu, trắng trợn.

Dân Hà Nội hóm hỉnh và cay đắng nói về trò hề này : "đảng chỉ tay (ra lệnh), mặt trận vỗ tay (tán thưởng), quốc hội dơ tay (biểu quyết), còn nhân dân... trắng tay, nghĩa là mất sạch cả tài sản, tự do và quyền làm người".

Qua công cụ là mặt trận do đảng tạo ra để làm ra quốc hội thì rõ ràng quốc hội là của đảng, của riêng của đảng, nhằm phục vụ riêng cho đảng cộng sản. Từ đó không có gì khó khăn để chứng minh rằng quốc hội này và cả hệ thống chính quyền này là của đảng cộng sản, và từ đó chứng minh rằng trên đất Việt Nam ta từng có các loại chính quyền là : vương quyền, quan quyền, đế quốc quyền, thực dân quyền rồi đến đảng quyền. Đặc điểm của đảng quyền này là đảng cộng sản giữ độc quyền cai trị, một mình một chiếu, không chịu chia quyền, không chịu sự cạnh tranh, ganh đua, giám sát của ai cả. Và cũng từ đó ở Việt Nam ta chưa hề có một chút gì có thể gọi là dân quyền, là chính quyền nhân dân, của dân, do dân, vì dân.

Từ chính quyền độc đảng nên mới có chuyện khác thường, độc đáo là chủ tịch quốc hội được cử ra trước hết là do phân công trong bộ chính trị của đảng cộng sản, mà bộ chính trị lại do trong đảng bầu ra, không hề do lá phiếu của cử tri.

Rồi tổng bí thư đảng cộng sản không do cử tri bầu ra lại nghiễm nhiên là nhân vật số 1 của chế độ ; ông ta có quyền gì mà ra chỉ thị cho quốc hội, bắt quốc hội chấp hành nghị quyết của đảng ?

Cũng từ cai trị độc quyền của đảng cộng sản mà có chuyện phi lý, phạm pháp cực kỳ nghiêm trọng là những

người lãnh đạo cao nhất của đảng thông đồng với nhau lấy một khoản khổng lồ ngân sách của quốc gia - nhà nước cho vào ngân sách của đảng, mà không bao giờ báo cáo trước quốc hội, và cũng không bao giờ được nói đến tại tiểu ban tài chính và ngân sách của quốc hội. Mặc cho Hiến pháp ghi rành rành : "quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của nước ta".

Ở bất cứ nước nào có luật pháp công minh thì trước tình hình như vậy, cả bộ chính trị đã phải vào tù vì tội tước đoạt ngầm công quỹ quốc gia và quốc hội cũng bị giải thể vì vô trách nhiệm đối với công quỹ, cũng là vô trách nhiệm đối với tài sản công, tài sản do dân đóng thuế mà có.

Một số đại biểu quốc hội khóa này đã nhìn ra chuyện tà trời này nhưng vẫn không dám nói công khai ; không phải ai cũng mù tịt không thấy rằng trong cái trò "cướp của công" cũng là "cướp của dân" về đưa cho đảng có bàn tay trong tội lỗi của nguyên bộ trưởng bộ tài chính, kẻ bị số phiếu tín nhiệm thấp nhất trong 5 bộ trưởng được bỏ phiếu giữa năm ngoái, chỉ đạt hơn 60%. Ông này còn được lên ủy viên bộ chính trị, phó thủ tướng thường trực.

Phải tình tường lắm mới thấy những trò ma quái trong bộ máy cai trị độc đảng. Ngay tại Đại hội 9 năm 2001, khi tính chuyện gia nhập WTO, chấp nhận việc tài chính công khai minh bạch, điều lệ đảng cộng sản đã được sửa chữa, đặc biệt là tại chương nói về tài chính của đảng (thay điều 46 trong Điều lệ cũ thành điều 55 trong Điều lệ mới, xóa bỏ câu " tài chính đảng lấy từ ngân sách nhà nước").

Cũng từ đó Nhà xuất bản Sự Thật của đảng trở thành Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia, Trường đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc của đảng trở thành Học Viện Chính Trị Quốc Gia Hồ Chí Minh. Đồng thời các bí thư thành ủy, tỉnh ủy, huyện ủy quận ủy được "tráng" thêm chức kiêm chủ tịch hay phó chủ tịch ủy ban nhân dân để có cơ ăn vào tiền lương nhà nước cộng thêm phụ cấp chức vụ của đảng, để luôn ở vị trí cao nhất ở mỗi địa phương. Vậy có phải là tham nhũng không ?

Chính theo hướng ù lỳ, bám chặt quyền cai trị độc đoán bất chấp thời mở rộng cửa, dù đã chấp nhận công khai minh bạch, trong sáng, hội nghị 4 còn lớn tiếng khẳng định "đảng cộng sản là đảng duy nhất lãnh đạo đất nước" ; ngay Điều 4 trong Hiến pháp năm 1992 cũng chưa dám khẳng định rõ độc quyền như vậy.

Lẽ ra sau khi giành được một vài thắng lợi rõ ràng và nổi bật, lãnh đạo đảng cộng sản cần thận trọng và khiêm tốn, chân thành tiếp thu những lời khuyên có tính chất xây dựng, tỉnh táo nhận ra những thiếu sót, bất cập để kịp thời bổ cứu, thì họ lại trở lại với não trạng sau 30-4-1975, say sưa trong chiến thắng, chỉ thấy một chiều những thắng lợi, chỉ muốn nghe những lời tán tụng quá đáng, bỏ qua những lời khuyên khẩn thiết, những lời cảnh báo ngay thật.

Vì cao ngạo, họ phớt lờ lời khuyên là đã đến lúc đổi mới chính trị thật sự theo hướng dân chủ hóa, họ bỏ qua yêu cầu nhìn thẳng vào sự thật là xếp hạng về tự do kinh doanh, tự do báo chí còn quá thấp, nền tư pháp còn quá non yếu, trình độ cán bộ quản lý kinh tế và hành chính rất kém, nền

giáo dục chậm đổi mới, nói thì hay mà làm dở. Tất cả những yếu kém ấy không hề được đề cập trong hội nghị 4 và còn ở nguyên trong tình trạng không có giải pháp.

Việc thay đổi thời điểm bầu quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp cho khớp với thời điểm đại hội đảng, 5 năm một lần, hay việc giảm số ban của đảng từ 9 xuống 6 ban (nhập ban khoa giáo vào ban tư tưởng-văn hóa, nhập ban tài chính-quản trị với ban kinh tế, nhập ban bảo vệ chính trị vào ban tổ chức ...) chỉ là biện pháp qua loa không giải quyết vấn đề cực lớn hai hệ thống cai trị của đảng và của nhà nước nặng nề quan liêu, năng suất thấp, hợp quá nhiều (để được ăn, uống và nhận phong bì) mà làm thì quá ít đã thành cố tật.

Nạn tham nhũng vẫn vô phương giảm bớt khi đảng cộng sản vẫn ngang nhiên tham những quyền lực, một mình một chiếu, với một quốc hội "mới" nhưng vẫn là của riêng đảng, do đảng chọn kỹ, vẫn lại 88% là đảng viên cộng sản (hiện nay là 439 đại biểu là đảng viên và 55 ngoài đảng) trong khi đảng chỉ chiếm chưa đến 4% số công dân trong xã hội. Tham nhũng quyền lực để vợ và vét, để mức và khoét, để phất to là tham những gốc, để ra mọi tham nhũng khác.

Và rồi xin các vị vừa dự Hội nghị 4 mở mắt, những tham quan ô lại tàn phá tan hoang thêm đất nước, bọn địa tặc và lâm tặc - cướp đất và cướp rừng - ác ôn nhất, những viên chức đục khoét công quỹ và tài sản quốc gia tàn bạo nhất, phần lớn sẽ vẫn những đảng viên, đồng chí của ông Nông Đức Mạnh.

Công luận đang quan sát chặt chẽ. Nhân dân nóng lòng chờ đợi. Cả thế giới đang trông mong. Các nhà đầu tư đang sốt ruột pháp phông cân nhắc. Tuổi trẻ lớn khôn chiếm đa số cử tri đã biết theo dõi và phân tích tình hình.

Chỉ có một lối ra cho đất nước là đảng cộng sản trả lại quyền làm chủ cho nhân dân, sòng phẳng trả lại quyền lập hội, quyền tự do ứng cử bầu cử, quyền tự do báo chí cho nhân dân, mà vô văn chiến sĩ dân chủ gan vàng dạ sắt đang là người đại diện trung thành ; tức khắc, sẽ có chính quyền nhân dân đích thật, sẽ có quốc hội của nhân dân đích thật, chấm dứt thời kỳ đảng quyền phi lý và phi pháp, để nhân dân Việt Nam ta lần đầu tiên trong lịch sử được là những công dân tự do, có Nhân quyền, nghĩa là được làm Người chân chính.

Bùi Tín (Paris)

"Bình thường hóa quan hệ giữa người Việt Nam với nhau. Long trọng xác nhận đất nước này là của chung mọi người chứ không phải là của riêng một đảng hay một chủ nghĩa. Nhìn nhận chỗ đứng ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người. Tất cả những điều này chúng ta đều có thể làm và đều có thể làm ngay. Rồi chúng ta sẽ cùng nhau khám phá ra sự mâu nhiệm của những giá trị rất đơn giản như tự do, dân chủ, hòa hợp dân tộc".
(Thành Công Thế Kỷ 21, tr. 142)

Lịch sử qua về dân gian

Học giả Nguyễn Ngọc Phách lại vừa xuất bản một tác phẩm mới : "*Việt sử đương đại qua 200 câu về bất hủ*". Tên cuốn sách có thể làm người chưa đọc sách nghĩ rằng đây là cuốn sách tập trung những chuyện tếu, đọc để giải trí chứ chẳng có gì sâu sắc. Lầm to. Nguyễn Ngọc Phách là một học giả khó tính, cân nhắc từng chữ, từng chi tiết và chú giải một cách triệt để.

Đây là cuốn sách của một nhà nghiên cứu lịch sử ghi lại những nhận xét của quần chúng về thời đại mà họ đang sống, và chịu đựng. Chúng phản ánh thực trạng xã hội trung thực hơn nhiều so với những cuốn sử do các sử quan ăn cơm vua mặc áo chúa viết ra, hay do những nhà viết sử cận đại dựa trên những tài liệu cũ rồi suy nghĩ theo quan điểm của mình, thường là lệch lạc.

Nguyễn Ngọc Phách chú giải rất đến nơi đến chốn. Những ai đã từng đọc bản tiếng Anh của *Tổ Quốc Ấn Năm* (*Whence... Wither... Vietnam*) đều đã có một ý niệm về cách làm việc của Nguyễn Ngọc Phách. Người đọc nhiều khi tìm được những sự kiện và tài liệu có khi chưa từng được tiết lộ và bỗng nhiên cảm thấy hiểu lịch sử nước ta hơn. Dầu vậy, về vẫn là về, nghĩa là châm biếm, cợt nhả, thậm chí ác độc. Cuốn sách rất vui và dễ đọc.

Để đọc giả có một ý kiến về cuốn sách độc đáo này, không gì bằng một thí dụ. Tôi chọn hai thí dụ trong đó tác giả chú giải sơ sài nhất, câu về về vụ phá đàn Nam Giao ở Huế và hạt bo bo.

Nghiêm Văn Thạch (Paris)

Tìm mua "*Việt sử đương đại qua 200 câu về bất hủ*", tác giả Nguyễn Ngọc Phách, 350 trang, bìa cứng, in ấn thẩm mỹ. Giá 20 USD. Liên lạc với tác giả qua điện thư : evennp@melbpc.org.au

Ai phá Nam giao ?

*Bài San cùng với Trần Đoàn
Hai thằng ngu ấy phá Đàn Nam Giao*

Trước khi có đôi lời bàn như Mao Tôn Cương đã làm trong Tam Quốc Chí, có lẽ bản bút phải có đôi lời giới thiệu về Đàn Nam Giao, một di tích lịch sử trong hàng quan trọng, nhiều ý nghĩa nhất ở Huế.

Như một số độc giả cao niên có thể còn nhớ, Nam Giao là nơi cứ ba năm một lần, các vị vua chúa đời xưa lại đến làm lễ tế Trời, tế Đất. Trước kia, Thăng Long cũng có Đàn Nam Giao nhưng trong chương trình canh tân đô thị của nhà cầm quyền Đông Pháp (1937), họ đã san bằng di tích lịch sử này. Ngày nay, dấu vết duy nhất còn lại là một cái tháp xây năm 1680, được người Pháp cho dựng lại ở ngay cổng vào Viện Bảo Tàng Lịch Sử (tên gốc *Musée Louis Finot*).

Ở Huế, Nam Giao làm một bãi bằng hai cấp, vừa tròn lại vừa vuông - tượng trưng cho Đất và Trời - cách Thành Nội ba cây số về hướng Nam. Năm 1975, ngay sau khi cộng sản chiếm miền Nam, ủy ban cách mạng nhân dân Huế đã có ý xóa bỏ lịch sử khi họ cho lệnh phá Đàn Nam Giao, ắt là để triệt tiêu mọi "biểu tượng phong kiến".

Vào thời điểm trên, Bùi San giữ chức bí thư tỉnh ủy còn Trần Đoàn thì cầm đầu Ban văn hóa nên nhân dân cố đô đã diễm mặt chỉ tên "hai thằng ngu ấy". Tôi không rõ họ đã phản đối ra sao nhưng ít lâu sau, quyết định phá Đàn Nam Giao đã bị rút lại.

Từ buổi đó đến khi bản bút viết mấy hàng này, 30 năm đã trôi qua nhưng tôi vẫn thắc mắc tự hỏi tại sao hai trụ đó cứ thẳng quan tiến chúc đều đều. Trường hợp Trần Hoàn còn đáng ngạc nhiên hơn : tuy đã có lúc bị cáo tham nhũng, hoạn lộ ông ta cứ thênh thang mở rộng. Có thời nhân vật vô văn hóa này còn giữ chức bộ trưởng văn hóa.

Bo bo

*Nhân dân thì chẳng cần lo
Đảng ta lo sẵn bo bo mỗi ngày
Hãy chăm tay cấy tay cấy
Mình ăn nhin mặc chờ ngày vinh quang*

Để hiểu được bài về này, độc giả trẻ tuổi, nhất là những ai sinh trưởng ở ngoại quốc, phải biết bo bo là hạt gì cái đã.

Bo bo là một thứ hạt - theo Tự Điển Tiếng Việt (1992) còn gọi là ý dĩ và có người dịch là *pearl barley* - dân mình chưa hề biết là gì trước khi nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam xin vào COMECON, tổ chức tương trợ kinh tế cho các nước cộng sản.

Sau khi gia nhập COMECON, cấp lãnh đạo cộng sản Việt Nam mới khám phá ra là ngay giữa các nước "vừa là đồng chí, vừa là anh em", bằng hữu chân tình là chuyện rất hiếm. Vì nền kinh tế Việt Nam không có gì để người Đông Âu có thể mua trong khi Việt Nam lại phải nương tựa vào các xứ này về nhiều mặt nên Hà Nội phải nhập cảng bo bo thay gạo.

Để thưởng thức được bài về này, tôi phải xin lưu ý bạn đọc là người Việt mình chỉ quen ăn cơm nên coi tất cả các loại hạt khác là không thích hợp. Chính vì thế mà khi ăn bo bo, chúng ta không sao không nghĩ đến là mình đã bị nhà cầm quyền coi như súc vật.



NGUYỄN VŨ BÌNH EST LIBRE !

Trong ngày 15-11-2006, tổ chức Ân xá Quốc tế (Amnesty International), được giải Nobel về hòa bình năm 1977, đã tổ chức một cuộc họp mặt các nhà văn, nhà thơ lớn trên thế giới tại Montréal để ủng hộ các tù nhân lương tâm. Trong mỗi quốc gia một tù nhân lương tâm tiêu biểu được chọn. Mỗi nhà văn tham dự được ghép với một tù nhân lương tâm để nói về họ thay mặt họ. Năm nay Nguyễn Vũ Bình được Amnesty International chọn làm biểu tượng cho lương tâm Việt Nam và nhà thơ Jean-François Poupart thay mặt Nguyễn Vũ Bình.

Trước đó một tháng, ngày 15-10-2006, Amnesty International cũng tổ chức một cuộc họp mặt tương tự, và cũng Nguyễn Vũ Bình được chọn làm biểu tượng cho lương tâm Việt Nam. Nhà văn Lili Maxime đại diện cho Nguyễn Vũ Bình.

Hai nhà văn này đã gửi đến Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên hai tác phẩm ứng ý nhất của họ để chuyển cho Nguyễn Vũ Bình với những lời đề tựa đầy xúc động.

Lili Maxime viết : *"Sự bất công của loài người sẽ không thể kéo dài khi những người như anh đứng dậy và lên tiếng. Anh đã không từ nhiệm trước bạo lực và đe dọa để nói lên khát vọng tự do và công lý trên mặt đất này. Tôi ngưỡng mộ anh"*.

Nhà thơ Jean-François Poupart đề tựa : *"Tôi đã viết thư phản đối chính quyền cộng sản Việt Nam. Họ tỏ ra tương đối lương thiện, họ không trả lời. Sự im lặng đang bao trùm lên anh đã khiến tôi không thể nhẫn nhục, tôi ra ngoài đường với vũ khí duy nhất là một trái bom sơn và tôi xịt lên tường hàng chữ : "Nguyễn Vũ Bình est libre !" ("Nguyễn Vũ Bình là người tự do"). Về nhà tôi hôn các con tôi với một ý nghĩ mãnh liệt về anh"*.

Hai cuốn sách này sẽ được trao tận tay cho Nguyễn Vũ Bình khi anh được trả lại tự do, trong một thời gian chắc là không lâu.

"Tôi luôn mong muốn mạng sống của chồng tôi được bảo đảm"

Kính gửi : Ngài Tổng bí thư Nông Đức Mạnh
: Ngài Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết
: Ngài Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng
: Các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước
: Ban giám thị trại giam Nam Hà

Tôi tên là Bùi Thị Kim Ngân, thường trú tại số nhà 26/30/349 Minh Khai - Phường Vĩnh Tuy - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

Chồng tôi là Nguyễn Vũ Bình - sinh ngày 2-11-1968 - bị bắt ngày 25-9-2002.

Hiện nay chồng tôi đang bị giam tại trại giam Nam Hà. Tình hình sức khỏe của chồng tôi rất đáng lo ngại. Đã gần 3 tháng nay kể từ tháng khi trại giam cho người đo huyết áp cho chồng tôi, phát hiện ra chỉ số là 150-130 đến nay vẫn không thấy trại giam cho phác đồ và điều trị bệnh cao huyết áp cũng như bệnh đường ruột của chồng tôi. Mặc dù đã hai lần tôi gửi đơn tới các vị quan chức Việt Nam. Lần thứ nhất ngày 14-9-2006. Lần thứ hai ngày 3-11-2006. Trong hai lá đơn trên, tôi đã tha thiết đề nghị với các cấp chính quyền tạo điều kiện cho chồng tôi được khám sức khỏe tổng quát và có hướng điều trị kịp thời các chứng bệnh mà chồng tôi đang mắc phải.

Ngày 7-1-2007, khi đi thăm chồng, tôi hỏi về tình hình huyết áp thì anh ấy không biết hiện nay chỉ số là bao nhiêu, vì không có ai đo kiểm tra nữa và cũng không đưa ra hướng điều trị hay phát thuốc cho chồng tôi. Hôm đó, ngay tại phòng thăm tôi đã đo huyết áp cho chồng tôi bằng máy điện tử của Nhật do tôi mang theo thì thấy chỉ số hiện ra là 180-133. Tôi và chồng tôi đều kêu lên sao cao thế. Tôi đã về gửi ngay cho anh ấy một số thuốc nhưng vẫn rất lo về chỉ số huyết áp của anh ấy. Tôi gửi thuốc cho chồng tôi cũng chỉ vì tình thế cấp bách. Tôi không biết khi chồng tôi nhận được thuốc của vợ gửi vào, có được bác sĩ của trại cho phép dùng và theo dõi hay không ? Chỉ biết rằng hiện tại theo như chỉ số đo thì càng ngày huyết áp của chồng tôi càng tăng. Tôi có hỏi bác sĩ chuyên môn thì nhận được trả lời với chỉ số cao như thế thì chồng tôi cần phải đưa đi khám và điều trị kịp thời, nếu chậm hậu quả sẽ khó lường.

Tôi làm đơn đề nghị tới các vị lãnh đạo nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cũng như các cấp lãnh đạo, ban giám thị trại giam Nam Hà tạo điều kiện khẩn cấp đưa chồng tôi đi khám bệnh và có hướng điều trị bệnh kịp thời cho chồng tôi. Việc giải quyết khẩn cấp khám chữa bệnh cho chồng tôi thể hiện tinh thần nhân đạo của con người. Đó là quyền sống, quyền được bảo vệ sức khỏe. Tôi luôn mong muốn mạng sống của chồng tôi được bảo đảm.

Một lần nữa tôi đề nghị chính phủ Việt Nam, các cấp có thẩm quyền coi trọng mạng sống của con người bằng cách khám chữa bệnh kịp thời cho chồng tôi.

Tôi cùng các con tôi xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2007
Người làm đơn
Bùi Thị Kim Ngân

Cải cách hành chính : bắt đầu từ thành phố Hồ Chí Minh ?

Diệt Hoàng

Yêu cầu cấp bách

Sự kiện Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vào ngày 11-1-2007 đã khiến cho việc cải cách hành chính trở nên cần thiết và cấp bách hơn bao giờ hết. Đây là việc không thể lẩn tránh hay bàn lùi được nữa. Bộ máy hành chính và các văn kiện pháp luật cần phải thay đổi cho phù hợp với yêu cầu và đòi hỏi của WTO. Tình trạng chông chéo giữa các cơ quan đảng và nhà nước ngày càng bộc lộ những yếu kém mà muốn hay không thì Việt Nam cũng phải giải quyết. Sức ép của nhân dân về việc quản lý xã hội kém hiệu quả ngày càng gay gắt do dân trí được nâng cao và do giao lưu ngày càng nhiều với thế giới bên ngoài. Đảng Cộng Sản Việt Nam vừa tiến hành Hội nghị trung ương lần thứ IV Ban Chấp hành trung ương đảng mà trọng tâm là cơ cấu lại các cơ quan tổ chức của đảng theo hướng tinh gọn nhằm khắc phục hệ thống chông chéo giữa các cơ quan thuộc đảng và cơ quan thuộc nhà nước.

Địa phương thử nghiệm

Muốn kế hoạch cải cách hành chính được thuận lợi và thông suốt thì phải có một địa phương được đem ra làm thử nghiệm. Địa phương được các chuyên viên lựa chọn đó là thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn). Đây là sự lựa chọn sáng suốt vì thành phố Hồ Chí Minh có đầy đủ ba yếu tố là Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa. Thiên thời thì đã phân tích như trên, còn "địa lợi" là do thành phố luôn luôn dẫn đầu trong mọi ngành kinh tế, là trung tâm xuất khẩu của cả nước, và là đầu tàu của nền kinh tế Việt Nam, là nơi thu hút được sự quan tâm và đầu tư của các tập đoàn lớn trên thế giới vì vậy nhu cầu cải cách hành chính để hòa nhập với tốc độ phát triển của thành phố là rất cấp bách. Về nhân hòa thì nhân dân thành phố có một trình độ và nhận thức khá cao, con người không đố kỵ và dễ dàng chấp nhận mọi sự thay đổi. Đề án xây dựng chính quyền đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh là một sự lựa chọn và quyết tâm đúng đắn.

Nội dung thực hiện cải cách hành chính ở thành phố Hồ Chí Minh

Tuy vẫn còn trong giai đoạn nghiên cứu nhưng đã có nhiều ý kiến xoay quanh việc cải cách hành chính ở thành phố. Điều đầu tiên và đang gây ra nhiều tranh cãi trong nội bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam là làm thế nào để khắc phục sự chông chéo giữa các cơ quan đảng và nhà nước ? Làm thế nào để tinh gọn bộ máy hành chính, dẹp bớt các ban bộ của đảng mà vẫn duy trì được sự lãnh đạo "tuyệt đối" của đảng ? Trách nhiệm và chức năng của các cơ quan đảng là gì, đến đâu ? Cơ chế nào để tăng cường sự giám sát của cơ quan lập pháp (tức quốc hội) ? Vai trò và chức năng của các cá nhân và các vị lãnh đạo đảng ?

Đề có được sự đồng thuận và nhất trí trong nội bộ đảng

cộng sản về các vấn đề trên có lẽ còn rất lâu và còn tùy thuộc vào quyết tâm của ban lãnh đạo đảng, tuy nhiên cuộc sống thì không chờ một ai và để tăng sự thuyết phục thì cần phải có những kết quả cụ thể, vì vậy việc thí điểm xây dựng một chính quyền đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh là việc cần làm ngay.

Nội dung của dự án này chưa được công bố thế nhưng người viết xin có vài ý kiến đề nghị như sau :

1. Về bộ máy hành chính của thành phố

Cần phải có sự ứng cử và bầu cử giữa các ứng cử viên. Trước mắt thì các ứng cử viên cho chức danh Chủ tịch thành phố vẫn do đảng "đề cử", tuy vậy phải có ít nhất ba ứng cử viên cho chức chủ tịch thành phố. Mỗi một ứng cử viên phải đưa ra những hành động cụ thể và phải có các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri thành phố. Có nhiều ý kiến cho rằng nên thay tên gọi "chủ tịch thành phố" bằng tên gọi "thị trưởng thành phố" nhằm tăng cường trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu thành phố. Thị trưởng thành phố sẽ chỉ định các giám đốc sở và có quyền cách chức các vị này mỗi khi họ không hoàn thành nhiệm vụ.

Cũng có ý kiến cho rằng thị trưởng thành phố cần để cho nhân dân bầu ra, tôi nghĩ rằng điều này khó được đảng cộng sản chấp nhận, thế nhưng chức danh chủ tịch quận và chủ tịch phường thì hoàn toàn có thể cho nhân dân bầu ra.

Sắp tới đây Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ cho bầu cử chức chủ tịch xã trên phạm vi toàn quốc, thì tại thành phố Hồ Chí Minh chức danh chủ tịch phường phải do dân bầu là điều cần làm ngay và do dân trí của cư dân thành phố khá cao nên cũng có thể cho bầu luôn chức danh chủ tịch quận.

2. Về cơ quan lập pháp thành phố, tức hội đồng nhân dân

Cũng cần phải cải cách triệt để. Trước hết phải xác định chức năng của hội đồng nhân dân là một bộ phận lập pháp, là nơi tập hợp những nguyện vọng và ý kiến của người dân thành phố, đồng thời có quyết định cao nhất trong việc hoạch định và phát triển thành phố vì vậy hội đồng nhân dân có chức năng như một quốc hội thu nhỏ. Tiêu chí của hội đồng nhân dân, đại diện của nhân dân thành phố là phải "độc lập", các vị đại biểu nhân dân trong hội đồng nhân dân tuyệt đối không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ nào trong bộ máy chính quyền thành phố để tránh trường hợp "vừa đá bóng vừa thổi còi". Các vị quan chức trong bộ máy hành chính thành phố có thể tham dự các kỳ họp hội đồng nhân dân bất cứ lúc nào nhưng chỉ trên cương vị dự thỉnh. Điều quan trọng thứ hai là các vị đại diện này phải tự ứng cử, tuyệt đối không được "đề cử" để tăng trách nhiệm cá nhân và tránh trường hợp "thứ nhất ngồi lì, thứ nhì đồng ý". Nên thay tên gọi các vị đại biểu này bằng tên gọi "hội đồng" hoặc "nghị viên", ví dụ như nhân dân Sài

Gòn vẫn gọi ông Đặng Văn Khoa là "ông hội đồng".

Ông Đặng Văn Khoa được biết đến như một vị đại biểu hội đồng rất năng nổ, nhiệt tình và luôn đứng về phía người dân, bảo vệ cho quyền lợi của người dân, ông là một trong những gương mặt sáng giá nhất của hội đồng nhân dân thành phố, ông cũng là người ủng hộ mạnh mẽ cho việc tưng cử của các đại biểu hội đồng nhân dân.

Ông Khoa nói : *"Trong một xã hội văn minh, dân chủ, con người muốn đóng góp thì đương nhiên là tự ứng cử. Hãy gạt bỏ những suy nghĩ cũ, ỨC CHẾ. Đi xa hơn, tất cả mọi người nên tự ứng cử, không để rơi vào tình trạng "bị dè cử". Có thể vẫn có hình thức tập thể giới thiệu, nhưng đứng trước nhân dân vẫn phải trong tư thế tự ứng cử, bằng việc viết đơn tình nguyện. Tư thế tự ứng cử sẽ khiến người ta nhận thức rõ rệt về trách nhiệm cá nhân và làm việc nghiêm túc để thực hiện trách nhiệm đó. Năm năm của một nhiệm kỳ là quãng thời gian dài đằng đẵng, đầy vất vả. Nếu đại biểu không có tâm huyết, nghĩa khí, thì không thể hoàn thành tốt nhiệm vụ".*

Ông Đặng Văn Khoa còn tâm sự thêm : *"Vì tự ứng cử nên tôi mang sẵn tâm thế mình là đại biểu hội đồng nhân dân thực thụ. Hơn nữa, đã dám đứng ra thuyết phục người dân bỏ phiếu cho mình, thì đương nhiên phải gánh trách nhiệm"* (theo Vietnamnet).

Có một hiện tượng đang diễn ra hiện nay là các vị hội đồng nhân dân cứ chất vấn và các vị đứng đầu các Sở vẫn quanh co và lẩn tránh trách nhiệm, thậm chí mọi việc vẫn đầu nguyên đấy, để rồi kỳ họp sau các vị hội đồng nhân dân tại tiếp tục chất vấn và các vị công chức lại hứa...Như vậy cần phải có một cơ chế để hội đồng nhân dân "trừng phạt" các vị công chức không hoàn thành nhiệm vụ. Theo tôi cơ chế đấy là nếu hai phần ba (2-3) các vị đại biểu trong hội đồng nhân dân bỏ phiếu bất tín nhiệm một vị công chức nào đó của thành phố thì Chủ tịch thành phố phải lập tức cách chức ngay vị công chức đó. Như vậy mới tránh được chuyện người chất vấn cứ chất vấn, người hứa cứ hứa.

Về số lượng hội đồng nhân dân, theo Vietnamnet thì hiện nay toàn thành phố có khoảng 1.000 người từ cấp phường đến thành phố. Theo tôi cần tinh giảm số người này xuống còn khoảng 200 người. Số lượng này chia đều cho gần 20 quận và huyện của thành phố, mỗi phường có một vị đại biểu. Nên bỏ các đại biểu cấp quận và phường mà tập trung vào một mối duy nhất là hội đồng nhân dân thành phố. Các vị đại biểu phải tự ứng cử và phải có sự tranh cử giữa các ứng cử viên, các vị đại biểu này không kiêm nhiệm bất cứ chức vụ gì nên phải dành thời gian để tiếp xúc với nhân dân, tìm hiểu những nguyện vọng của họ và nêu ra trong các phiên họp.

Tôi không hiểu các vị đại biểu hội đồng nhân dân thành phố sẽ nghĩ gì khi biết trên trang *web Tienphong online* có một mục thăm dò dư luận về việc các đại biểu quốc hội tiếp xúc với cử tri, trong đó có kết quả là 99,06% số người được hỏi cho biết chưa gặp (tiếp xúc) các vị đại biểu lần nào (ngày 27-1-2007) ! Để phản ánh đúng những yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân thành phố thì tất cả các dự án lớn của thành phố cần được hội đồng nhân dân thành

phố thông qua sau khi chủ tịch thành phố đã phê chuẩn. Nếu dự án này không đạt yêu cầu cao thì hội đồng nhân dân vẫn có quyền bác bỏ và yêu cầu thành phố và các bên liên quan thay đổi nội dung cho phù hợp. Các vị đại biểu này cần hưởng một mức lương hợp lý để không nhưng đảm bảo cho cuộc sống hàng ngày mà còn có thể thuê thêm luật sư và các trợ lý giúp việc và cố vấn cho các hoạt động của mình.

Một thói quen đã ăn sâu vào máu các công chức Việt Nam là cái gì cũng tập thể, không dám tự quyết định và khi xảy ra sai lầm không ai chịu nhận trách nhiệm. Cần phải thay đổi thói quen này. Tăng cường vai trò và trách nhiệm của cá nhân bằng những qui định và pháp luật rõ ràng, ví dụ như chủ tịch thành phố, chủ tịch quận thì sẽ có những quyền gì ? Có thể cách chức những ai ? Trong trường hợp nào ? Một vị giáo sư nổi tiếng là Đặng Phong có đề nghị là phải kêu gọi lương tâm của mỗi con người, tôi không phản đối nhưng cho rằng chỉ kêu gọi khơi khơi như vậy thì sẽ không bao giờ có kết quả tốt. Cùng với việc kêu gọi lương tâm mỗi người là phải có các định chế bắt buộc để ràng buộc quyền lợi và trách nhiệm từng người.

Cũng xung quanh việc cải cách hành chính là phải tinh giảm bộ máy hành chính. Theo tôi cần sa thải 1/3 số lượng công chức hiện nay, tăng lương cho những người còn lại gấp ít nhất 3 lần hiện nay, thành phố cần có những cơ chế thông thoáng hơn trong việc trả lương cho công chức thành phố do đặc thù của thành phố là chi tiêu rất đắt đỏ, chứ không thể trả lương theo mặt bằng chung của các tỉnh thành khác. Làm sao cho mỗi công chức đều có thể an tâm sống với đồng lương chính đáng của mình. Một trong các tiêu chí để chống tham nhũng và hối lộ đã được các nước trên thế giới áp dụng thành công là : không muốn tham nhũng (vì lương đã đủ sống), không thể tham nhũng (vì cơ chế quản lý chặt chẽ), không dám tham nhũng (vì luật pháp rất nghiêm minh).

Cùng với đó là việc nâng cao trách nhiệm của từng công chức, đi làm muộn, nghỉ không có lý do, về sớm, rượu chè trong giờ làm việc, xao lãng công việc... đều phải khiển trách và phạt bằng cách trừ lương, nếu tái diễn sẽ buộc thôi việc. Công việc cần phân công cụ thể và nhất là nên bỏ chế độ "biên chế", nên đóng bảo hiểm để khi đến tuổi về hưu mọi người đều có "lương hưu". Tất cả các công chức cần thi tuyển để được nhận vào làm việc, tránh tình trạng "ngồi nhầm chỗ" do quen biết, chạy chọt...

Để xây dựng được một chính quyền đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh thành công quả không đơn giản chút nào, dân số thành phố gần 10 triệu người, lớn hơn cả Singapore. Thành phố là một trung tâm kinh tế của cả nước, sự hưng thịnh của thành phố sẽ ảnh hưởng lớn đến sự tăng trưởng và phát triển của cả nước. Cho nên cần phải có một quyết tâm mạnh mẽ và một tư duy đổi mới thì quá trình cải cách hành chính mới đạt được mục tiêu đề ra.

Tất cả những đề nghị nêu ra ở trên đều có thể thực hiện được, ngay cả trong hoàn cảnh hiện nay là đảng cộng sản Việt Nam vẫn đang độc quyền lãnh đạo đất nước.

Việt Hoàng (Moskva)

Nói tiếp về Khôn và Đại

Phan Bá Diệt

Trong bài viết trước tôi có ghi lại phần đầu cuộc đối thoại giữa tôi và người em họ, bàn về Khôn và Đại. Hôm nay trong bài này, tôi ghi lại phần tiếp theo của cuộc đối thoại ấy.

Câu nói của hấn đã được ghi lại trong đoạn cuối của bài viết trước (1) : "...nhưng làm cách nào để thay đổi được cơ chế này khi khối trí thức Việt Nam chỉ biết đi bằng hai chân của người khác hoặc bằng đầu gối để kiếm tiền bạc và danh vọng ?" khiến tôi phải ngắt ngang lời hấn : "Việc không thay đổi được cơ chế tổ chức xã hội là lỗi của mọi người chứ đâu phải chỉ là lỗi riêng của khối trí thức. Trong khối trí thức đang có những người đứng lên đòi thay đổi cơ chế tổ chức xã hội. Tại sao chú lại có thể vợ đũa cả nắm như vậy ? Chú nói như vậy có quá cường điệu không ?".

Hấn lại cười hề hề nói tiếp :

- Anh đừng vội phê phán, hãy nghe em nói hết ý đã. Em nói câu này không có cường điệu đâu. Trước hết em giải thích tại sao em cho việc không thay đổi được cơ chế tổ chức xã hội là lỗi của khối trí thức. Khối trí thức là người có cơ hội học hỏi và biết rõ những quyền lợi mà mọi người được hưởng, không phải do van xin mà có và phải chờ đợi được ban phát. Khối trí thức có nhiệm vụ hướng dẫn quần chúng đòi cho bằng được những quyền lợi họ phải được hưởng. Nhưng khối trí thức chẳng những đã không làm như vậy mà còn tiếp tay với những kẻ cướp đoạt những quyền lợi của quần chúng, để bọn cướp đoạt này coi những quyền lợi ấy là của riêng họ, muốn ban phát cho ai thì ban phát. Nếu khối trí thức không tiếp tay, chỉ dẫn cho bọn cướp đoạt này thì bọn chúng đâu có thể cướp đoạt được những quyền lợi của quần chúng và coi là của riêng ! Nếu họ không đi bằng đầu gối hoặc mượn hai chân của người khác để đi thì tình trạng của dân tộc Việt Nam đã không còn ở trong tình trạng hiện nay và nước Việt Nam đã có thể sánh vai cùng những con cọp Đông Nam Á, chứ đâu có lết đệt như bây giờ. Và dân tộc ta đã có thể ngừng mặt nhìn thế giới một cách hiên ngang. Như vậy không phải lỗi của khối trí thức thì lỗi của ai ? Hay đó chỉ là lỗi của bọn cướp đoạt ? Còn anh nói có những trí thức đứng lên đòi thay đổi cơ chế tổ chức xã hội và em không nên vợ đũa cả nắm. Điều này đúng. Nhưng anh thử đếm trên đầu ngón tay xem được bao nhiêu trí thức đứng lên đòi thay đổi cơ chế tổ chức xã hội. Khi chỉ dựa vào một vài cá thể để phán quyết mới gọi là cường điệu. Đảng này em dựa vào số đông thì đâu có thể nói là cường điệu. Khi khối trí thức của dân tộc ta có truyền thống nhất sự và vị kỉ thì dân tộc ta phải như vậy thôi. Anh đừng ngắt lời phản bác vì em cho là khối trí thức Việt Nam có truyền thống nhất sự và vị kỉ. Anh hãy đọc lại lịch sử Việt Nam để xem khối trí thức Việt Nam đã làm được gì cho dân tộc. Từ thời Đinh, Lê, Lý, Trần v.v... đến bây giờ, có thời nào được lãnh đạo bởi thành phần trí thức không ? Hay là bởi thành phần không trí thức dám liều lĩnh. Còn

đa số các thành phần trí thức chỉ là những người nhát sợ và vị kỉ, chỉ dám bám theo khi thấy đã yên ổn và có chỗ đứng để kiếm chác. Chính vì dân tộc ta không được lãnh đạo bởi tư tưởng mà bởi sự liều lĩnh cho nên dân tộc ta mới bị bao nhiêu năm chiến tranh và nghèo đói...

- Như vậy là phần lớn lịch sử dân tộc ta được làm nên bởi những người không phải là trí thức nhưng dám liều lĩnh. Tại sao chú lại đổ lỗi cho khối trí thức trong việc thay đổi cơ chế tổ chức xã hội ? Việc đổ lỗi này có mâu thuẫn với những điều chú vừa dựa vào lịch sử để nói không ?

- Em vẫn bảo lưu ý kiến của em về trách nhiệm của khối trí thức ngày nay. Khối trí thức ngày xưa, còn được gọi là khối nho sĩ, chỉ được học để trung quân và để chọn chúa mà thờ. Họ phải tìm chọn cho được người có mạng thiên tử để thờ. Họ đã không được học để tự khẳng định mình như khối trí thức ngày nay. Cho nên việc khối trí thức ngày xưa làm, em còn có thể thông cảm được. Nhưng khối trí thức ngày nay là khối trí thức của dân chủ, không còn tin vào mạng trời thì không thể và không được phép làm như khối trí thức ngày xưa. Cho nên việc buộc tội họ - trong đó có em - nặng nề là đích đáng và không có gì là cường điệu.

- Như vậy cũng có phần đúng. Nhưng việc thay đổi một thói quen mà khối trí thức ngày nay đã hấp thụ được của khối trí thức ngày xưa đòi hỏi phải cần thời gian. Trong khi chờ đợi sự chuyển biến ấy của đại đa số khối trí thức, chẳng nhẽ mọi người cứ đứng trố mắt mà nhìn dân tộc ta luẩn quẩn trong vòng nghèo đói lạc hậu, thiếu dân chủ và tự do ? Tại sao những người trí thức đã nhận ra vấn đề như chú, không kết hợp lại để đứng ra làm ? Và cụ thể là tại sao chú không tham gia vào một tổ chức nào để có thêm sức mạnh mà làm cho mau có kết quả ?

- Câu hỏi của anh vừa rồi là một câu hỏi khó có ngay được câu trả lời dứt khoát. Nhưng em sẽ cố gắng trả lời anh. Câu trả lời của em sẽ gồm hai phần : một phần đứng dưới góc độ khôn vị kỉ mà nhiều người Việt Nam chúng ta đang tôn vinh, trong đó có em và một phần đứng dưới góc độ khôn lí trí, là góc độ em đang áp dụng trong công việc làm ăn của em.

- Vậy đứng dưới góc độ khôn vị kỉ thì câu trả lời của chú như thế nào ?

- Dưới góc độ khôn vị kỉ thì câu trả lời của em dứt khoát là không tham gia hay thành lập một tổ chức nào. Việc tham gia hoặc thành lập một tổ chức sẽ đưa đến rất nhiều bất lợi cho cá nhân. Một là sẽ bị mất tự do và bị ràng buộc. Vào tổ chức là chấp nhận những quy định của tổ chức, chấp nhận có thứ tự hơn kém về quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ, chấp nhận kỉ luật của tổ chức. Hai là sẽ bị mất vị thế của mình đang có : mất vị thế ăn nói của một nhân sĩ vì khi chưa vào tổ chức thì không ai biết khả năng của mình như thế nào, mình còn có thể tha hồ nói thánh nói tướng, bây giờ nhiều khi mình phải chấp nhận một vị thế

hèn mọn trong tổ chức. Ngoài ra mình còn mất vị thế của ưu điểm khi còn đứng độc lập, được mọi nhóm hoặc tổ chức nín kéo, coi trọng. Ba là phải hi sinh thời giờ, tiền bạc và công sức cho tổ chức. Nhiều khi còn bị làm khó dễ hoặc bị bắt bớ bởi chính quyền hiện tại. Bốn là đến khi thành công có ăn thì nhiều khi mình bị những bọn cơ hội chực chờ sẵn để tham gia tổ chức khi thành công, đạp mình ra rìa nên mọi công sức bỏ ra trở thành vô ích. Bởi vậy cách tốt nhất là đứng ở ngoài tổ chức để chờ thời. Khi có tổ chức nào gần thành công thì nhảy vào ăn có, vừa đỡ tốn sức mà còn được nhiều lợi nữa.

- Vậy dưới góc độ khôn lí trí thì câu trả lời của chú như thế nào ?

- Dưới góc độ này thì câu trả lời của em là phải tham gia hoặc thành lập một tổ chức. Chỉ có kết hợp thành một tổ chức, mới có sức mạnh để đi đến thắng lợi, để có thể ăn thua được với các đối thủ của mình. Bởi vì mỗi người đều có mặt mạnh và mặt yếu của mình. Trong tổ chức các mặt mạnh và yếu của mỗi cá nhân bổ sung cho nhau nên tất cả đều có được sức mạnh. Nhưng tổ chức ấy và em phải có sự liên đới về một tương lai chung, một quyền lợi chung, một không gian chung. Như trong việc làm ăn em cũng phải gia nhập vào một tổ chức có cùng tương lai, cùng quyền lợi và cùng không gian với em để làm ăn và bảo vệ quyền lợi. Việc vào một tổ chức, với mục đích thay đổi cơ chế tổ chức xã hội, có liên quan đến quốc gia dân tộc. Vậy quốc gia dân tộc ấy phải có liên đới tới em. Em có đọc Dự án chính trị *Thành công Thế kỉ 21* của Tập hợp Dân chủ đa nguyên trên trang *web Thông Luận*. Trong phần bàn về Quốc gia : một không gian liên đới và một dự án tương lai chung có đề ra một định nghĩa về quốc gia rất mới và chí lí. Định nghĩa ấy có thể tóm tắt như sau : *Quốc gia là một tình cảm, một không gian liên đới và một dự án tương lai chung*. Quốc gia Việt Nam bây giờ đối với em chỉ còn là một tình cảm. Quốc gia ấy không còn một không gian liên đới và một tương lai chung với em như trước nữa. Nếu em có tham gia một tổ chức nào đó thì chỉ vì còn liên đới tình cảm. Nhưng tình cảm thì có giới hạn. Không gian liên đới và một tương lai chung quan trọng hơn nhiều. Nếu một tổ chức mà chỉ có những người tham gia vì tình cảm thì tổ chức ấy khó lớn mạnh. Bởi vì không gian liên đới và dự án tương lai chung của cuộc sống tại nước định cư giữ vị thế ưu tiên hơn nhiều. Anh đừng lấy làm lạ nhiều bạn trẻ Việt Nam ở hải ngoại bây giờ chỉ thích tham gia vào các hội từ thiện giúp đỡ Việt Nam. Đó chẳng qua là vì các em còn có chút tình cảm với Việt Nam. Việc tham gia các hội từ thiện để giúp đỡ Việt Nam là để thể hiện tình cảm ấy. Không gian liên đới và dự án tương lai chung của các em không phải là ở Việt Nam mà là ở các nước các em đang sinh sống...

- Chú nói như vậy có nghĩa là việc muốn thay đổi cơ chế tổ chức xã hội ở Việt Nam phải do người Việt Nam trong nước đứng lên làm ?

- Đúng như vậy. Người trong nước có một tình cảm, một không gian liên đới và một tương lai chung. Vậy họ phải đứng lên làm. Đó là động cơ để thúc đẩy họ phải làm nếu họ muốn có một tương lai, một không gian tốt đẹp cho họ

và con cháu họ.

- Vậy người Việt ở hải ngoại không nên làm gì à ?

- Em nói như vậy, không có nghĩa là người Việt ở hải ngoại không nên làm gì. Phần lớn những người Việt ở hải ngoại đều còn liên đới tình cảm với đất nước Việt Nam. Một thiểu số còn có thêm một không gian liên đới và một dự án tương lai chung với Việt Nam. Bởi vậy họ cần phải đóng góp cho Việt Nam tùy theo sự liên đới của họ.

- Vậy họ nên đóng góp những gì ?

- Đây là một câu hỏi rất khó trả lời thuyết phục. Bởi vì chúng ta có thể đứng dưới nhiều góc độ khác nhau để trả lời hoặc nghe câu trả lời. Tuy nhiên em sẽ cố gắng trả lời anh theo như những quan sát, tìm hiểu và suy nghĩ chủ quan của em. Theo em, một công việc rất cấp bách và khẩn thiết hiện nay nằm ở trong tầm tay của khối người Việt hải ngoại - họ có thể làm và làm để dành vì có điều kiện hơn những người trong nước - là hoàn thành nhiệm vụ vận động tư tưởng và dư luận để chuyển biến tư duy của người dân và hình thành một nền văn hoá dân chủ. Không phải hễ đập đổ được tập đoàn độc tài bạo chúa là ta sẽ có dân chủ. Thực tế cho thấy là dân chủ chỉ vững chắc khi đã hình thành được một nền văn hoá dân chủ. Iraq là một thí dụ điển hình về vấn đề này. Trong việc vận động tư tưởng và dư luận ấy thì việc đầu tiên khối người Việt hải ngoại có thể làm là khuyến khích và chỉ ra cho thấy sự cần thiết và những lợi ích của việc thay đổi cơ chế tổ chức xã hội thành xã hội dân chủ đa nguyên. Có nhiều người đã nghe nói về *dân chủ đa nguyên* và đã tưởng là am tường về dân chủ đa nguyên nhưng thực ra họ vẫn còn mơ hồ về dân chủ đa nguyên. Phải làm sao cho họ thấy được những hậu quả của dân chủ đa nguyên và những kinh nghiệm về dân chủ đa nguyên mà các nước phương Tây đã trải qua. Ngoài ra nhiều người còn chưa có một nhận thức rõ ràng và đúng đắn về cuộc tranh đấu hiện nay của người Việt. Đó là một cuộc tranh đấu cho và vì dân chủ đa nguyên. Cốt lõi của cuộc tranh đấu này là và chỉ là vận động dân chủ hoá đất nước. Mục tiêu của nó là có dân chủ cho đất nước, là mọi người đều chấp nhận luật chơi dân chủ, chứ không phải là để tiêu diệt đảng cộng sản và những người cộng sản, một việc làm phản lại tinh thần dân chủ đa nguyên. Tiếp theo là chỉ cho họ thấy lợi ích của việc phải có tổ chức đủ loại từ lỏng lẻo, ái hữu, đến bán lỏng lẻo và chặt chẽ để biến xã hội Việt Nam thành một xã hội dân sự (công dân), một tiền đề cho việc tiến tới một nền dân chủ đa nguyên bền vững. Sau đó là tiếp tay và yểm trợ cho những tổ chức tranh đấu đã được thành lập trong nước bằng cách yểm trợ tài chánh, kiến thức, nhân lực và vận động dư luận thế giới. Các công việc này, theo em thấy, đã có nhiều nhóm và tổ chức đang làm, nhưng cần phải đẩy mạnh hơn nữa, phải cho đó là trọng điểm có tính quyết định thì mới mong đi đến thắng lợi trong việc thay đổi cơ chế tổ chức xã hội của Việt Nam thành xã hội dân chủ đa nguyên, bằng con đường dân chủ hòa bình.

Phan Bá Việt (Den Haag)

(1) Xem bài Về Khôn và Đại trong *Thông Luận* số 210.

Trong tuần lễ đầu tiên của năm 2007, liền sau khi bộ ngoại giao hai nước Việt Nam và Trung Quốc ra công hàm phản bác lẫn nhau về chủ quyền Biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, hai bên lại công bố việc hợp tác khai thác dầu khí tại một số vị trí nằm vắt ngang đường phân định biên giới trong vịnh Bắc Việt. Tin này được BBC đăng tải hôm 8 tháng 1 năm 2007.

Vấn đề chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa sẽ được viết qua một bài khác, nhưng rõ ràng những vùng sẽ được khai thác sắp tới trong vịnh Bắc Việt lý ra hoàn toàn thuộc về Việt Nam nếu Hà Nội không ký lại (hay được ký lại trên căn bản công bằng của Công Ước Quốc Tế 1982 về Biển) Hiệp Định Phân Định Vịnh Bắc Bộ. Hiệp Định này do bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Dy Niên ký với ông Đường Gia Triền ngày 25 tháng 12 năm 2000 và được chủ tịch nước Trần Đức Lương ký Lệnh số 16/2004/L/CTN ngày 24 tháng 6 năm 2004 công bố Nghị Quyết việc phê chuẩn hiệp định.

Bài này sẽ phân tích những sai lầm và hậu quả việc phân định vịnh Bắc Việt của nhà nước cộng sản Việt Nam.

Khái quát về hình thể địa lý Vịnh Bắc Việt

Theo tài liệu công bố trong nước thì đây là một trong những Vịnh lớn của thế giới, có diện tích khoảng 126.250 km² (36.000 hải lý vuông), chiều ngang nơi rộng nhất khoảng 310 km (176 hải lý), nơi hẹp nhất ở cửa Vịnh rộng khoảng 207,4 km (112 hải lý).

Bờ Vịnh Bắc Bộ thuộc 10 tỉnh, thành phố của Việt Nam, với tổng chiều dài khoảng 763 km, và bờ biển thuộc hai tỉnh Quảng Tây, Hải Nam của Trung Quốc, với tổng chiều dài khoảng 695 km. Vịnh có hai cửa : eo biển Quỳnh Châu nằm giữa bán đảo Lô Châu và đảo Hải Nam với bề rộng khoảng 35,2 km (19 hải lý) và cửa chính của Vịnh từ đảo Côn Cỏ (Việt Nam) tới đảo Hải Nam (Trung Quốc) rộng khoảng 207,4 km (112 hải lý).

Phần Vịnh phía Việt Nam có khoảng 2.300 đảo, đá ven bờ, đặc biệt có đảo Bạch Long Vĩ nằm cách đất liền Việt Nam khoảng 110 km, cách đảo Hải Nam Trung Quốc khoảng 130 km. Phía Trung Quốc có một số ít đảo nhỏ ở phía Đông Bắc Vịnh như đảo Vị Châu, Tà Dương.

Vịnh Bắc Bộ có vị trí chiến lược quan trọng đối với Việt Nam và Trung Quốc cả về kinh tế lẫn quốc phòng và an ninh. Vịnh là nơi chứa đựng nhiều tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là hải sản và dầu khí.

Trong Vịnh có nhiều ngư trường lớn, cung cấp nguồn hải sản quan trọng cho đời sống của nhân dân hai nước. Các dự báo cho thấy đáy biển và lòng đất dưới đáy của Vịnh có tiềm năng về dầu mỏ và khí đốt. Vịnh là cửa ngõ giao lưu từ lâu đời của Việt Nam ra thế giới, có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, thương mại quốc tế cũng như quốc phòng an ninh của nước ta.

Những sai lầm của nhà nước cộng sản Việt Nam khi phân định lại Vịnh Bắc Việt với Trung Quốc

1. Sai lầm về nhận định :

Trả lời phỏng vấn báo Thanh Niên ngày 1 tháng 7 năm 2004 về Hiệp Định Phân Định Vịnh Bắc Việt, ông Nguyễn Dy Niên cho biết vịnh Bắc Việt chưa được phân định. Nguyên văn như sau :

"Từ trước tới nay, Việt Nam và Trung Quốc chưa tiến hành phân định Vịnh Bắc Bộ. Điều này xuất phát từ thực tế khách quan là từ những năm 50 của thế kỷ XX trở về trước luật biển quốc tế chưa phát triển, các quốc gia ven biển thời kỳ đó chỉ có chủ quyền đối với lãnh hải rộng 3 hải lý và toàn bộ vùng biển nằm ngoài phạm vi lãnh hải được coi là biển quốc tế, không thuộc chủ quyền của bất kỳ quốc gia nào. Trong bối cảnh đó, Công ước Pháp-Thanh năm 1887 chỉ tập trung giải quyết vấn đề hoạch định biên giới trên đất liền giữa hai nước và vấn đề quy thuộc chủ quyền của mỗi nước đối với các đảo ở khu vực cửa sông Bắc Luân trong Vịnh Bắc Bộ.

Vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ, mà cụ thể là phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh giữa Việt Nam và Trung Quốc, chỉ được đặt ra sau khi có sự phát triển tiến bộ của luật biển quốc tế từ giữa những năm 50 của thế kỷ trước trở lại đây. Theo quy định của luật biển quốc tế hiện đại, quốc gia ven biển được hưởng lãnh hải rộng tối đa 12 hải lý, vùng đặc quyền kinh tế rộng 200 hải lý và thềm lục địa rộng tối đa 350 hải lý tính từ đường cơ sở hoặc cách đường đẳng sâu 2.500m một khoảng cách không quá 100 hải lý. Do bờ biển hai nước vừa kề cận vừa đối diện nhau, nơi rộng nhất không đến 200 hải lý, nên các vùng biển và thềm lục địa của hai nước trong Vịnh đều bị chồng lấn lên nhau, cần phải được phân định để xác định rõ ràng biên giới lãnh hải cũng như ranh giới vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa hai nước".

Trước đó, thứ trưởng Lê Công Phụng cũng có nhận định tương tự khi trả lời phỏng vấn VASC Orient ngày 2 tháng 2 năm 2002.

Nhận định của ông Nguyễn Dy Niên và Lê Công Phụng có hai điểm sai : không đúng với sự thật lịch sử và không phù hợp với thực tế của Luật quốc tế về Biển.

1.1. Không đúng với sự thật lịch sử :

Theo Công Ước Pháp-Thanh 1887 về phân định biên giới giữa Tonkin (Bắc Kỳ) và Trung Hoa, vịnh Bắc Việt đã được phân định. Đường biên giới phân chia lãnh hải được xác định như sau : "*Les îles qui sont à l'est du méridien de Paris 105°43' de longitude est, c'est à dire de la ligne nord sud passant par la pointe orientale de l'île de Tch'a*

Kou ou Ouan chan (Tra Co) et formant la frontière, sont également attribués à la Chine. Les îles Go tho et les autres îles qui sont à l'ouest de ce méridien appartiennent à l'Annam...". Tạm dịch là: "Những đảo ở về phía Đông của đường kinh tuyến Paris 105°43' kinh độ Đông, có nghĩa là đường thẳng Bắc Nam đi qua đông điểm của đảo Tch'a Kou hay Ouan Chan (Trà Cổ) và tạo thành đường biên giới, được giao cho Trung Hoa. Các đảo Go Tho và những đảo khác ở về phía Tây của đường kinh tuyến này thuộc về An Nam".

Đoạn văn này có hai ý nghĩa :

1. Xác định chủ quyền các đảo trong vịnh. Các đảo phía Đông của đường kinh tuyến Paris 105°43' thì thuộc về Trung Hoa, ở phía Tây thì thuộc về Việt Nam. Đảo Bạch Long Vĩ ở phía Tây của đường này nên thuộc chủ quyền của Việt Nam.

2. Xác định đường biên giới trong vịnh. Nó là một đường thẳng Bắc Nam, bắt đầu từ đông điểm đảo Trà Cổ và chấm dứt tại giao điểm của đường này với đường nối cửa Vịnh.

Ý nghĩa thứ 2 "xác định đường biên giới" được trình bày cụ thể trên bản đồ đính kèm Công Ước. Trên bản đồ ta thấy dòng ghi chú: "*Le méridien de Paris 105°43' qui passe par la pointe orientale de l'île Tra Co, forme la frontière à partir du point où s'est arrêté le traité de la convention*" (tạm dịch: "*Đường kinh tuyến Paris 105°43' đi qua đông điểm của đảo Trà Cổ, làm thành đường biên giới bắt đầu tại điểm mà điều ước của Công Ước chấm dứt*").

Cho thấy là sau khi các điều ước của công ước phân định biên giới trên đất liền chấm dứt (tại đông điểm đảo Trà Cổ), đường kinh tuyến Paris 105°43' tiếp nối và làm đường biên giới để phân chia đảo và vùng biển.

Rõ ràng là Công Ước 1887 đã phân định Vịnh Bắc Việt.

1.2. Không phù hợp với Luật quốc tế về biển

Quan niệm về quyền chủ quyền trên biển chỉ mới có vào thế kỷ 20. Theo Điều 3 của công ước 1982 về Biển, lãnh hải của mỗi nước được xác định không quá 12 hải lý.

Nhận định của ông Nguyễn Dy Niên phù hợp với điều ước này. Nhưng không phải vì vậy mà công ước 1887 không có hiệu lực trên biển.

Điều 15 của Công Ước 1982 Luật về Biển như sau :

"Article 15 : Délimitation de la mer territoriale entre Etats dont les côtes sont adjacentes ou se font face :

Lorsque les côtes de deux Etats sont adjacentes ou se font face, ni l'un ni l'autre de ces Etats n'est en droit, sauf accord contraire entre eux, d'étendre sa mer territoriale au delà de la ligne médiane dont tous les points sont équidistants des points les plus proches des lignes de base à partir desquelles est mesurée la largeur de la mer territoriale de chacun des deux Etats. Cette disposition ne s'applique cependant pas dans le cas où, en raison de l'existence de titres historiques ou d'autres circonstances spéciales, il est nécessaire de délimiter autrement la mer territoriale des deux Etats".

Tạm dịch: "*Điều 15 : Phân định lãnh hải giữa hai quốc*

gia kế cận hay đối diện. Khi hai quốc gia kế cận hay đối diện, không một quốc gia nào được quyền mở rộng lãnh hải quá đường trung tuyến mà mọi điểm trên đây cách đều những điểm gần nhất của các đường cơ bản, từ những đường này đo chiều rộng lãnh hải mỗi nước, ngoại trừ có sự thỏa thuận riêng giữa hai nước. Điều lệ này không áp dụng trong trường hợp có sự hiện hữu những văn kiện lịch sử hay những trường hợp đặc biệt, việc phân định lãnh hải vì thế phải được thực hiện bằng một cách khác".

Chúng ta thấy điều 15 đã dự trừ một ngoại lệ, đó là trường hợp những vùng biển đã có chủ, được xác nhận qua một "titre de souveraineté" văn kiện chứng nhận chủ quyền. Điều này cho phép ta kết luận rằng luật quốc tế về biển công nhận sự hiện hữu những văn kiện liên quan đến quyền chủ quyền trong một vùng biển. Công ước 1887 là văn kiện chứng minh chủ quyền của Việt Nam và Trung Hoa trong vịnh Bắc Việt. Vịnh này được chia cắt bằng đường kinh tuyến đông Paris 105°43'.

Ông Nguyễn Dy Niên đã giải thích điều 15 như sau: "Đối với lãnh hải, Công ước Luật biển năm 1982 (Điều 15) quy định các quốc gia không có quyền mở rộng lãnh hải quá đường trung tuyến mà mọi điểm nằm trên đó cách đều các điểm gần nhất của các đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của mỗi quốc gia, trừ khi có thỏa thuận ngược lại. Tuy nhiên, nếu có những danh nghĩa lịch sử hoặc các hoàn cảnh đặc biệt khác, ranh giới lãnh hải của hai quốc gia cần phân định một cách khác trên cơ sở thỏa thuận".

Ông Nguyễn Dy Niên đã hiểu sai và giải thích hoàn toàn sai điều 15. Điều 15 không có nhắc đến «những danh nghĩa lịch sử» như ông Niên nói mà chỉ nhắc đến "titre de souveraineté", tức là văn kiện chứng nhận chủ quyền.

Điều này cho thấy, mặc dầu vấn đề chủ quyền trên biển của một quốc gia chỉ được quốc tế công pháp công nhận từ thập niên 50, nhưng nó vẫn công nhận «lãnh hải» của một quốc gia nếu quốc gia này chứng minh được cái « titre de souveraineté » văn kiện chứng nhận chủ quyền thuộc về nước mình.

2. Sai lầm về phân định :

Việc phân chia Vịnh Bắc Việt theo Hiệp Ước 2000 thì không đặt trên căn bản công bằng của Luật quốc tế về Biển cũng như theo thực tiễn quốc tế mặc dầu ông Nguyễn Dy Niên cho biết: "Hai bên đã thống nhất và căn cứ vào luật pháp và thực tiễn quốc tế, đặc biệt là các nguyên tắc và quy định của Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật biển năm 1982 mà cả hai nước đều là thành viên để giải quyết vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ".

Trước đó ông Lê Công Phụng cũng phát biểu tương tự: "*Chúng ta cùng với Trung Quốc đàm phán dựa vào các cơ sở sau: Một là Công ước quốc tế về Luật Biển năm 1982, mà cả ta và Trung Quốc đều tham gia ký kết. Thứ hai, chúng ta căn cứ vào điều kiện tự nhiên của Vịnh Bắc Bộ và quan trọng nhất là địa lý về phía Việt Nam và về phía Trung Quốc và nguồn lợi trong vịnh như thế nào để phân định*".

Quan sát bản đồ phân định theo hiệp ước 2000, ta thấy

điểm 10, việc phân chia không công bằng. Lý ra nó phải ở xa hơn theo hướng Đông Bắc, cách đều hai đảo Vĩ Châu của Trung Quốc và Bạch Long Vĩ của Việt Nam. Ở điểm này người ta chỉ ghi nhận ảnh hưởng của hai đảo Vĩ Châu và Tà Dương của Tàu mà bỏ qua hiệu lực của đảo Bạch Long Vĩ của Việt Nam theo điều 121 của Công Ước 1982 về Biển.

Các điểm 12, 13, 14, 15, 16 17 18 19 đều không cách đều với các điểm gần nhất trên hai bờ biển Hải Nam và Việt Nam như theo điều 15 luật Biển 1982. Các điểm này đều lấn sang Việt Nam nhiều hải lý.

Điểm 21, cho thấy đảo Côn Cỏ hoàn toàn không có hiệu lực như định nghĩa của điều 121 của Công Ước về Biển 1982.

Điều thứ 121 của Công Ước về Biển 1982 định nghĩa về đảo như sau :

1. *Une île est une étendue naturelle de terre entourée d'eau qui reste découverte à marée haute.* (Đảo là một dải đất tự nhiên có nước bao bọc chung quanh và không bị nước phủ lúc thủy triều lên).

2. *Sous réserve du paragraphe 3, la mer territoriale, la zone contigüe, la zone économique exclusive et le plateau continental d'une île sont délimités conformément aux dispositions de la Convention applicables aux autres territoires terrestres.* (Một đảo có hải phận, vùng tiếp cận, vùng kinh tế độc quyền và thềm lục địa riêng, ngoại trừ điều kiện ghi trong đoạn 3).

3. *Les rochers qui ne se prêtent pas à l'habitation humaine ou à une vie économique propre, n'ont pas de zone économique exclusive ni de plateau continental.* (Những bãi đá (cồn đá) mà người ta không thể sinh sống, hoặc tạo một nền kinh tế tự tại thì không có vùng kinh tế độc quyền cũng như không có thềm lục địa).

Đảo Bạch Long Vĩ cũng như đảo Côn Cỏ là những "dải đất tự nhiên, có biển bao bọc, không bị nước phủ khi thủy triều cao", có dân sinh sống và có một nền kinh tế tự túc là du lịch, trồng trọt và đánh cá. Các đảo này tương tự như các đảo Hải Nam, Vĩ Châu, Tà Dương... của Trung Quốc.

Trên căn bản pháp lý nào các đảo của Trung Quốc được hưởng mọi đặc quyền như lãnh hải, vùng tiếp cận, vùng kinh tế độc quyền, thềm lục địa..., trong khi các đảo của Việt Nam, cũng là đảo, thì lại không ?

Theo Luật Quốc Tế về biển thì không có một điều khoản nào cho phép một đảo này có nhiều đặc quyền hơn một đảo khác.

Ông Nguyễn Dy Niên cho rằng Hiệp Định 2000 được đặt trên căn bản "luật pháp và thực tiễn quốc tế". Điều này không hoàn toàn đúng.

3. Thiệt hại

So sánh đường biên giới theo Công Ước 1887 và đường phân định theo Hiệp Ước 2000, Việt Nam bị thiệt hại khoảng 11.000 km² lãnh hải. Nhưng điểm quan trọng, nhìn lên bản đồ, vùng biển nhượng cho Trung Quốc nằm trên vùng trầm tích Sông Hồng, tức là vùng có triển vọng có mỏ dầu khí.

Để ý, nếu phân chia theo Luật quốc tế về Biển 1982, ta thấy Việt Nam sẽ không bị thiệt hại nhiều đến như vậy. Các điểm 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 không ở trên vị trí phải có của nó nếu được phân chia công bằng theo tập tục quốc tế cũng như theo Luật quốc tế về Biển 1982.

Trả lời phỏng vấn, ông Lê Công Phụng tiết lộ một điều quan trọng : "Với suy nghĩ của một người Việt Nam, mà đặc biệt là người trực tiếp tham gia, chúng tôi cho rằng càng để lâu thì càng khó".

Vì sao lại "càng để lâu càng khó" ? Không lẽ càng để lâu Luật quốc tế về Biển sẽ thay đổi theo chiều hướng bất lợi cho Việt Nam ? Không lẽ để lâu sẽ mất nhiều hơn ? Điều không thể bỏ qua là Công Ước 1887 vẫn còn hiệu lực. Tại sao Việt Nam không đưa vụ này ra một tòa án trọng tài phân xử theo luật lệ và tập quán quốc tế ? Ký kết này đã làm cho Việt Nam mất 11.000 km² lãnh hải.

Điều này xác nhận Trung Quốc đã có áp lực với phía Việt Nam trong lúc thương thảo và Luật quốc tế về Biển (Trung Quốc và Việt Nam đều có ký) đã không được áp dụng trong lúc phân định. Vì thế đây là một hiệp ước bất bình đẳng, một bên ký kết bị áp lực của phía bên kia trong lúc ký kết.

Vịnh là nơi chứa đựng nhiều tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là hải sản và dầu khí. Nhìn lên bản đồ ta thấy vùng nhượng cho Trung Quốc (hay Trung Quốc áp lực để lấy ?) là vùng giữa cửa túi trầm tích sông Hồng, tức là vùng có triển vọng dầu mỏ nhất.

Hiện nay các công ty dầu khí hai bên chuẩn bị thăm dò và khai thác các lô nằm vắt trên đường biên giới. Giả sử việc thăm dò thất bại, phía bên Trung Quốc không lỗ nhiều vì chia hai phần chi phí với Việt Nam. Nhưng ngược lại, nếu các lô này có mỏ dầu hay khí đốt quan trọng, không ai có thể lường được thái độ của phía Trung Quốc lúc đó. Họ có nhiều lý do cũng như thủ thuật để chiếm hữu các mỏ này và độc quyền khai thác.

4. Kết luận

Một nhà nước độc tài luôn đem lại tai hại và tai họa cho dân và nước. Họ có thể rất hung dữ và ác độc với nhân dân nhưng lại tỏ ra nhún nhường đến độ khiếm nhục trước ngoại bang. Phân định biên giới trên đất liền đã làm cho Việt Nam mất nhiều phần đất quan trọng. Việc phân định vịnh Bắc Việt làm cho Việt Nam mất 11.000 km², một vùng biển mà thềm lục địa của nó chứa nhiều khoáng sản quý báu. Nhưng hai việc phân định trên đây xem vậy mà không phức tạp. Khó khăn còn ở tương lai. Đó là vấn đề đòi lại chủ quyền quần đảo Hoàng Sa, xác định chủ quyền quần đảo Trường Sa và phân định lãnh hải biển Đông với nhiều nước chung quanh.

Người viết cho rằng, nếu tình trạng độc tài, bưng bít vẫn còn tiếp diễn như hiện nay, rất có thể Việt Nam sẽ còn mất thêm rất nhiều, thiệt hại hơn rất nhiều, có khi cả trăm ngàn lần hơn những thiệt hại đã xảy ra do hai hiệp ước phân định biên giới trên đất liền (30 tháng 12 năm 1999) và phân định lãnh hải trong vịnh Bắc Việt (25 tháng 12 năm 2000).

Trương Nhân Tuấn (Marseille)

Người Đánh Cá

Nguyễn Đức Cường

Một buổi sáng đẹp trời, Người Nhà Nước đi qua một làng đánh cá thấy Người Đánh Cá đang thu xếp cần câu để về nhà...

- Người Nhà Nước : Ngày đẹp trời như vậy, tôi thấy cá bơi đầy ngoài biển sao anh không ở lại câu thêm ?

- Người Đánh Cá : Hôm nay có chút việc, phải về nhà giúp vợ trông nom mấy đứa nhỏ và sửa sang lại cái mái nhà bị dột.

- Người Nhà Nước : Thế thì không được. Cá thì nhiều, sức khỏe anh còn tốt, tôi muốn anh phải câu 8 giờ một ngày. Tôi sẽ cho người đến xét anh có làm đủ 8 giờ một ngày hay không.

Ít lâu sau Người Nhà Nước trở lại thấy Người Đánh Cá nghe lời Người Nhà Nước ngồi câu 8 giờ một ngày, nhưng có vẻ không chú ý đến việc câu cá cho lắm, luôn luôn đứng dậy co tay rũ chân, nói chuyện tầm phào, tâm trí để đầu đầu, rõ cá chỉ có được một vài con.

- Người Nhà Nước : Trước đây làm việc 3 giờ, anh câu được hai cân cá. Bây giờ tôi bắt anh làm 8 giờ mà anh chỉ câu được hơn ba cân thôi. Tại sao vậy ?

- Người Đánh Cá : Nhà Nước bảo tôi câu thì tôi câu. Nhà nước đặc ân cho gia đình tôi được giữ 5 cân một tuần, còn lại phải đưa tất cả cho Hợp Tác Xã để phân phối đi nơi khác. Khi đưa cho Hợp Tác Xã, tôi cũng phải khai báo đầy đủ, giải thích tại sao khi nhiều khi ít cá. Như vậy khi đạt chỉ tiêu thì tôi ngừng lại cho tiện. Ngoài ra, chắc Người Nhà Nước cũng biết, tôi có đứa cháu ở làng bên cạnh thỉnh thoảng cũng muốn tôi giúp cho nó một vài con cá để gia đình nó đỡ thiếu thốn mà cũng phải xin phép.

- Người Nhà Nước : Hiện giờ anh được nhà nước đặc ân giữ lại 5 cân cá một tuần. Trung bình anh giao cho Hợp Tác Xã khoảng 4 cân một tuần, lúc ít lúc nhiều, tôi khó biết trước và kiểm soát được. Số cá này cũng không đủ để Hợp Tác Xã chia cho những người khác ở những nơi không có cá. Sau khi cứu xét, tôi đặc ân gia tăng số lượng cá dành cho anh bằng cách chia đôi tổng số lượng cá anh bắt được, nghĩa là anh một nửa, Hợp Tác xã một nửa. Nếu anh câu được nhiều, anh được nhiều và Nhà Nước cũng được nhiều. Nhưng anh phải để cho tôi kiểm soát số lượng cá hàng ngày, anh phải sòng phẳng và không được gian lận.

Ít lâu sau, Người Nhà Nước trở lại thấy Người Đánh Cá ngồi câu cả ngày không biết mệt, rõ cá luôn luôn đầy. Hợp Tác Xã và Người Đánh Cá mỗi bên thu được từ 15 đến 20 cân mỗi tuần. Người Nhà Nước có vẻ hài lòng, lại gần Người Đánh Cá để hỏi thăm sự tình, nhưng lại thấy Người Đánh Cá vẫn còn tư lự.

- Người Đánh Cá : gia đình chúng tôi bây giờ đông con hơn trước, chúng nó lớn lên, nhiều chuyện phải lo. Đời sống vất vả, 15 cân cá mỗi tuần không đủ đầu vào đâu.

Chúng tôi ăn một phần, bán phần còn lại theo giá nhà nước ấn định, mà giá ấn định thì rất thấp. Nhà nước hạn chế khu vực câu cá, không được dùng thuyền lớn để câu. Chúng tôi biết nếu được dùng thuyền lớn ra xa thì sẽ đánh được nhiều cá hơn, như vậy lợi cho nhà nước và cho gia đình tôi.

Người Nhà Nước về cho cứu xét tình hình và vài năm sau trở lại thăm Người Đánh Cá.

- Người Nhà Nước : Tôi sẽ đặc ân cho anh dùng thuyền lớn đi ra ngoài khơi để đánh cá nhưng anh phải chia cho Hợp Tác xã nhiều hơn mới được, vì nhu cầu của Hợp Tác Xã cũng gia tăng như của anh vậy. Thay vì một nửa cho anh và một nửa cho Nhà Nước, Nhà Nước sẽ lấy 60 phần trăm và để lại cho anh 40 phần trăm.

Một thời gian sau Người Nhà Nước lại ghé thăm Người Đánh Cá và thấy vẫn còn đăm chiêu suy nghĩ, Người Nhà Nước hỏi sao vậy ?

- Người Đánh Cá : Nhà nước cho chúng tôi dùng thuyền ra ngoài khơi đánh cá, nhưng lại thay đổi phương thức chia cá, và còn dành ưu tiên cho một vài Người Nhà Nước ở địa phương được cấp giấy phép dễ dàng, có lẽ cũng không đòi hỏi họ phải chia cho Hợp Tác Xã như chúng tôi. Chúng tôi biết có nhiều người ăn gian, để cá thất thoát, khai ít cá để giảm bớt phần chia cho Hợp Tác Xã.

- Người Nhà Nước : Tôi sẽ cho điều tra bọn ăn gian và cho bọn nó đi tù một gông. Tôi đặc ân gia tăng trở lại phần cho gia đình anh 50 phần trăm và Hợp Tác Xã 50 phần trăm. Các anh cứ tiếp tục đánh cá cho nhiều đi.

Ít lâu sau Người Nhà Nước lại ghé thăm làng đánh cá, thấy tàu đánh cá ngoài khơi sinh hoạt nhộn nhịp nhưng Người Đánh Cá vẫn có vẻ bức xúc về một vận động gì đó.

- Người Nhà Nước : Còn gì nữa đây ? Được voi đòi tiên hả ?

- Người Đánh Cá : Không phải vậy. Nhà nước cho phép ra xa đánh cá, cho mua tàu nên có nhiều tàu đánh cá và tổng số lượng thu được rất cao. Vì có nhiều cá nên thị trường trong nước thặng dư, giá bán bị ép xuống, lợi tức không còn được bao nhiêu. Cạnh tranh với các Người Nhà Nước khác, cũng được đặc ân như chúng tôi, rất là rắc rối. Tôi thiết nghĩ cần phải đầu tư vào tàu đánh cá tân tiến, có đủ phương tiện biển chế cá trên tàu, tranh thủ thời gian và bảo đảm phẩm chất để bán ra nước ngoài. Các sản phẩm sau khi được biến chế sẽ bán được giá cao hơn.

- Người Nhà Nước : Anh nói nghe được. Tôi cho phép anh mua tàu tối tân, dùng kỹ thuật mới nhất, ra thật xa đánh cá và biến chế cá để xuất khẩu. Nhưng anh có vốn không ? Anh có bà con ruột thịt ở nước ngoài gửi tiền về cho anh làm ăn không ? Nhà Nước khuyến khích những sự hùn hạp với những người bà con ruột thịt này.

Một thời gian sau Người Nhà Nước trở lại thăm Người

nhà cửa có vẻ khang trang hơn trước, con cháu đầy nhà, nhưng vẫn còn tư lự và suy nghĩ mung lung.

- Người Đánh Cá : Tôi thấy còn rất nhiều vấn đề nan giải trong ngành đánh cá. Ngành đánh cá đã trở thành một công nghệ lớn, tối tân, đủ khả năng cạnh tranh với các hãng sản xuất đồ biển lớn trên thế giới. Do đó chúng tôi phải luôn luôn tiết giảm phí tổn để hạ giá thành. Nhưng chúng tôi còn phải chịu đựng nhiều phiền toái và chấp nhận nhiều chi phí không tính trước được.

- Người Nhà Nước : Những phí tổn gì, xin anh cho biết. Đưa nào gian lận tôi sẽ cho đi tù. Tôi thấy mấy tàu đánh cá của nhà nước có vẻ làm ăn được và có thể cạnh tranh được. Vậy anh giải thích làm sao ?

- Người Đánh Cá : Tàu đánh cá của nhà nước đâu có đánh được cá nhiều bằng tàu của chúng tôi. Tôi không rõ những người làm trên tàu đánh cá được tuyển chọn theo tiêu chuẩn nào, nhưng tôi biết có nhiều người không hành nghề đánh cá, hay thợ máy, cũng được tuyển vào làm việc trên tàu đánh cá. Năng suất của họ không thể cao năng suất của chúng tôi được. Nhưng họ làm ăn được là vì không phải đóng góp cho nhà nước như chúng tôi. Hơn nữa họ còn được hưởng nhiều đặc ân khác như được vay tiền với lãi suất thấp, được nhà nước bỏ vốn, hay được viện trợ nước ngoài. Họ cũng được ưu tiên chọn vùng đánh cá, được bảo vệ ở ngoài khơi chống lại hải tặc và không bị công an sách nhiễu thường xuyên.

- Người Nhà Nước : Này, anh đừng nói tới bí mật nhà nước, có ngày đi tù một gông. Cho tôi biết thêm về những thủ tục rườm rà là thủ tục nào ?

- Người Đánh Cá : Những thủ tục giấy tờ hãy còn nặng nề, không uyển chuyển, áp dụng không đồng nhất, gây chậm trễ, có khi còn gây lỗi lã cho tàu xuất khẩu. Một thí dụ là giấy phép chuyên chở hàng hóa thì đề tên tôi. Hôm đó vì không được khỏe nên tôi nhờ đứa con trai lớn chở giùm hàng ra bến tàu để xuất khẩu, nhưng người xét giấy tờ không phê chuẩn cho hàng đi vì không thấy tên con trai của tôi trên giấy phép. Chỉ sau một thời gian dần xếp, trạm kiểm soát mới cho hàng rời bến, nhưng khách hàng của tôi không cần nữa nên tôi bị lỗ.

- Người Nhà Nước : Còn những vận động gì khác ?

- Người Đánh Cá : Kể sao cho hết, nói tới thì ông lại bảo đừng chạm đến bí mật quốc gia. Vậy tôi chỉ nói chung chung đến vấn đề chuyên môn thôi, như vấn đề hạ tầng cơ sở rất còn nhiều thiếu sót. Bến tàu không được sửa chữa định kỳ. Đường bộ chở hàng ra hải cảng không được tu bổ hàng năm làm hư hại xe chở hàng, chậm trễ việc chuyên chở trong nước. Thị trường ngư sản rộng lớn cho ta nhiều cơ hội, nhưng cũng có nhiều thử thách. Chúng ta phải cạnh tranh với các hãng xưởng lớn trên thế giới. Họ sẽ dùng mọi cách để chen ép sản phẩm của chúng tôi.

- Người Nhà Nước : Vậy thì anh muốn gì ?

- Người Đánh Cá : Giấc mơ của ngư dân chúng tôi là làm chủ một xưởng sản xuất ngư sản có tầm vóc quốc tế. Chúng tôi sẵn sàng chịu tất cả các rủi ro trong các lãnh vực thị trường, kỹ thuật, tài chánh, thời tiết để thực hiện giấc mộng đó. Chúng tôi sẽ tuyển những kỹ sư về kỹ thuật đánh

cá, những tiến sĩ về phẩm chất và biến chế ngư sản, những chuyên gia về thị trường, những thạc sĩ về quản trị và tổ chức xí nghiệp, những luật sư nổi tiếng để tranh đấu pháp lý với các công ty lớn quốc tế và bảo vệ quyền lợi của mình trên thương trường.

- Người Nhà Nước : Anh đừng có mơ tưởng hão huyền. Từ trước tới nay giấc mơ là quyền của nhà nước, anh đâu có giành được. Nhà nước muốn thực hiện giấc mơ cho các anh. Các anh phải biết ơn nhà nước đã nhìn xa, hiểu rộng giùm cho các anh.

- Người Đánh Cá : Chúng tôi cũng không mong gì hơn là được nhà nước trả lại giấc mơ cho chúng tôi, và để chúng tôi thực hiện lấy. Nhà nước còn nhiều chuyện lớn phải lo, không nên bận tâm tới những giấc mơ của người dân.

- Người Nhà Nước : Từ trước tới nay, nhà nước đảm trách tất cả mọi chuyện. Bây giờ đặc ân trả lại giấc mơ cho các anh thì các anh sẽ dần dần muốn nhà nước bán tàu đánh cá, nhà máy cho các anh à ? Thế còn những người làm việc trên tàu hay trong nhà máy thì sao ? Đa số là thuộc gia đình tử sĩ. Vậy chuyển hướng để sử dụng họ vào trong ngành xây cất hạ tầng cơ sở, tu bổ đường sá hay sao ? Và lại, nếu giao cho anh thực hiện giấc mơ thì có gì bảo đảm anh sẽ hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt đẹp như nhà nước đã làm từ trước tới nay ?

- Người Đánh Cá : Chúng tôi như cá nằm trong rọ. Nếu thực hiện không tốt thì nhà nước sẽ lấy lại giấc mơ có khó gì. Nhà nước là người đi xa hiểu rộng, thừa biết rằng điều quan trọng nhất trong việc thực hiện giấc mơ là để chúng tôi lo liệu lấy. Nhà nước chỉ cần áp dụng luật lệ một cách công bằng, minh bạch và đồng nhất, như nhà nước vẫn thường nói.

- Người Nhà Nước : Chuyện đâu có dễ như trở bàn tay vậy. Còn nhiều vấn đề rắc rối, cần phải thảo luận thêm. Đúng là có voi đòi tiên. Trả lại cho các anh giấc mơ này thì các anh lại đòi thực hiện các giấc mơ khác, làm sao vừa lòng cho được. Thế thì sau khi thực hiện được giấc mơ làm chủ nhà máy đánh cá thì anh làm gì ? Nhà nước còn muốn hướng dẫn anh lên thiên đàng, anh còn nhớ chứ ?

- Người Đánh Cá : Lúc đó sẽ có cơ hội để Người Nhà Nước trở lại bàn tính thêm.

Nguyễn Đức Cường (San Jose)

Ốc sáng tạo và tinh thần cầu tiến là điều chúng ta phải học và tập quen. Muốn như thế chúng ta phải khuyến khích và tôn vinh tự do suy nghĩ và phát biểu. Chúng ta cần nâng lên hàng một nguyên tắc tuyệt đối là trong nước Việt Nam tương lai sẽ không thể có những vấn đề cấm bàn tới và cũng không thể có những ý kiến cấm nêu ra. Không một người Việt Nam nào có thể bị trừng phạt vì lối sống của mình hay vì những gì mình phát biểu, trừ trường hợp trực tiếp kêu gọi bạo lực.

**Tìm đọc Thông Luận trên internet :
<http://www.thongluan.org>**

CAO CHOLESTEROLS

Bác sĩ Bùi Đức Lệ

Hiện nay gần như rất nhiều người ai cũng lo lắng về cholesterol, ăn uống gì cũng sợ nhiều mỡ, nhiều cholesterol. Bài viết này sẽ giải thích cholesterol và mỡ là gì và nó có nguy hiểm, đáng sợ không?

Mỡ (Lipids) và Mỡ đạm (LipoProteins)

Mỡ trong máu thường ở dưới hai dạng là cholesterol và triglycerides, hai chất này không đi tự do nhưng được chuyên chở nhờ những chất gọi là mỡ-đạm (lipoprotein). Trong (hình 1) là cấu trúc của một phân tử lipoprotein.

- **Cholesterol** là chất thiết yếu cấu tạo nên màng tế bào, chất sườn cho các kích thích tố trong cơ thể dạng steroid và các acid trong mật.

- **Triglycerides** là cấu tạo của 3 acid béo glycerides, quan trọng trong việc vận chuyển năng lượng từ thức ăn vào tế bào. Các chất mỡ theo thời gian sẽ bám vào vách các mạch máu theo một cơ chế mà hiện nay Y học chưa hiểu rõ.

- **Lipoproteins** (Mỡ đạm) mang các phân tử cholesterol được xếp loại theo mật độ (density) từ nhẹ (light) đến nặng (cao) : nhẹ nhất là các chylomicrons- là các chất béo sơ khởi nhất sau khi thức ăn được tiêu hoá và ngấm qua màng ruột vào máu. Các chất lipoproteins khác (hình 2) nằm lẫn trong máu khi dùng sức ly tâm huyết tương sẽ được chia thành :

- * VLDL (very-low-density) rất nhẹ
- * LDL (low-density) nhẹ (tạm đặt là LƯỜI hay LAZY- sẽ giải thích sau)
- * HDL (high-density) nặng (tạm gọi là HAY hay là HAPPY).

Các tảng mỡ (plaques) trong thành mạch máu

Các tảng mỡ (plaques-Hình 4) trong vách mạch máu của các bệnh nhân bị xơ cứng động mạch phần lớn là cấu tạo bởi LDL cholesterol. Bệnh nhân nào có lượng LDL trong máu càng cao thì càng có nhiều plaques trong các vách mạch máu - do đó để dễ nhớ tôi đặt tên LDL là cholesterol LƯỜI - những người này rất dễ bị bệnh tim mạch. Các vách mạch máu bị đóng nhiều plaques nên dễ bị chai cứng, nhỏ hẹp và dễ bị tắc nghẽn. Sự tắc nghẽn này có thể xảy ra ở bất cứ mạch máu nào trong cơ thể, và hai nơi nguy hiểm nhất cho mạng sống là Óc và Tim, đưa đến

Brain attack(tai biến mạch máu não) hoặc Heart attack (nhồi máu cơ tim).

Tuy nhiên tôi phải nhấn mạnh ở đây là không phải chỉ có Cholesterol mới làm tắc nghẽn mạch máu mà còn nhiều yếu tố khác cũng đưa đến bệnh tim mạch.

Xin đọc lại các bài viết trước về Đái Đường, Cao Huyết Áp, Cai Thuốc Lá đã trình bày trên các số Thông Luận trước. Tất cả sẽ được tổng hợp lại trong một bài viết trong tương lai.

Điều cần nhắc lại là không phải bất cứ ai cao Cholesterol nhất là cao LDL (cholesterol LƯỜI) là đều bị tai biến mạch máu não hay nhồi máu cơ tim, mà những người này chỉ có thêm nhiều nguy cơ bị bệnh tim mạch hơn thôi. Do đó nếu bệnh nhân có bị cao cholesterol thì không nên lo lắng lắm khi đọc tới đây, hãy cứ bình tĩnh, từ từ giải quyết.

Ngược lại những ai có lượng HDL (cholesterol HAY, HAPPY) thì tác dụng lại ngược lại, mạch máu mềm

hơn, thông hơn chứ không bị tắc nghẽn (Hình 3).

Cơ chế nào mà LDL tạo thành các plaques và HDL làm thông mạch máu chưa được khoa học giải thích rõ.

Nguyên do cao Cholesterol trong máu phần lớn là do các yếu tố di truyền, sự hỗn loạn của sự biến dưỡng các chất béo, và vấn đề dinh dưỡng ăn quá nhiều các chất mỡ, nhất là các mỡ gọi là bão hòa (saturated fat), ăn quá nhiều cholesterol (Xin xem bảng so sánh lượng cholesterol trong thức ăn đính kèm).

Các con số về Cholesterol

Cholesterol được đo trong huyết tương (phần chất lỏng của máu sau khi ly tâm để tách đi các tế bào trong máu):

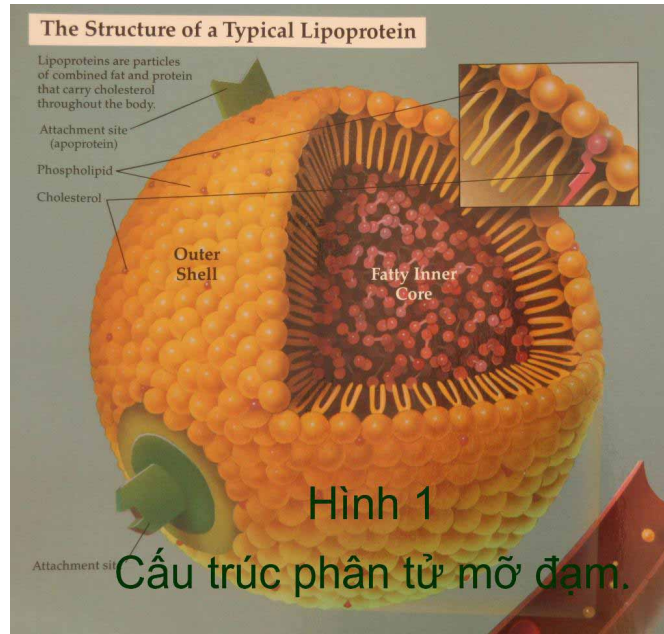
$$\text{Tổng số cholesterol} = \text{HDL cholesterol} + \text{VLDL choles.} + \text{LDL choles.}$$

Các phòng thử nghiệm sẽ đo trực tiếp được : tổng số cholesterol, tổng số triglycerides, số cholesterol HDL, lượng VLDL tương đương với 1/5 của triglycerides. Các lượng này sẽ tính bằng đơn vị là milligram/deciliter. LDL sẽ được tính một cách gián tiếp theo công thức :

$$\text{LDL} = \text{tổng số cholesterol} - \text{HDL} - \text{VLDL}$$

(VLDL = 1/5 của triglyceride)

Hiện có một số phòng thử nghiệm có thể đo được LDL trực tiếp nhưng tốn kém rất nhiều.



Do đó hai người cùng có một số giống nhau về cholesterol có thể có các thành phần LDL, HDL, rất khác nhau.

Nói chung các con số sau đây về cholesterol là tương đối có thể chấp nhận được :

- Tổng số cholesterol < 230mg/dL
- LDL < 130mg/dL
- HDL > 40mg/dL
- TG (triglyceride) < 150mg/dL.

Các con số này chỉ có một giá trị tương đối đối với từng bệnh nhân vì người bác sĩ khi chữa bệnh sẽ nhìn vào tổng thể của bệnh nhân để quyết định chứ không phải chỉ vào một hay hai con số này. Vấn đề này tôi sẽ đề cập tới trong bài viết tới của tôi để tổng kết lại các phần quý độc giả đã được đọc. Tuy nhiên nếu quý vị nào có một trong những lượng cholesterol mà nó quá cao so với các số kể trên thì nên hỏi ý kiến bác sĩ của mình mà chữa sớm. Trừ lượng HDL càng cao thì càng tốt.

Cao Triglycerides

Những người có lượng triglyceride trong máu cao trên 500mg/dL có nguy cơ hay bị viêm tụy tạng (pancreatitis - tuyến tụy tạng là một tuyến nội ngoại tiết, một trong các chất nội tiết là Insulin có nhiệm vụ điều chỉnh lượng đường trong máu). Con số bình thường của triglycerides là 150mg/dL lúc đói bụng (8 giờ sau khi ăn), các thức ăn làm triglycerides cao gồm có đồ ăn có nhiều mỡ, uống rượu và ăn nhiều quá. 14% những người có lượng triglycerides trong máu cao cũng có nguy cơ bị bệnh tim mạch.

Chữa trị cao Cholesterol và Triglycerides

Lượng cholesterol trong máu nhất là LDL sẽ được chữa trị xuống mức thích hợp tùy theo từng cá nhân có nhiều hoặc ít các nguy cơ về bệnh tim mạch. Thí dụ một bệnh nhân 60 tuổi bị cao huyết áp, đái đường, hút thuốc lá thì nhất định cần được làm hạ mức LDL càng thấp càng tốt dưới 100mg/dL hoặc nếu cần dưới 75mg/dL.

Nói chung chúng ta nên tham khảo bác sĩ nếu lượng cholesterol > 230mg/dL và lượng LDL > 130mg/dL.

Nguyên tắc chữa trị cao cholesterol trong máu nói chung gồm 4 nguyên tắc chính :

1. Ăn uống kiêng cử (diet) phải cắt giảm các đồ ăn chứa nhiều mỡ, cholesterol (theo bảng 4 đính kèm). Trên nguyên tắc sẽ giảm được khoảng 15%-20% lượng cholesterol.

2. Tập thể dục, chơi thể thao đều đặn tối thiểu 3 giờ một tuần lễ một cách tích cực (chạy, vận động thể thao : chơi tennis, bóng rổ, đá banh, v.v.).

3. Uống rượu vừa phải (moderate alcohol = 1 ly rượu mỗi ngày) cách này làm tăng được lượng HDL trong máu. Thống kê cho thấy uống rượu vừa phải giúp rất nhiều trong cao huyết áp, cholesterol ngay cả đái đường.

4. Sau cùng nếu các phương pháp trên không thành công thì phải dùng thuốc. Trên danh sách thuốc hiện nay có rất nhiều thuốc chữa trị cholesterol rất hiệu quả : niacin,

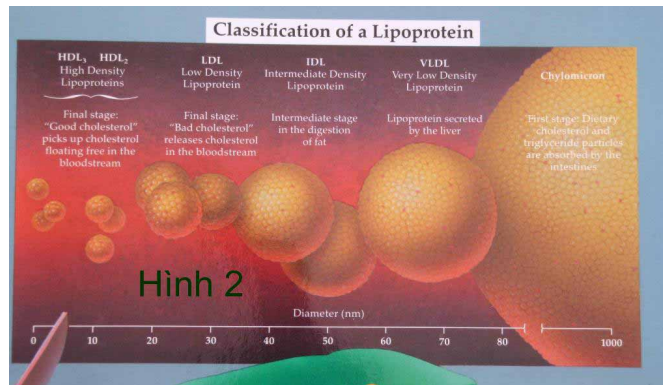
bile acid binding (các chất này bám lấy mật trong ruột và do đó gan sẽ phải tạo nhiều mật hơn và do đó sẽ sải nhiều cholesterol trong máu hơn).

Các chất chuyển hóa từ fibric acid, làm hạ triglycerides, Ezetimide là một loại thuốc mới sẽ ngăn cản cholesterol trong ruột không ngấm vào máu. Và thuốc quan trọng và hiệu quả nhất là loại gọi chung là STATIN với các tên thông dụng là Lipitor, Zocor, Crestor, Pravachol, Mevacor, Lescol, v.v. các bệnh nhân mà cao cholesterol do yếu tố di truyền hầu như tất cả phải dùng loại STATIN này.

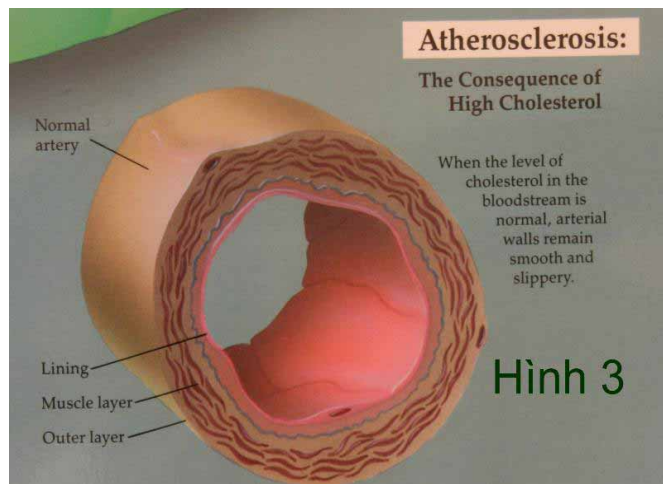
STATIN ngăn cản không cho gan tổng hợp thêm cholesterol, phần lớn các chất này (STATIN) phải uống vào buổi tối sau khi ăn tối vì gan, xướng chế tạo cholesterol

cho cholesterol vào buổi tối khi chúng ta ngủ.

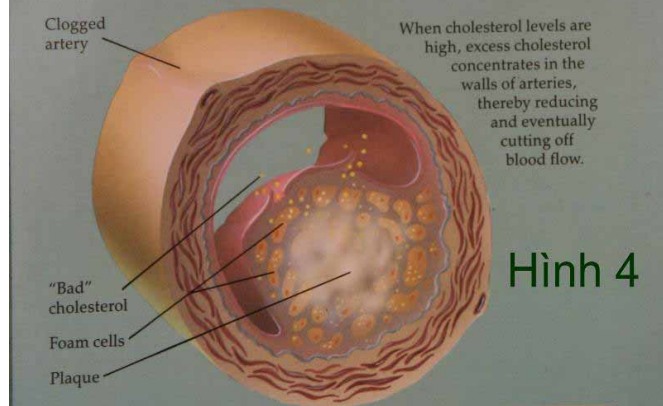
Điều quan trọng là các thuốc không phải là thần dược mà đều có chứa một số tác dụng phụ tương đối khá thấp, bệnh nhân có thể thấy đau nhức, yếu bắp thịt, chức năng gan có thể bị thay đổi. Do đó khi dùng cần phải được sự



Hình 2



Hình 3



Hình 4

theo dõi thường xuyên của bác sĩ và thử máu thường xuyên (mỗi 3-4 tháng, nhất là trong năm đầu tiên dùng thuốc).

Cholesterol trong thức ăn

Thức ăn	Tổng số mỡ (grams)	Mỡ bão hòa (grams)	Cholesterol (milligrams)
30 grams Cheese	9	4	27
Bơ (1 muỗng súp-30ml)	11	7	31
Dầu dừa (30ml)	14	12	0
Dầu ăn (30ml)	14	2	0
Cà Rem (1 cup)	14	8	60
1 lòng đỏ trứng	6	2	230
1 lòng trắng trứng	0	0	0
1 bánh croissant	12	4	13
Cá chép hấp (120g)	8	2	96
Tôm luộc	1	0	223
Thịt gà (120grams)	18	5	104
Thịt bò băm (nướng)	21	9	115
Thịt heo nạc nướng (120g)	16	5	102
Cam, táo, bưởi	0	0	0
Khoai tây luộc (1 củ)	0	0	0

Kết luận

Để kết luận cho bài viết này, cao mỡ trong máu đặc biệt cao cholesterol là một tình trạng bất thường của cơ thể, có thể do di truyền và do ăn uống không lành mạnh trong cuộc sống, không phải chỉ có các xã hội tây phương mới bị, rất nhiều bệnh nhân người Việt Nam đã cũng bị vì có thể dân Việt Nam ăn mỡ nhiều, các đồ ăn chiên dùng mỡ chứ không dùng dầu thực vật, thịt mỡ rẻ hơn thịt nạc. Hơn nữa, các đồ ăn thường có nhiều mỡ hay cholesterol thì ăn ngon hơn. Hiện nay, rất nhiều bệnh nhân đều rất lo lắng sợ bệnh này, tuy nhiên đây chỉ là một trong những nguyên do làm tăng nguy cơ gây bệnh tim mạch chứ không phải là một bệnh chết người, cách phòng ngừa và chữa trị rất hữu hiệu.

Nếu ăn uống điều độ, sinh hoạt khỏe mạnh, yêu đời, được chăm sóc y tế đều đặn thì có lẽ chúng ta không lo lắng về cao cholesterol lắm.

Bác sĩ Bùi Đắc Lộc
(California) - ĐT: 714-897-2623

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là một kết hợp của những người cùng theo đuổi một lý tưởng chung là xây dựng một nước Việt Nam dân chủ, bao dung và giàu mạnh, một nước Việt Nam mà những con người ngày hôm nay có thể chấp nhận được và các thế hệ mai sau có thể tự hào.

Mục tiêu gần và cũng thiết thân nhất của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là đấu tranh thiết lập một thể chế dân chủ đa nguyên trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc bằng những phương thức bất bạo động.

Là một kết hợp hoàn toàn hướng về tương lai, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên qui tụ những người Việt Nam thuộc đủ mọi lứa tuổi, mọi quá khứ chính trị, mọi cương vị, trong cũng như ngoài nước.

THỬ ĐỘC GIÀ

SUỐI ẤM LÒNG CÁC CỤ GIÀ

Tôi có một người cô năm nay vừa tròn 90 tuổi, tôi gọi bằng Má Tư vì mẹ tôi thứ ba đã qua đời. Tôi rất thương mến, coi như người mẹ thứ hai.

Hiện nay bà ở trong một viện dưỡng lão, bị bệnh xơ cứng (arthrose) xương sống và hai chân, không di chuyển được. Cả ngày bằng ngồi trên xe lăn, ăn uống phải có người giúp đỡ, nhưng vẫn còn sáng suốt và đầy đủ rí nhớ.

Mỗi tuần tôi đến thăm hỏi bà ba lần, cho ăn uống thức ăn Việt Nam, thoa kem trên tay chân và xúc nước hoa Cologne khắp người cho thơm mà bà rất thích.

Cuối năm qua, vào ngày 31-12-2006, tôi có mang bông đến tặng cùng với sôcôla, chả giò và chụp ảnh kỷ niệm. Sang ngày hôm sau, 1-1-2007, đáng lẽ tôi phải vô để chúc mừng nhân ngày đầu năm mới, cũng như thân nhân của các cụ khác, nhưng vì mệt mỏi tôi lỡ ngủ trưa đến chiều, khi thức dậy thì đã quá trễ để vào thăm cô tôi.

Mấy ngày hôm sau, thứ Năm 4-1-2007, tôi mới có dịp vô thăm. Cô tôi đang ngủ trưa và khi vừa thức dậy, thấy tôi ngồi kể bên giường, liền òa lên khóc meo máu, nước mắt chảy ràn rụa. Cô hỏi tôi đi đâu lâu quá, bỏ cô gần hai tháng nay không vô thăm. Tôi vội trả lời là mới gặp cô cách đây năm ngày. Nhưng cô tôi vẫn tiếp tục khóc và vẫn quả quyết tôi đã bỏ cô hai tháng trời không vô thăm, thành thử cô tôi cứ khóc hoài, không ăn uống gì cả. Bà giám đốc viện dưỡng lão phải năn nỉ, dứt ăn chút đỉnh và hứa sẽ gọi tôi vô thăm. Tôi ráng chứng minh với cô tôi là mới gặp ngày 31-12-2006 vừa qua bằng trưng ra các hình chụp, chậu hoa và hộp sôcôla còn lại, nhờ đó cô tôi mới bớt tủi thân và chịu thưởng thức chén cơm với tàu hủ và tôm kho tàu mà tôi vừa mới mang vô. Té ra là vì quá quen thuộc với sự có mặt của tôi nên chỉ cần vắng mặt có một hai ngày cô tôi cứ tưởng là hai tháng rồi tôi không đến. Tâm trí của những người lớn tuổi ở trong viện dưỡng lão, không còn thân nhân ruột thịt đến thăm hỏi thường xuyên. Họ rất trông đợi gặp được một khuôn mặt quen thuộc, nghe được một lời nói ấm cúng.

Cũng tại viện dưỡng lão này, vào một buổi chiều tháng trước, cô tôi đang ngồi trên xe lăn trong phòng khách lớn cùng các dưỡng viên khác. Tôi đang dứt cho cô tôi ăn cơm với thịt gà chay rất thơm ngon, kể bên là một cụ bà người Pháp, khoảng 80 tuổi, đến gần tôi xin : "Có thể cho tôi ăn được không?". Bà này xin như vậy đến hai lần, tôi đành đưa cho bà ta một miếng tàu hủ. Bà liền cầm lên ăn rất ngon lành, rồi lại hỏi nữa : "Có thể cho tôi ăn thêm miếng nữa được không?". Lúc đó tôi chỉ còn có cách là chia phần nửa bữa ăn của cô tôi cho bà ta.

Thấy các cụ ông, cụ bà gần đó ngó tôi, tôi mới moi trong hai túi áo khoác mấy cục kẹo và phát cho mỗi người, tất cả tặng lại tôi một nụ cười làm tôi ấm cả lòng.

Tôi được biết trong các viện dưỡng lão như vậy, rất hiếm khi thấy thân nhân đến thăm các cụ. Hình như những người này được vào đây để cho các nhân viên của viện dưỡng lão chăm sóc nên bị phó mặc. Do vậy mà người ta thường thấy rất nhiều cụ già ngồi trên xe lăn trước cửa ra vào chờ coi có thân nhân nào đến thăm hay không?

Tôi tự nhủ, suối ấm lòng các cụ già phải là nhiệm vụ chung của chúng ta chứ không riêng gì con cái của họ. Tôi sẽ cố gắng không bỏ qua một dịp rãnh nào để đến thăm các cụ.

Văn Mi (Evry)

11. Thời Nguyễn Sơ (1802-1883)

với

80 năm rực rỡ của văn hóa Phú Xuân

Lê Văn Hào

Triều Nguyễn trong lịch sử dân tộc

Triều Nguyễn (1802-1945) là vương triều cuối cùng của thời đại quân chủ Việt Nam.

Với tất cả 13 đời vua, khởi đầu từ Gia Long và kết thúc với Bảo Đại, thời Nguyễn có thể chia ra làm hai giai đoạn : thời Nguyễn Sơ (1802-1883) và thời Nguyễn Mạt - thuộc Pháp (1885-1945).

Sau khi đánh bại triều Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi, niên hiệu Gia Long, vẫn đặt kinh đô tại Phú Xuân (thành phố Huế ngày nay), đặt quốc hiệu là Việt Nam (1804-1838) rồi Đại Nam (1838-1945). Cương vực nước ta thời Nguyễn tương đương với phần lớn lãnh thổ Việt Nam ngày nay.

Thời kỳ Nguyễn Sơ đã chứng kiến sự phát triển rực rỡ của 80 năm văn hóa Phú Xuân trong nhiều lãnh vực.

Sông Hương, người tình muôn thuở của Phú Xuân-Huế

Sông Hương đã được nhiều người xem như là một dòng sông thơ, một dòng xanh văn hóa, và xin được dùng một hình tượng lãng mạn để gọi dòng sông êm đềm là người tình muôn thuở của đế đô Phú Xuân-Huế.

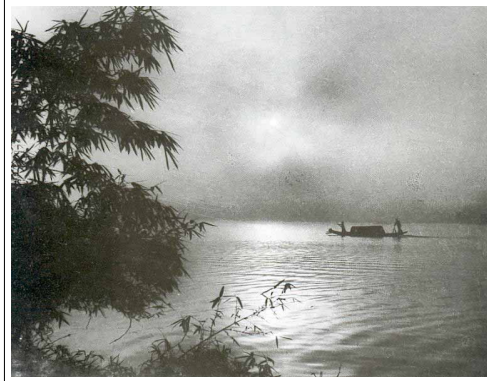
Quả thật, sông Hương rất diễm lệ. Tự bao đời Hương vẫn lững lờ trôi qua những xóm làng, những nhà vườn xinh tươi, từ làng Nguyệt Biều tới cửa Thuận An. Hương là bản giao hưởng xanh giữa trời và nước, điểm xuyết bằng mảng đỏ hoa phượng, mảng trắng nón bài thơ và tà áo dài nữ học sinh dập dờn trên những nẻo đường, nhịp cầu, bến nước.

Kinh thành Phú Xuân-Huế, chốn "thần kinh"

Đại Nam nhất thống chí đã dành những lời đẹp đẽ và trang trọng để nói về kinh thành Huế :

"Đây là nơi miền núi, miền biển đều họp về, đứng cân phân giữa miền Nam miền Bắc, đất đai cao ráo, non sông phẳng lặng, đường thủy có cửa Thuận An, cửa Tư Hiền sâu hiểm, đường bộ có đèo Ngang với ải Hải Vân chặn ngăn, sông lớn giăng

phía trước, núi cao giữ phía sau, rồng cuộn, hổ ngồi, hình thế vững chãi, ấy là do trời đất xếp đặt thật xứng là thượng đô của nhà vua".



Hoàng hôn trên sông Hương

Các cụm kiến trúc chính trên địa bàn kinh thành là Hoàng Thành, Tử Cấm Thành, khu Lục Bộ, Khâm Thiên Giám, viện Thương Bạc, lầu Phu Văn, đình Nghinh Lương...

Trung tâm của kinh thành là khu Đại Nội với gần 140 công trình kiến trúc, được xây dựng và trang trí độc đáo : cửa Ngọ Môn, điện Thái Hòa, cung Diên Thọ, Thái Miếu,

Hưng Miếu, Thế Miếu, Triệu Miếu, thư viện Thái Bình Ngự Lâm, nhà hát Duyệt Thị...

Nằm ngoài kinh thành là đàn Nam Giao, Hồ Quyển, Văn Miếu, Võ Miếu, điện Hòn Chén và hàng chục ngôi chùa cổ kính mà nổi tiếng nhất là chùa Thiên Mụ được xây dựng từ 1061.

Xa xa ở phía Nam sông Hương là quần thể các lăng tẩm của sáu vua Nguyễn từ Gia Long tới Khải Định, một thành tựu rực rỡ của nền kiến trúc truyền thống Việt Nam.

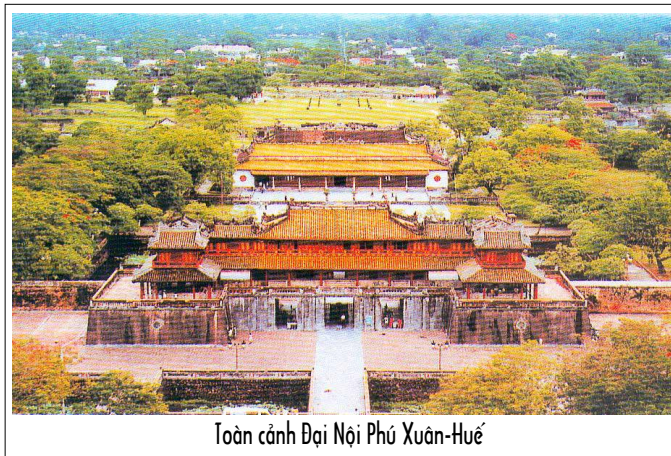
Giữa thế kỷ 19, vua Thiệu Trị (1841-1847) đã từng gọi Phú Xuân là chốn *Thần Kinh*, sau đó người Pháp đã dịch ra là *La Merveilleuse Capitale*.

Khoa học nhân văn thời Nguyễn Sơ

Nói tới khoa học nhân văn thời này chủ yếu là nói về một nhà bác học bách khoa và hai cơ quan học thuật lớn của triều Nguyễn.

- **Phan Huy Chú** (1782-1840) là nhà bác học lớn ở thế kỷ 19. Đời làm quan của ông lắm lúc thăng trầm nên ông chán nản đã xin từ quan về làng dạy học và viết sách. Công hiến chủ yếu của Phan Huy Chú là công trình biên khảo đồ sộ *Lịch triều hiến chương loại chí*.

Bộ sách này gồm 49 quyển, chia thành 10 bộ môn : địa lý thiên nhiên và địa lý lịch sử Việt Nam ; tiểu sử của các vua chúa, công thần, tướng lãnh và các nhà trí thức danh tiếng trong lịch sử đất nước ; chế độ quan chức



Toàn cảnh Đại Nội Phú Xuân-Huế

và guồng máy hành chính ; lễ nghi và phẩm phục ; chế độ khoa cử ; chế độ thuế khóa ; luật lệ ; cách tổ chức và luyện tập quân đội ; thư mục các sách Hán Nôm ; chính sách và quan hệ ngoại giao. Lĩnh vực nào Phan Huy Chú cũng tập hợp được tài liệu khá đầy đủ và sắp xếp có hệ thống. Đây là bộ bách khoa toàn thư lớn của thời đại quân chủ.

Cơ quan khoa học nhân văn quan trọng nhất thời Nguyễn là *Quốc Sử Quán*, được thành lập từ 1821, với những công trình quan trọng hàng đầu là :

- *Đại Nam thực lục*, 560 quyển ;

- *Đại Nam liệt truyện*, 85 quyển ;

- *Đại Nam nhất thống chí*, 45 quyển ;

- *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục*, 53 quyển, trên 4.000 trang, v.v.

Tổng cộng số sách do Quốc Sử Quán khắc in và xuất bản lên tới 68 bộ. Do giá trị khoa học của khối lượng xuất bản phẩm này, Quốc Sử Quán đáng được xem như là viện hàn lâm một thuở.

Cơ quan khoa học nhân văn quan trọng thứ hai của triều Nguyễn là *Nội Các*, được thành lập năm 1829. Đây là nơi vừa lưu trữ văn thư, vừa tổ chức biên soạn, khắc in và phát hành một số sách của triều Nguyễn.

Công trình đồ sộ nhất của Nội Các là *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ*, một bộ sách tổng hợp về lịch sử, chính trị và điển chế thời Nguyễn, gồm 262 quyển, khoảng 8.000 trang, được biên soạn từ năm 1843 và hoàn thành năm 1851. Đây là nguồn tư liệu gốc ghi chép khá đầy đủ và tường tận các chiếu chỉ, tấu sớ, chỉ dụ của triều đình liên quan tới Lục Bộ và nhiều cơ quan khác.

Văn học thời Nguyễn Sơ

Văn học thời này gồm hàng chục tác giả, nhưng theo thiên ý có bốn gương mặt lớn tiêu biểu.

- **Nguyễn Du** (1765-1820) vừa là nhà thơ Việt Nam kiệt xuất, vừa là danh nhân văn hóa thế giới. Khi Gia Long lên ngôi, ông ra làm quan đến chức Tham Tri bộ Lễ và từng đi sứ Trung Quốc. Là tác giả ba tập thơ chữ Hán, Nguyễn Du được biết nhiều nhất vì đã viết ba áng văn Nôm : *Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu*, *Văn tế thập loại chúng sinh* (Văn chiêu hồn) và nhất là *truyện Kiều* bất hủ.

Trong thơ chữ Hán, Nguyễn Du ký thác nhiều tâm sự. Ông than thở mình có tài mà phải chịu sống lận đận, từ đó ông cảm thương cho tất cả những con người vì miếng cơm manh áo mà phải vất vả

long đong, những con người tài hoa mà bạc mệnh, nhất là những kiếp hồng nhan đa truân.

Truyện Kiều đã nhấn mạnh trên hai chủ đề lớn : tài và mệnh vốn ghen ghét nhau ; phận đàn bà bao giờ cũng đáng thương. Do trình độ sử dụng tiếng Việt điêu luyện của tác giả, *truyện Kiều* đã trở thành áng văn kiệt tác hàng đầu của văn học Việt Nam.

- **Cao Bá Quát** (1809-1854) vừa là nhà thơ, vừa là thủ lĩnh nông dân. Năm 1853 ông từ bỏ chức quan giáo thụ (dạy học) để về Mỹ Lương (Hà Tây) chiêu tập nông dân nổi

lên khởi nghĩa chống triều Nguyễn rồi bị bắn chết tại trận.

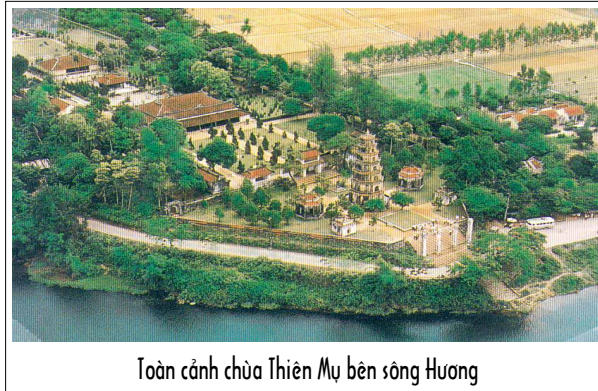
Thơ văn của ông tuy thất lạc nhiều nhưng vẫn còn khoảng trên một ngàn bài, phần lớn là thơ chữ Hán. Về chữ Nôm ông đã viết bài phú *Tài tử đa cùng* nổi tiếng và nhiều bài hát nói tuyệt tác. Cao Bá Quát là con người phóng khoáng, bất khuất, không chịu ép mình vào khuôn phép, lại hay băn khoăn về cuộc sống đau khổ của nhiều hạng người nên ông có hoài bão lớn là lật đổ chế độ chuyên chính đương thời.

Cao Bá Quát sử dụng tiếng Việt một cách độc đáo, tài tình với nhiều hình ảnh mới lạ cho nên mặc dù đã từng khởi nghĩa chống triều đình ông vẫn được Tự Đức đánh giá cao về tài văn chương.

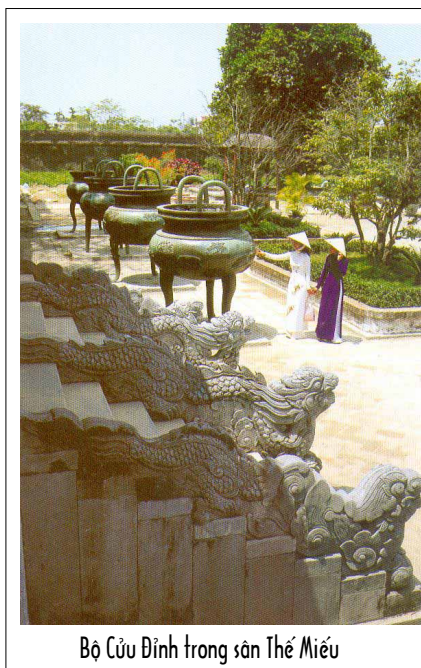
- **Miễn Thẩm** (1819-1870), tước Tùng Thiện Vương, vừa là con vua Minh Mạng vừa là cha vợ của Đoàn Hữu Trưng, thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa Chày Vôi (1866) đưa dân phu đột nhập vào hoàng cung định giết Tự Đức. Ông sáng tác rất nhiều thơ chữ Hán, tập thơ *Thương Sơn* gồm 2.000 bài, trong đó ông hoàng này đã nhiều lần phản ánh đời sống lầm than của người dân bị tầng lớp quan lại, phú hộ và cường hào áp bức, bóc lột triền miên.

Sống vào giai đoạn đất nước ta bị Pháp xâm lược, ông đã sáng tác một số bài thơ yêu nước mà cảm động nhất là bài *Độc văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu*.

- **Nguyễn Trường Tộ** (1830-1871) là một người theo đạo Công giáo đã từng chu du nhiều nơi trên thế giới như Hongkong, Singapore, Roma, Paris và học được nhiều điều hay của nền văn minh và công nghệ tiên tiến thế giới. Về nước, ông làm phiên dịch tiếng Pháp cho vua Tự Đức. Với tầm nhìn xa trông rộng và nhận thức sâu sắc tình trạng lạc hậu của nước ta, ông đã viết bản điều trần *Tám điều cấp cứu* nổi tiếng gửi triều đình đề nghị nhanh chóng duy tân đất nước, mở rộng quan



Toàn cảnh chùa Thiên Mỹ bên sông Hương



Bộ Cửu Đỉnh trong sân Thê Miếu

hệ ngoại giao với phương Tây và cử người đi học khoa học kỹ thuật để có thể trở nên tự lập, tự cường, nhưng vua quan quá thủ cựu mù quáng đã khước từ tất cả. Sau đó ông còn gởi thêm cho vua bản điều trần đề nghị cải cách, chấn hưng kinh tế, cũng vẫn là tiếng nói trong sa mạc.

Trong kho tàng văn chương chính luận Việt Nam, các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ là những kiệt tác nói lên nhân quan sáng suốt và tinh thần thực tiễn của một nhà tư tưởng lớn trước các vấn đề của đất nước và thời đại.



Lăng Tự Đức bên bờ nam sông Hương

Cửu Đỉnh, một đỉnh cao của mỹ thuật Việt Nam

Nói tới mỹ thuật thời này là phải nói tới các di tích lịch sử, văn hóa Huế được UNESCO thừa nhận là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại : các chùa chiền, các lăng tẩm, Hồ Quyền, cầu ngói Thanh Toàn..., trong đó Cửu Đỉnh là kiệt tác mỹ thuật lớn nhất.

Được đúc trong những năm 1835-1837 đời Minh Mạng, đó là những văn vật đã làm kinh ngạc nhiều khách du lịch và nhà văn hóa nước ngoài đến thăm Huế, kể cả những vị khách đến từ Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn.

Trong chín cái đỉnh ấy, lớn nhất là đỉnh Cao : cao 2,2 m, đường kính miệng : 1,15 m, đường kính bụng : 1,65 m, nặng : 2.755 kg. Đỉnh Huyền nhỏ nhất cũng cao 1,9 m, đường kính miệng : 1,12 m, đường kính bụng : 1,61 m, nặng 2.017 kg. Nghệ nhân phường đúc ở Huế cùng với nhiều nghệ nhân tài giỏi khác trong cả nước đã sử dụng hơn 20 tấn đồng thau để hoàn thành Cửu Đỉnh, mỗi đỉnh là một công trình tinh xảo với 18 bức chạm nổi tinh vi.

Âm nhạc và múa cung đình thời Nguyễn Sơ

Âm nhạc Phú Xuân gồm âm nhạc cổ điển, âm nhạc dân gian và âm nhạc cung đình.

Âm nhạc cổ điển Phú Xuân gồm ca Huế và đờn Huế, với khoảng 50 tác phẩm cơ bản, chia ra thành hai điệu thức lớn là điệu Bắc và điệu Nam. Điệu Bắc có những bài bản quen thuộc như *Cổ Bản*, *Lộng Điệp*, *Long Ngâm*... Điệu Nam có các bài bản như *Nam Ai*, *Nam Bình*, *Tương Tư Khúc*, *Tứ Đại Cảnh*...

Trong khi các nữ nghệ nhân ca Huế có những cách nhấn nhá, láy luyến, láy hơi, đưa hơi điệu luyện thì các nam nhạc công nhạc Huế có những ngón đàn tế nhị tinh vi. Một nghệ nhân tài hoa có thể sử dụng trên đàn tỳ bà những ngón *chày*, *hưởng*, *vả*, *mở*,

bấm, *bịt*, *day*, *chớp*, *búng*, *phi*, *rãi*...

Nhạc cung đình ngày nay chỉ còn tồn tại ở Huế. Đây là

một bộ môn âm nhạc đã được *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ* đề cao, gồm có Đại Nhạc và Tiểu Nhạc. Dân Đại Nhạc gồm kèn, trống, bộ gõ và nhiều cây đàn ; dân Tiểu Nhạc gồm sáo, đàn nguyệt, đàn nhị, tỳ bà. Nổi tiếng nhất là các bản *Phẩm tiết*, *Nguyên tiêu*, *Hồ Quảng*, *Liên hoàn*, *Bình bát*, *Tây mai*, *Kim tiền*, *Xuân phong*, *Long hổ*, *Tấu mã*...

Do tính chất phong phú điều luyện của nó, nhạc cung đình Phú Xuân-Huế đã được

UNESCO công nhận là một bộ phận di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại vào năm 2003.

Bên cạnh nhạc cung đình là múa cung đình với những vũ khúc độc đáo như *Bát dật*, *Lục cúng*, *Tam tinh chúc thọ*, *Bát tiên hiến thọ*, *Trình tường tập khánh*, *Nữ tướng xuất quân*, *Tứ linh*, *Vũ phiến*, *Lục triệt hoa mã dâng*...

Nghệ thuật ẩm thực cung đình và dân gian Huế

Huế là vùng đất không rộng nhưng có đủ các yếu tố rừng núi, đồng bằng, sông biển và đầm phá nên rất đa dạng và phong phú về nguồn thực phẩm trong thiên nhiên suốt cả bốn mùa. Huế cũng là nơi kinh kỳ phồn hoa đô hội trong nhiều thế kỷ cho nên nhu cầu ẩm thực được nâng cao để rồi biến thành nghệ thuật ẩm thực cung đình và dân gian của xứ Huế.

Món ăn quý tộc gồm những cao lương mỹ vị mà thuở xưa chỉ có trong cung đình và giới thượng lưu mới được hưởng thụ. Còn món ăn bình dân tuy chất liệu thông dụng, giản dị nhưng do chế biến tinh tế đã trở thành những món ăn đặc sắc, đậm đà hương vị. Trong khoảng gần một ngàn món ăn Huế, có 300 món mặn, 125 món chay, 120 món chè, cháo, bánh, mứt, 60 món dưa, mấm, muối, nước chấm, nhiều loại gia vị và nhiều loại rau sống, v.v.

Cách trình bày món ăn Huế phải thể hiện dưới hình thức đẹp đẽ, trang nhã, rực rỡ như bức tranh hài hòa, nhiều màu sắc làm tăng phần ngon miệng cho người ăn.

Tinh hoa của nghệ thuật ẩm thực Huế là do sự kết hợp giữa chất liệu phong phú và thao tác chế biến tinh tế cầu kỳ do bàn tay khéo léo của người nấu ăn là những phụ nữ Huế tài hoa đã biến những món ăn thanh đạm bình thường vượt khỏi mức giản dị đơn sơ để vươn lên trở thành những món ăn tuyệt ngon và đậm đà phong cách Huế.

Lê Văn Hảo (Paris)



Mùa cung đình Phú Xuân-Huế : Lục Cúng Hoa Đàng

Giải oan ?

Việc thiển sư Nhất Hạnh về Việt Nam trong dịp Tết Đinh Hợi này để tổ chức Đại Trai Đàn Chẩn Tế Giải Oan cầu siêu cho mọi nạn nhân của cuộc chiến vừa qua không phân biệt chiến tuyến là một hành động đáng được trân trọng. Điều này vừa phù hợp với tinh thần từ bi của đạo Phật vừa rất đúng trong bối cảnh đất nước hiện nay.

Trong một đất nước mà hận thù chồng chất và sự hung bạo đã ngự trị trong suốt 30 năm chiến tranh, và sau đó được sử dụng như một phương pháp cai trị cho đến nay, một cử chỉ hiền lành biểu lộ tình thương yêu là rất cần thiết. Nó giống như một tiếng chuông chùa ngân vang, an ủi tâm hồn sau những tiếng bom đạn và gào thét. Nó chỉ có thể có lợi.

Tuy nhiên chỉ nên coi hành động này của thiển sư Nhất Hạnh là một sự kiện tôn giáo bình thường, không nên tìm hiểu ý nghĩa chính trị hay lịch sử của nó vì không có. Lòng từ bi của Phật giáo bao trùm mọi chúng sinh dù thiện hay ác. Công giáo cũng cầu nguyện cho cả kẻ lành lẫn kẻ dữ, kẻ tình nghĩa cũng như kẻ thù địch. Chỉ thế thôi.

Điều cần ý thức là hoạt động tôn giáo có ý nghĩa giới hạn của nó. Khóc thương cho các nạn nhân là điều tốt nhưng không đủ. Nếu góp tất cả những giọt nước mắt đã đổ ra cho những nạn nhân vô tội trên thế giới từ trước đến nay thì có thể là một biển cả, nhưng có phải vì thế mà ngăn chặn được bạo lực và tội ác đâu ? Ngăn chặn bạo lực và tội ác đòi hỏi công lý và hành động. Đó là điều mà người ta chỉ có thể hy vọng một cách vừa phải ở các tôn giáo.

Cũng không nên nghĩ rằng các tôn giáo đang có một vai trò quan trọng tại Việt Nam hiện nay. Theo những thăm dò dư luận, chỉ còn một thiểu số rất nhỏ người Việt còn quan tâm đến các tôn giáo. Vậy hãy để các tôn giáo làm công việc của tôn giáo và khi họ làm những việc thiện, như việc làm này của thiển sư Nhất Hạnh, thì nên đón nhận với tất cả sự trân trọng.

Sở dĩ việc thiển sư Nhất Hạnh tổ chức Đại Trai Chẩn Tế Giải Oan được bàn tới là vì trong bối cảnh chính trị Việt Nam hiện nay nhiều người tự hỏi có phải là một hành động trong chiều hướng hòa giải dân tộc và trả lại công lý cho mọi nạn nhân hay không ? Theo tôi thì không, và có lẽ cũng không phải là ý muốn của thiển sư Nhất Hạnh. Ông chỉ giản dị làm một công việc bình thường của một nhà tu.

Điều mà các nạn nhân và thân nhân của họ cần là được trả lại công lý. Có những người yêu nước đã bị giết và bị cáo buộc là phản quốc. Có những người chỉ có tội sinh ra và lớn lên tại miền Nam, do đó có mặt trong guồng máy quân đội và hành chánh của miền Nam và đã bị tịch thu tài sản hay tù đầy. Hơn 100.000 người chân lấm tay bùn chỉ có vài mẫu ruộng đất ở miền Bắc cũng đã bị coi là địa chủ gian ác và bị giết. Nhiều nghĩa trang quân đội miền Nam cũng đã bị xúc phạm sau ngày 30-4-1975. Hàng trăm ngàn người khác đã bỏ mình trên biển cả chỉ vì không muốn sống dưới chế độ cộng sản. Với những nạn nhân này thì cầu siêu và giải oan không hàn gắn được gì và có thể còn là một sự xúc phạm nếu xếp họ ngang hàng với những nạn nhân khác.

Là thành viên của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, tổ chức

chính trị đầu tiên đã đưa ra chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc và đã kiên trì theo đuổi lập trường này trước mọi sóng gió, tôi phải lên tiếng rằng nếu đưa hành động này ra ngoài phạm vi thuần túy tôn giáo thì việc làm của thiển sư Nhất Hạnh không những không có ý nghĩa gì mà còn sai. Xí xóa không phải là một hành động đúng với lẽ phải và không những không ngăn ngừa mà còn gián tiếp khuyến khích tội ác.

Nhiều tổ chức trước đây đã từng chống đối gay gắt chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc, nhân danh lập trường chống cộng cứng rắn, ngày nay đã chỉ đòi chính quyền cộng sản phải thực hiện những biện pháp cải tổ theo chiều hướng tôn trọng dân chủ và nhân quyền, làm như quá khứ có thể xóa bỏ. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên không thể chấp nhận thái độ này. Đối với chúng tôi, chúng ta phải có bốn phạm ký ức, nghĩa là phải sửa chữa những sai lầm trong quá khứ để trả công lý cho các nạn nhân, nhất là những người đã chết. Đó cũng là điều bắt buộc để tội ác đừng lặp lại.

Chính quyền cộng sản hiện nay kêu gọi hòa hợp dân tộc nhưng không chấp nhận hòa giải. Đó chỉ là lời kêu gọi phục tùng. Chúng ta không thể chấp nhận thái độ này. Trước hết phải đòi hỏi thực hiện hòa giải dân tộc. Điều này có nghĩa là những nạn nhân phải được phục hồi danh dự, đảng cộng sản phải long trọng nhận lỗi và xin lỗi.

Điều trở trêu là lập trường hòa giải dân tộc, từng bị đá kích là quá nhân nhượng với chính quyền cộng sản, đang trở thành một thái độ cứng rắn đối với chính quyền cộng sản. Nhưng đòi hỏi hòa giải dân tộc chẳng bao giờ là một đòi hỏi cứng rắn cả. Hòa giải là một thái độ khoan dung trong tình anh em tìm lại.

Nguyễn Văn Huy

MUA BÁO Gia nhập HYNHĐ	ABONNEMENT Adhésion à YNfraternité
Họ (Nom) :	
Tên (Prénom) :	
Địa chỉ (Adresse) :	
Mã số hành chính (Code postal).....	
Thành phố (Ville) :.....	
Điện thoại (Tél.) :	
Tôi đăng ký (Je m'inscris) (*) :	
<input type="checkbox"/> mua / gia hạn mua báo (35 EUR/năm) pour un abonnement / réabonnement (35 EUR/an)	
<input type="checkbox"/> gia nhập Hội Việt Nam Huynh Đệ pour une adhésion à l'Association Vietnam Fraternité	
(*) đánh dấu nếu CÓ, bỏ trắng nếu KHÔNG Cocher pour OUI, en blanc pour NON	
Ngân phiếu (Chèque à l'ordre de) : Vietnam Fraternité Gửi về địa chỉ (envoyer à l'adresse) : 7 Allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France	
Ngày (Date) :	
Chữ ký (Signature).....	

THỦ ĐỘC GIÀ

Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa sẽ ra sao ?

Mấy ngày qua, tôi đã đọc nhiều ý kiến khác nhau về việc thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng quyết định "dân sự hóa" nghĩa trang Biên Hòa. Tôi nhận thấy, đa số đã "hoan nghênh quyết định của thủ tướng". Có người nói rằng rồi đây thân nhân của các chiến sĩ ấy sẽ được tự do vào Nghĩa Trang Quân Đội thăm viếng xây dựng, trùng tu...

Riêng tôi, khi đọc ba chữ "dân sự hóa", tôi cho rằng không đơn giản như vậy. Theo tôi thì ý đồ của chính quyền cộng sản Việt Nam là muốn xóa sạch dấu vết của quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Nghĩa là, chính quyền cộng sản Việt Nam dựa theo ý kiến của tướng Nguyễn Cao Kỳ đã đề nghị là "trùng tu" lại nghĩa trang quân đội Biên Hòa để thân nhân những người quá cố có thể đến phúng điếu. Nhưng điều mà chính tướng Nguyễn Cao Kỳ sẽ không ngờ và cũng không lường trước được là khi đề nghị với nhà cầm quyền Hà Nội ông đã không nói một cách cụ thể là trùng tu như thế nào, bằng cách nào. Bởi vì hai chữ trùng tu có nhiều cách giải thích, tùy theo ý muốn của người thực hiện.

Chính vì vậy, tôi nghĩ sắp tới chính quyền cộng sản Việt Nam sẽ cho "trùng tu - dân sự hóa" bằng cách đưa một đội ngũ thợ hồ vào Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa để đập, phá, bỏ tất cả những bia mộ cũ của các chiến sĩ ấy, sau đó sẽ dựng lên và sơn phết những bia mộ hoàn toàn mới mà chính người thân cũng không thể nhận ra.

Ví dụ như trên những tấm bia mộ cũ hiện nay tại nghĩa trang đã khắc : Thiếu tá, Đại úy, Binh sĩ... Nguyễn Văn A, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1941, Thủy Quân Lục Chiến, tử trận ngày 01 tháng 01 năm 1971 tại chiến trường Quảng Trị. Sau khi "trùng tu - dân sự hóa" lại, người ta sẽ chỉ còn đọc trên những tấm bia mới này những dòng chữ giản dị là : Nguyễn Văn A Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1971, chết ngày 01 tháng 01 năm 1971. Những chữ Thủy Quân Lục Chiến, Nhảy Dù, Biệt Động Quân, hay các binh chủng khác và tử trận tại những chiến trường nào chắc chắn sẽ không còn nữa. Còn hàng chữ trên cổng Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa cũng sẽ bị thay thế bằng một dòng chữ giản dị là Nghĩa Trang Biên Hòa. Nói tóm lại, sau khi "trùng tu - dân sự hóa" lại, ký ức về quá khứ của người quá cố sẽ không còn nữa.

Tôi chỉ là một người phụ nữ bình thường, không biết gì về chính trị, không có chữ nghĩa, văn chương, chỉ biết đọc, biết viết mà thôi, nên từ mười mấy năm qua tôi chỉ dùng ngòi bút của mình để ghi lại những biến cố tang thương đầy máu và nước mắt đã xảy ra trên quê hương mà tôi đã chứng kiến mà như tôi đã từng viết là thấy sao nói vậy, nhớ đâu viết đó viết một cách trung thực nhưng chưa đầy đủ.

Giờ đây, tôi cảm thấy vô cùng xót xa khi nghĩ đến cái ngày mà chính quyền cộng sản Việt Nam cho người vào nghĩa trang đập, phá, xóa đi tất cả những vết tích bia mộ của các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa để chỉ còn là những tấm bia mộ bình thường. Bởi theo tôi, Nghĩa trang Quân Đội là một di sản vô giá của những người muốn biết đến cuộc chiến đấu oai hùng và anh dũng của những Quân-Dân-Cán-Chính Việt Nam Cộng Hòa để bảo vệ chính nghĩa tự do. trong những năm từ 1954 đến 1975.

Nhưng tôi không hiểu những người ủng hộ quyết định của nhà cầm quyền Hà Nội có tiên liệu được những gì sẽ xảy ra nếu quả thật điều tôi dự đoán là đúng ?

Theo tướng Nguyễn Cao Kỳ, thì hiện nay có mười bốn nghìn ngôi mộ tại nghĩa trang. Thân nhân của các chiến sĩ ấy dù có chết cũng không thể chết tất cả, mà ít ra tính trung bình mỗi vị cũng còn được hai người thân. Trong mười bốn nghìn ngôi mộ ấy tối thiểu cũng có hai mươi tám nghìn người, biết đâu cũng có thể lên tới năm mươi nghìn, hay hàng trăm nghìn người... Họ là thân nhân, là chiến hữu của người quá cố, nói chung là đồng bào miền Nam, làm sao quên được rằng ngày xưa họ đã được sống yên bình ở hậu phương là bởi có các chiến sĩ ấy đã từng gổ đất, nằm sương, ở tận rừng sâu, núi thẳm, đã từng xông pha giữa làn mưa đạn và đã bỏ mình nơi chiến trận để cho họ có cái hạnh phúc yên ổn đó!

Giờ đây, nếu điều ấy xảy ra có lẽ nào tất cả đành chịu ngồi yên khoanh tay mà nhìn, mà làm ngơ trước hành động phi tang bất nhân của chính quyền cộng sản ? Nếu điều đó xảy ra thì lời kêu gọi "hòa hợp hòa giải" của nhà cầm quyền Hà Nội có phải là lừa dối hay không ? Nếu điều đó thật sự xảy ra thì đúng là một hành động kỳ thị, trọng khinh một cách rõ ràng, vì như ai cũng biết các nghĩa trang của bộ đội Bắc Việt đều được sơn son thếp vàng với bốn chữ "Nghĩa Trang Liệt Sĩ" và trên mỗi bia mộ có hàng chữ "hy sinh" rõ ràng.

Tôi vẫn mong rằng điều tôi dự đoán là sai, sẽ không thành sự thật, để tất cả những người còn sống và những người đã nằm xuống khỏi phải oán than. Có như thế bốn chữ "hòa hợp hòa giải" mới nghe được một chút gì có ý nghĩa.

Trần Lệ Tuyền (Pháp)

Mười đặc điểm của người Việt Nam

(theo sự đánh giá của Viện nghiên cứu xã hội Mỹ)

1. Càn cù lao động song dễ thỏa mãn, nên tâm lý hưởng thụ còn nặng.
2. Thông minh, sáng tạo, song chỉ có tính chất đối phó, thiếu tầm tư duy dài hạn, chủ động.
3. Khéo léo, song không duy trì đến cùng (ít quan tâm đến sự hoàn thiện cuối cùng của sản phẩm).
4. Vừa thực tế, vừa mơ mộng, song lại không có ý thức nâng lên thành lý luận.
5. Ham học hỏi, có khả năng tiếp thu nhanh, song ít khi học "đến đầu đến đuôi" nên kiến thức không hệ thống, mất cơ bản. Ngoài ra, học tập không phải là mục tiêu tự thân của mỗi người Việt Nam (nhỏ học vì gia đình, lớn lên học vì si điện, vì kiếm công ăn việc làm, ít vì chí khí, đam mê).

6. Xôi lỏi, chiêu khách, song không bền.
7. Tiết kiệm, song nhiều khi hoang phí vì những mục tiêu vô bổ (si điện, khoe khoang, thích hơn đời).
8. Có tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, song hầu như chỉ trong những hoàn cảnh, trường hợp khó khăn, bần hàn. Còn trong điều kiện sống tốt hơn, giàu có hơn thì tinh thần này rất ít xuất hiện.
9. Yêu hòa bình, nhân nhặn, song nhiều khi lại hiếu chiến, hiếu thắng vì những lý do tự ái, lật lọng, đánh mất đại cục.
10. Thích tụ tập, nhưng lại thiếu tính liên kết để tạo ra sức mạnh (cùng một việc, một người làm thì tốt, ba người làm thì kém, bảy người làm thì hỏng).

IRAQ rối như bông bong

Ngày 28-1-2007, quân đội Iraq, với sự yểm trợ của không lực Hoa Kỳ, đã tiêu diệt được toàn

bộ một toán quân tiến công họ ở Najaf, kể cả thủ lĩnh Dhia Abdul Zahra. Toán quân này gồm khoảng 250 người, xung phong điên cuồng trong lời hô hét "Giáo chủ Mahdi đã đến". Đây không phải là một toán quân của Al Qaeda, cũng không phải là quân kháng chiến Sunni mà là Shia, hệ phái đang nắm phần lớn chính quyền Iraq do Mỹ và đồng minh lập ra. Họ tự xưng là "Những chiến sĩ của Thượng Đế" với niềm tin là sắp có tận thế. Lời hô "Giáo chủ Mahdi đã đến" có nghĩa là đã đến ngày tận thế, sẽ có phán xét sau cùng và những người tử đạo sẽ được lên thiên đàng. Mahdi là một giáo chủ đã mất tích vào thế kỷ thứ 9, và theo truyền thuyết của hệ phái Shia, ông là phái viên của thượng đế Allah, sẽ tái xuất hiện trong ngày tận thế.

Người ta ước lượng có hơn mười hệ phái mong đợi ngày tận thế như nhóm "Những chiến sĩ của Thượng Đế" này. Tất cả đều hoạt động ở miền Nam Iraq, nơi hầu hết mọi người đều theo giáo phái Shia. Miền Nam Iraq tuy rất phong phú về tài nguyên nhưng lại rất nghèo khổ dưới thời Saddam Hussein vì bị khống chế và đàn áp thẳng tay. Từ ngày quân Mỹ và đồng minh đánh đổ chế độ Saddam Hussein, chiến tranh đã khiến họ càng cơ cực hơn, và sự cơ cực này đã biến miền Nam Iraq thành môi ngon cho những hệ phái hứa hẹn sắp có tận thế và tiếp theo là một cuộc sống cực lạc khác trên cõi thiên đàng.

Tại Baghdad, khủng bố vẫn tiếp tục dữ dội, các vụ nổ bom tự sát làm chết hàng trăm người vẫn xảy ra hầu như hàng ngày. Có thể là vì các toán loạn quân muốn ảnh hưởng lên quốc hội Mỹ để quốc hội Mỹ bác bỏ kế hoạch tăng cường quân đội Mỹ tại Iraq.

PALESTINE chấm dứt cảnh huynh đệ tương tàn ?

Tình trạng của vùng tự trị Palestine không thể tưởng tượng được với một người bình thường vì nó rất quái đản. Quân đội của chủ tịch (Fatah) đánh nhau với quân của thủ tướng (Hamas). Chủ tịch Mahmoud Abbas và thủ tướng Ismael Haniyeh gặp nhau tại Saudi Arabia để hòa giải, hy vọng chấm dứt cảnh huynh đệ tương tàn và tiến tới một chính phủ đoàn kết quốc gia.

Không phải chỉ có thế. Hoa Kỳ và Tây Âu ủng hộ chủ tịch Mahmoud Abbas, vì coi ông là con người ôn hòa có thể nói chuyện được, và chống lại lực lượng Hamas, được coi như là một lực lượng khủng bố. Tuy vậy, nhóm khủng bố hung dữ nhất tại Palestine, tác giả của hầu hết các vụ đánh bom tự sát là nhóm Al Aqsa, một bộ phận thuộc lực lượng Fatah của Mahmoud Abbas.

Trong cuộc họp mặt hòa giải diễn ra tại Mecca (La Mecque), địa điểm hành hương của mọi người Hồi giáo Sunni trên thế giới, người cầm đầu phái đoàn Hamas để nói chuyện với chủ tịch Mahmoud Abbas không phải là thủ tướng Ismael Haniyeh. Ông này chỉ là nhân vật thứ hai của Hamas, người cầm đầu Hamas là Khaled Meechal, đang sống lưu vong tại Syria.

Kháng chiến Palestine không thống nhất, trái lại nó rất chia rẽ, gồm vô số tổ chức lớn nhỏ chỉ có chung một lập trường là

Thời Sự

QUỐC TẾ & VIỆT NAM

chống Do Thái. Họ chống lẫn nhau và giết nhau để tranh giành ảnh hưởng dữ dội không kém chống Do Thái. Tổ chức PLO do Yasser Arafat thành lập và hiện do Mahmoud Abbas kế thừa lãnh

đạo là tổ chức quan trọng nhất. Fatah là lực lượng vũ trang của PLO. Tuy vậy PLO không còn là lực lượng được người Palestine tín nhiệm nhất nữa. Trong cuộc bầu cử tháng 3-2006, Hamas đã thắng và nắm nội các.

Điều khác biệt căn bản giữa tổ chức PLO của Mahmoud Abbas và tổ chức Hamas của Khaled Meechal là PLO chấp nhận sự hiện hữu của quốc gia Do Thái trong khi Hamas vẫn giữ lập trường cũ là tiêu diệt quốc gia Do Thái và thành lập một quốc gia Palestine của người Hồi giáo trên toàn lãnh thổ Palestine, bao gồm cả Do Thái lẫn vùng tự trị hiện nay. Điều ngược ngạo là trên thực tế Hamas từ lâu đã ngừng các vụ khủng bố, trong khi các nhóm nhỏ thuộc PLO vẫn tiếp tục khủng bố.

Người Palestine đã tàn sát nhau hơn hẳn người Do Thái giết họ trong các cuộc giao tranh. Chỉ riêng trong tháng 1-2007, quân đội của thủ tướng và của chủ tịch đã bắn giết lẫn nhau làm hơn 70 người thiệt mạng Cùng một chính quyền trên mặt chính thức nhưng chủ tịch có quân đội của chủ tịch, thủ tướng có quân đội của thủ tướng.

Từ khi Hamas lên cầm quyền, do lập trường chính thức của Hamas là không sống chung với Do Thái, hầu hết mọi viện trợ cho Palestine đã bị đình chỉ và Palestine, sống nhờ vào viện trợ, bị kiệt quệ hoàn toàn. Mahmoud Abbas cho là người dân Palestine đã thấy sự tai hại của chính quyền do Hamas cầm đầu nên trong tháng 12-2006 ông đã quyết định bầu lại quốc hội với hy vọng là lần này người dân Palestine sẽ không bầu cho Hamas nữa. Quyết định này đã là nguyên nhân của cuộc nội chiến.

Hai bên chọn đất thánh Mecca để hòa giải. Nhưng thực sự họ có muốn hòa giải với nhau không ?

PHÁP : Thủ tướng và ngoại trưởng đề nghị Mỹ bỏ cuộc tại Iraq

Thủ tướng Pháp Dominique de Villepin, trong một cuộc phỏng vấn dành cho báo *Financial Times*, đã đề nghị Mỹ nên bỏ cuộc và rút quân khỏi Iraq. Ông De Villepin nói : "*Không thể đợi đến lúc thiết lập được một nền dân chủ ổn định rồi mới rút quân. Đó là điều không thể có. Tiếp tục giữ quân đội tại Iraq chỉ làm tăng thêm số người chết*". Ông đề nghị Mỹ rút hết quân đội khỏi Iraq từ đây tới cuối năm 2008. Theo ông De Villepin thì Mỹ đã thất bại tại Iraq, đã tổn thất hơn 3.000 binh sĩ và đã tốn hàng trăm tỷ USD.

Cùng ngày, ngoại trưởng Pháp Philippe Douste-Blazy cũng phát biểu một lập trường tương tự trên đài truyền hình Pháp. Hai chính phủ Mỹ và Anh, qua lời phát ngôn viên của họ, đã phản ứng một cách phẫn nộ.

Người ta không thể hiểu nổi sự hợp lý của thủ tướng Pháp. Đành rằng Mỹ cho tới nay đã thất bại tại Iraq nhưng vấn đề cốt lõi phải được đặt ra là cuộc tấn công đánh đổ chế độ bạo ngược và khủng bố Saddam Hussein có chính đáng hay không ? Nếu cuộc tấn công này là chính đáng thì dù có thất bại vì những

vụng về của Mỹ vẫn có thể sửa sai, như họ đã cố gắng làm, và thành công. Lý luận rằng Mỹ đã thất bại vì đã tổn thất 3.000 binh sĩ lại càng khó hiểu. Chỉ riêng một trận đánh tại Normandy giải phóng nước Pháp năm 1944 không thôi, phía Mỹ đã thiệt hại hơn 200.000 binh sĩ trước khi giải phóng được Paris.

Người ta cũng không thể hiểu tại sao ông De Villepin và bộ trưởng ngoại giao của ông lại đưa ra những lời tuyên bố thiếu ngoại giao như vậy đối với Mỹ.

Phải chăng là vì ông muốn phá đám Nicolas Sarkozy, tuy chỉ là bộ trưởng nội vụ trong chính phủ của ông nhưng lại đánh bại ông trong cả cuộc tranh giành chức vụ chủ tịch đảng cầm quyền UMP lẫn cuộc tranh giành vai trò ứng cử viên tổng thống Pháp tháng 4 sắp tới? Nicolas Sarkozy được coi là rất thân Mỹ và không hề cải chính. Điều nghịch lý là dù dân chúng Pháp khá bài Mỹ nhưng họ lại muốn được như Mỹ và xem ra thích Nicolas Sarkozy. Hay là De Villepin muốn nhắc nhở với thế giới rằng Pháp vẫn là một cường quốc và có thể có tiếng nói ngược lại với Mỹ? Hay là, chính bản thân ông cần gây được sự chú ý, vì đang bị lu mờ trước Sarkozy? Tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ.

BANGLADESH mối nguy cho dân chủ và an ninh thế giới

Năm 2006, nhất là nửa sau, quả nhiên là bất lợi cho dân chủ. Mỹ sa lầy trong mục tiêu thiết lập một nền dân chủ tại Iraq. Các tướng lĩnh Thái Lan đảo chính lật đổ chế độ dân chủ. Nhiều đảng cánh tả dân túy đắc cử tại châu Mỹ la-tinh. Bầu cử tự do đưa lực lượng Hồi giáo quá khích Hamas lên cầm quyền tại Palestine, dẫn tới bế tắc và nội chiến. Lực lượng Hồi giáo quá khích Hezbollah lên như diều tại Lebanon làm chao đảo chính quyền dân chủ. Nhưng mối nguy lớn nhất cho dân chủ và an ninh thế giới đến từ Bangladesh.

Tại đây, đảng BNP (Đảng Quốc Gia Bangladesh), sau khi liên minh với lực lượng Hồi giáo toàn nguyên Jamaat-i-Islami để thắng cử năm 2001, đã thả lỏng cho lực lượng này hoạt động và xâm nhập cả quân đội. Cảm thấy có thể thất bại trước những khó khăn kinh tế xã hội và sự bất mãn lên cao của dân chúng, liên minh này đã tự giải tán chính phủ và thay thế bằng một chính quyền lâm thời từ tháng 10-2006. Trước những cuộc biểu tình phản đối, chính quyền lâm thời này (trên thực tế vẫn là liên minh BNP-Jamaat-i-Islami) đã đàn áp một cách thô bạo, bắt giam hàng ngàn người đối lập và tuyên bố đình hoãn cuộc bầu cử quốc hội mà trong đó họ chắc chắn sẽ thất bại. Bangladesh trên thực tế đã trở thành một nước độc tài quân phiệt trong tay lực lượng Hồi giáo quá khích. Dân chủ có thể tái lập được không là một câu hỏi lớn.

Cái gì sẽ xảy ra nếu chính quyền lọt vào tay lực lượng Hồi giáo toàn nguyên?

Trả lời: nó sẽ là một vùng đất màu mỡ lý tưởng cho các lực lượng khủng bố nhân danh Hồi giáo. Lý do là vì quốc gia này gần như tuyệt vọng. Trên một lãnh thổ rất nhỏ (144.000 km², nghĩa là bằng một nửa Việt Nam) sống chen chúc 150 triệu người nghèo khổ, chính trị rất bất ổn, đảo chính thường xuyên, chia rẽ, hận thù và bạo lực đầy rẫy, thêm vào đó ít lâu lại có lụt lớn, có khi làm thiệt mạng cả triệu người. Các lực lượng khủng bố không thể tìm được một vùng đất thuận lợi hơn.

Bangladesh trước đây là phần phía Đông của Pakistan, nhưng cách xa phần phía Tây (nay là Pakistan) cả ngàn cây số,

ngăn cách bởi Ấn Độ. Năm 1971, đảng Awami, một đảng ôn hòa có khuynh hướng dân chủ của lãnh tụ Mujibur Rahman ở phía Đông chiếm được đa số ở quốc hội vì dân phía Đông đông hơn. Các tướng lĩnh Pakistan đình chỉ hiến pháp và đàn áp dã man dân phía Đông làm hơn 10 triệu người phải tị nạn sang Ấn Độ.

Quân đội Ấn Độ tấn công giải phóng Bangladesh, và sau một cuộc chiến chớp nhoáng buộc quân đội Pakistan phải đầu hàng. Đông Pakistan tuyên bố độc lập với quốc hiệu Bangladesh. Mujibur Rahman lên cầm quyền, nhưng chỉ vài năm sau ông và cả gia đình bị tàn sát trong một cuộc đảo chính. Kế tiếp là một giai đoạn hỗn loạn. Ổn định chỉ vẫn hồi rất lâu sau đó, năm 1996 tổ chức bầu cử được tái lập, bà Hasina Wazed, người con gái sống sót của Mujibur Rahman và lãnh tụ của đảng Awami, đắc cử và lên làm thủ tướng. Bà Hasina Wazed làm nhiều cải tổ theo chiều hướng thân phương Tây. Năm 2001, đảng Awami thất cử trước liên minh BNP-Jamaat-i-Islami, Bangladesh dần dần trở lại đường lối Hồi giáo bảo thủ.

Theo những thăm dò dư luận, liên minh này chắc chắn sẽ thất bại trước đảng Awami trong cuộc bầu cử đáng lẽ phải được tổ chức cuối năm 2006. Chính vì thế mà liên minh BNP-Jamaat-i-Islami đình chỉ hiến pháp.

VATICAN-VIỆT NAM tiến tới bình thường hóa quan hệ

Cuối tháng 1-2007, thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng đã yết kiến giáo hoàng Benedict 16 tại tòa thánh Vatican. Cuộc thăm viếng chỉ kéo dài 25 phút, lại qua thông dịch viên nên chỉ giới hạn trong việc chào hỏi, chúc sức khỏe, v.v. nhưng sự kiện này cũng mang nhiều ý nghĩa.

Trước hết đây là một bước tiến quan trọng trong tiến trình bình thường hóa quan hệ giữa tòa thánh Vatican và Việt Nam, điều mà Vatican đã muốn từ lâu nhưng Hà Nội vẫn từ chối. Sau đó nó có thể đánh dấu một thay đổi trong cách nhìn của chính quyền cộng sản Việt Nam đối với các tôn giáo. Người ta chờ đợi cách ứng xử của nhà cầm quyền cộng sản đối với các tôn giáo khác trong những ngày sắp tới. Cũng nên biết cho tới một ngày rất gần đây, tháng 12-2006, Hà Nội vẫn còn bị Hoa Kỳ xếp vào danh sách "các nước đặc biệt đáng quan tâm" về tôn giáo. Sự quan ngại này là rất có cơ sở vì cho tới nay Hà Nội đã đối xử một cách đặc biệt thô bạo đối với các tôn giáo.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là tổ chức tôn giáo mà Hà Nội lo ngại và chèn ép nhất. Họ đã từng bỏ tù và lưu đày hai vị lãnh đạo giáo hội này, hòa thượng Huyền Quang, tăng thống của giáo hội, và hòa thượng Quảng Độ, chủ tịch Viện Hóa Đạo. Cho đến nay hai vị vẫn bị cấm di chuyển. Riêng hòa thượng Quảng Độ gần như là bị tù tại gia vì bị cấm mọi thăm viếng.

Tôn giáo bị đối xử hung bạo nhất là đạo Tin Lành, nhiều mục sư bị đánh đập khi đang giảng đạo, nhiều nhà nguyện bị phá hủy, nhiều mục sư và tín đồ khác bị cầm tù.

Một trong những giáo hội bị thù ghét nhất là Phật Giáo Hòa Hảo, có lẽ vì đảng cộng sản nghĩ rằng không có hy vọng nào để lôi kéo giáo hội này, họ đã từng thủ tiêu giáo chủ sáng lập Huỳnh Phú Sổ năm 1946.

Riêng đối với đạo Cao Đài, đảng cộng sản chủ trương xóa bỏ và trên thực tế đã dùng mọi biện pháp để xóa bỏ. Tôn giáo này hiện nay rất suy yếu.

Công giáo là giáo hội mà chính quyền cộng sản lo sợ nhất

vì số lượng tín hữu đông đảo (khoảng 7 triệu người), có tổ chức chặt chẽ và các tu sĩ có trình độ cao. Công giáo gần như bị bóp nghẹt tại miền Bắc và vẫn chưa phục hồi được. Tại miền Nam, sau năm 1975, họ đã tịch thu phần lớn tài sản của giáo hội, bắt giam một số lớn linh mục, kể cả giám mục, như giám mục Nguyễn Kim Điền. Tuy nhiên Hà Nội vẫn gồm Vatican và các phản ứng quốc tế nên chưa dám lập ra giáo hội Công giáo quốc doanh và phủ nhận tư cách của Hội Đồng Giám Mục, như đã làm với Phật giáo.

Về phần giáo hội Công giáo, nếu trước đây tại miền Nam giáo hội này có nuôi một vài tham vọng thì sau 1975, dưới chế độ cộng sản, họ đã ý thức rằng Công giáo chỉ là một tôn giáo thiểu số (khoảng 8% dân số) và chỉ có một nguyện vọng là được yên ổn giữ đạo và hành đạo. Hội Đồng Giám Mục đã tỏ ra rất nhân nhượng, không phản đối khi bị tịch thu tài sản, khi các linh mục bị bắt giam, hay khi bị ngăn cấm tấn phong các linh mục.

Có lẽ đảng cộng sản đã hiểu rằng mối lo ngại của họ đến từ các lực lượng dân chủ chứ không phải là Công giáo. Sau thái độ thân thiện với Vatican, người ta có quyền ít nhất đòi hỏi chính quyền Hà Nội phải chấm dứt cách đối xử rất thô bạo đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, các giáo phái Tin Lành và Phật Giáo Hòa Hảo.

VIỆT NAM một nửa bước tiến trong chiều hướng đúng

Hội nghị trung ương 4 của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã kết thúc ngày 24-1-2007 với một kết quả có thể được đánh giá như một nửa bước theo chiều hướng đúng.

Theo thông báo của đảng cộng sản thì Hội nghị trung ương 4 đã quyết định đơn giản hóa bộ máy đảng và nhà nước. Tổ chức đảng sẽ chỉ gồm sáu ban trung ương thay vì 11 ban như hiện nay. Chính phủ cũng sẽ giảm bớt một số bộ.

Quan trọng hơn, Hội nghị trung ương 4 đã lấy một quyết định đáng lẽ đã phải lấy từ rất lâu là chấm dứt việc để cho đảng, quân đội, công an, mặt trận tổ quốc làm kinh doanh. Quyết định này có nghĩa là các công ty của đảng, quân đội, công an và mặt trận sẽ được chuyển giao cho nhà nước. Người ta có thể hoan nghênh quyết định này bởi vì nó chấm dứt tình trạng nhiều nhà nước trong một nhà nước. Với tình trạng hiện nay, các định chế này gần như là những lực lượng tự trị.

Câu hỏi đặt ra là quyết định này có thể thực hiện được không? Câu trả lời là chưa chắc đã thực hiện được. Lấy thí dụ là lời hứa giải quyết nhanh chóng các vụ tham nhũng lớn (PMU18, Hàng Không Việt Nam, v.v.) của thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng. Lời hứa này dễ hơn nhiều so với việc dẹp các công ty của đảng, quân đội và công an, nhưng tới nay hình như đã chìm vào quên lãng. Có quá nhiều quyền lợi và vì thế quá nhiều thế lực dằng co với nhau tại Việt Nam. Dù sao vấn đề cũng đã được đặt ra và mọi người hiểu là sớm hay muộn cũng phải chấm dứt tình trạng đảng cộng sản, quân đội và công an làm kinh doanh.

Trên một điểm quan trọng và cấp bách khác là bầu cử quốc hội, hội nghị vẫn tiếp tục giữ luật bầu cử cũ, nghĩa là "đảng cử dân bầu". Các ứng cử viên vẫn phải do Mặt Trận Tổ Quốc, nghĩa là Đảng Cộng Sản Việt Nam, chọn lựa trước. Quốc hội vì vậy vẫn chỉ là một dụng cụ của đảng, một cỗ máy giờ tay không hơn không kém. Thời gian bầu cử được qui định là tháng 5-2007. Nếu đảng cộng sản không kịp thời thay đổi luật bầu cử này, theo chiều hướng cho phép các ứng cử viên độc lập, thì bầu cử vẫn chỉ là một trò hề bị bịp, và là một sỉ nhục cho một dân tộc tự hào là có bốn nghìn năm lịch sử.



Lê Thị Công Nhân

ĐÀN ÁP THÔ BẠO những người dân chủ trẻ tại Hà Nội

Sáng ngày 3-2-2007 [ghi chú : cũng là ngày kỷ niệm 77 năm thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam], tại văn phòng luật sư Thiên Ân tại Hà Nội của luật sư Nguyễn Văn Đài, nữ luật sư Lê Thị Công Nhân đang hướng dẫn một khóa học tập cho năm anh em dân chủ trẻ về luật pháp và nhân quyền thì bị một toán công an gồm 10 người thuộc Cục A42 (Cục An Ninh Chính Trị) xông vào bắt tất cả sáu người đem về đồn công an. Họ không có lệnh bắt và cũng không đưa lý do bắt.

Đến chiều họ cho mọi người ra về nhưng luật sư Lê Thị Công Nhân và ba người khác không chịu về, đòi lập biên bản về việc bắt người trái phép này. Còn đang dùng dằng thì luật sư Nguyễn Văn Đài (không có mặt trong buổi học tập nên không bị bắt), kỹ sư Bạch Ngọc Dương (đã ra về trước đó vì có chuyện riêng) và một thanh niên khác cùng đến đồn công an bênh vực các bạn họ. Cả ba đều đeo băng đòi dân chủ.

Sau một lúc cãi cọ, công an đã đánh Bạch Ngọc Dương, rồi giữ lại luôn Nguyễn Văn Đài.

Buổi tối, công an dẫn Lê Thị Công Nhân và Nguyễn Văn Đài về văn phòng luật sư Thiên Ân khám xét, lục lạo trong gần ba giờ, tịch thu các máy vi tính và lần này tuyên bố bắt giam Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân. Đến sở công an Hà Nội, công an cho biết họ có thể sẽ bị giải tòa vì tội hoạt động chống lại nhà nước. Giữ đêm, Đài và Công Nhân được trả tự do.

Sau đó mỗi ngày cả hai đều bị triệu tập lên đồn công an thẩm vấn, cả hai đều cương quyết xác nhận chính công an chứ không phải họ đã vi phạm luật pháp. Tội mà công an gán cho họ là đã liên lạc với Việt kiều nước ngoài.

Trả lời của Nguyễn Văn Đài : "Đảng và nhà nước đã nói Việt kiều ở nước ngoài là khúc ruột ngàn dặm của tổ quốc, chúng tôi liên hệ với họ vì đó là một bổn phận". Các cuộc thẩm vấn vẫn tiếp tục.

Dù kết thúc ra sao, vụ bắt bớ này cũng nói lên tính thô bạo và tùy tiện của công an. Áp vào một buổi họp bắt người mà không có lệnh, sau đó đã trả tự do cho những người bị bắt nhưng vì họ ở lại phản đối thì lại bắt luôn. Luật sư Nguyễn Văn Đài chỉ vì đến thăm và bênh vực những người bị bắt, một việc làm tự nhiên của một luật sư, cũng bị bắt luôn. Rồi sau đó khám nhà, tịch thu tài sản và kết tội chống nhà nước. Sự tùy tiện thực là quá trắng trợn !



Nguyễn Văn Đài

Nguyễn Việt Anh Hào

Sự khiêm tốn nhiều khi cũng có phần thưởng. Tôi thường được hấn dành cho vinh dự tới thăm và cho biết những điều quan trọng. Hấn là thằng bạn mà tôi ngưỡng mộ từ những ngày còn học cùng lớp với nhau ở trường trung học. Hấn xuất sắc về mọi môn, thực xứng đáng với cái tên Nguyễn Việt Anh Hào mà cha mẹ đặt cho hấn.

Vài ngày trước ngày 30-4-1975, hấn theo gia đình xuất ngoại, đậu tiến sĩ chính trị học và đang là một viên chức cao cấp trong bộ ngoại giao Mỹ. Tên hấn thường được nêu trong những bài viết về "Về Vang Dân Việt". Các tổ chức chính trị đua nhau câu cạnh hấn, nhưng hấn không tham gia một tổ chức nào cả. Hấn quá cao để tìm được một tổ chức xứng đáng, đành phải đứng ngoài và đứng trên mọi tổ chức. Những vĩ nhân thường gặp số phận cô đơn.

Trong những lần tâm sự với tôi hấn vẫn trách người Việt Nam không biết ơn những người cao cả đem lại vinh quang cho mình. Hấn buồn vì chưa được biết ơn đúng mức. Tôi không thuộc thành phần mà hấn trách. Tôi ngưỡng mộ và biết ơn hấn thực sự. Mỗi lần hấn đến thăm gia đình tôi là cả một lễ hội. Hấn là một mẫu mực thành công và một gương sáng cho các con tôi.

Hấn vừa dẫn một phái đoàn ngoại giao về nghiên cứu tình hình chính trị Việt Nam trong hơn một tháng. Hấn nói:

- Chuyến đi rất thành công, tao gặp được tất cả những người cần gặp, chủ tịch nước, thủ tướng, các ủy viên bộ chính trị, các bộ trưởng. Tao gặp hết và thảo luận rất cởi mở. Họ đánh giá cao công trình nghiên cứu này và rất quan tâm đến ảnh hưởng của phúc trình của tao trong việc cải thiện quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam. Tao thảo luận với họ trên tất cả mọi vấn đề và hầu như đồng ý hoàn toàn.

- Đồng ý hoàn toàn ?

- Chúng tao đều đồng ý rằng nước Việt Nam có 84 triệu dân, ở Đông Nam Á, Bắc giáp Trung Quốc, Tây giáp Lào và Campuchia, Đông giáp Thái Bình Dương, hai thành phố lớn nhất là Sài Gòn và Hà Nội, Hà Nội là thủ đô chính trị nhưng Sài Gòn là thủ đô kinh tế, đang thực hiện chính sách kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế tăng trưởng hơn 7% trong các năm qua, tuy vậy có vấn đề tham nhũng rất trầm trọng phải giải quyết. Đồng ý gần như hoàn toàn, chỉ có một khác biệt không đáng kể.

Tôi hỏi :

- Mà không đồng ý với họ về điểm nào?

Hấn đáp :

- Họ cho là đảng cộng sản có công rất lớn đối với đất nước và do đó có quyền cai trị độc quyền đất nước trong một thời gian vô hạn định, những kẻ phủ nhận vai trò lãnh đạo độc quyền và vĩnh viễn của đảng cộng sản là những kẻ ngoan cố cần được giáo dục và nếu cần trừng trị. Còn tao thì nghĩ rằng đảng cộng sản đã gây quá nhiều thiệt hại cho đất nước và đã đến lúc phải đi chỗ khác.

- Mà coi như vậy là hoàn toàn đồng ý ?

MỤC LỤC

01. Kiểm điểm đầu năm Đinh Hợi
Thông Luận
02. Trung Quốc mất dần sức hấp dẫn về đầu tư
Nguyễn Minh
04. Davos 2007 : vô tư trước mọi nguy cơ
Nguyễn Văn Huy
05. Tâm niệm trước một hiệp đấu mới
Nguyễn Gia Kiểng
08. Tham nhũng quyền lực là tham nhũng gốc
Bùi Tin
10. Lịch sử qua về dân gian
Nghiêm Văn Thạch
11. "Nguyễn Văn Bình est libre !"
Tôi luôn mong muốn mạng sống chồng tôi được bảo đảm
Bùi Thị Kim Ngân
12. Cải cách hành chính : bắt đầu từ TP/HCM
Việt Hoàng
14. Nói tiếp về Khôn và Đại
Phan Bá Việt
16. Những sai lầm trong việc phân định lại Vịnh Bắc Việt
Trương Nhân Tuấn
19. Người Đánh Cá
Nguyễn Đức Cường
21. Cao Cholesterol
Bùi Đức Lạc
23. Suối ấm lòng các cụ già
Vân Mi
24. Thời Nguyễn Sơ (1802-1883)
Lê Văn Hào
27. Giải oan ?
Nguyễn Văn Huy
28. Nghĩa Trang Biên Hòa sẽ ra sao ?
Trần Lệ Tuyên
29. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Nguyễn Việt Anh Hào
Đáy

- Mà không hiểu gì cả. Mình cần có cái nhìn bao quát và dài hạn hơn. Đất nước và dân tộc mới là quan trọng và vĩnh cửu, chính quyền có nghĩa lý gì ? Dù chế độ cộng sản có kéo dài thêm 50 năm nữa thì 50 năm trong lịch sử của một dân tộc cũng chỉ là một thời gian không đáng kể. Dù có những người bị cầm tù vì chính kiến, nhưng có là bao trong đại khối 84 triệu người, sửa 100 triệu người trong một thập niên nữa. Tao không làm chính trị cũng vì thế. Làm chính trị, đòi thay đổi chế độ, là làm việc ngắn hạn và thực ra không quan trọng.

- Thế mà có nói cho họ biết khác biệt không đáng kể đó không ?

- Sức mấy mà tao nói ra. Nói ra thì tội nó liệt tao vào thành phần chống đối ngoan cố, không bắt giam cũng sách nhiễu, không chừng bị trục xuất và cấm về Việt Nam đó.

- Đó cũng chỉ là những chuyện nhỏ không đáng kể.

- Sao lại không đáng kể. Tao cần qua lại Việt Nam thường xuyên. Tội Mỹ rất thực tiễn. Nếu tao không được về Việt Nam nữa thì ngay cả chức vụ của tao cũng không bảo đảm.